BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TOÁN 4

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ HUY KHOÁI (Tổng Chủ biên)
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – BÙI BÁ MẠNH

TOÁN 4

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ ba)

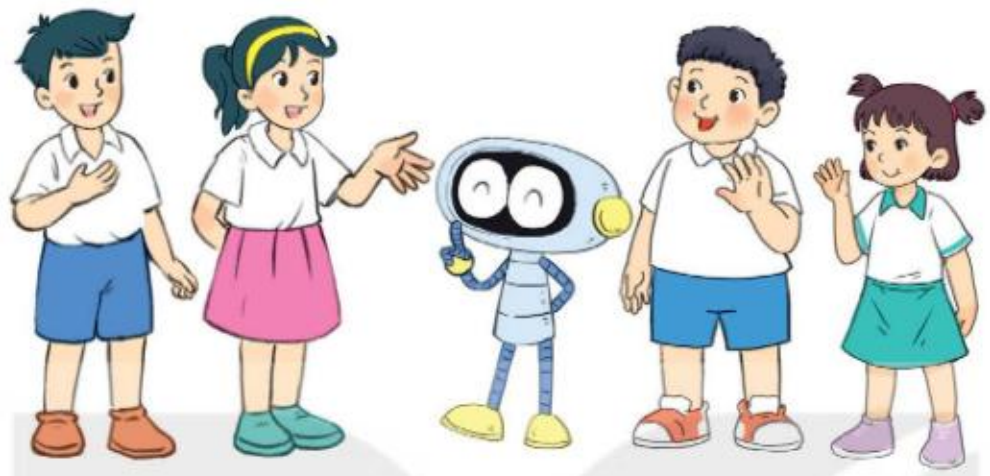
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Gửi các em học sinh lớp 4!

Trong sách *Toán 4*, các em sẽ gặp các nhân vật và một số biểu tượng chỉ dẫn như sau:



Nam *Mai* *Rô-bốt* *Việt* *Mi*

Khám phá	Tìm hiểu kiến thức mới.
Hoạt động	Làm bài tập để thực hành kiến thức.
Trò chơi	Vừa học vừa chơi, củng cố kiến thức đã học.
Luyện tập	Ôn tập, vận dụng kiến thức đã học qua các bài tập và trò chơi.
Số ?	Tìm số thích hợp.
>; <; = ?	Tìm dấu >; <; = thích hợp.
Đ, S ?	Câu nào đúng? Câu nào sai?

Cùng với hướng dẫn của các thầy cô giáo, những biểu tượng này giúp các em nhận biết được các hoạt động học tập cần thực hiện trong mỗi bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Các em yêu quý!

Sách *Toán 4* được biên soạn dành riêng cho các em. Cuốn sách này giúp các em không chỉ có được những kiến thức, kĩ năng toán học cơ bản mà còn tìm thấy toán học trong cuộc sống hằng ngày qua những trò chơi, hoạt động gắn với thực tiễn.

Sách *Toán 4* được viết thật dễ hiểu, các ví dụ hay bài tập là những tình huống thực tiễn gần gũi, gắn với hình ảnh sinh động, hấp dẫn giúp các em phát triển năng lực toán học và cảm nhận được niềm vui học toán.

Để học tốt môn Toán, các em hãy làm theo hướng dẫn của thầy cô, tham gia phát biểu xây dựng bài. Đặc biệt, các em hãy tích cực trao đổi, thảo luận nhóm trong các hoạt động và trò chơi. Làm được điều đó, các em sẽ nuôi dưỡng được tình yêu với toán học và hình thành một thái độ học tập tích cực không chỉ với môn Toán mà cả với các môn học khác.

Hi vọng cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành thân thiết, gắn bó với các em trong suốt năm học.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công!

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
1	ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG	6
	Bài 1. Ôn tập các số đến 100 000	6
	Bài 2. Ôn tập các phép tính trong phạm vi 100 000	9
	Bài 3. Số chẵn, số lẻ	12
	Bài 4. Biểu thức chứa chữ	14
	Bài 5. Giải bài toán có ba bước tính	19
	Bài 6. Luyện tập chung	21
2	GÓC VÀ ĐƠN VỊ ĐO GÓC	23
	Bài 7. Đo góc, đơn vị đo góc	23
	Bài 8. Góc nhọn, góc tù, góc bẹt	26
	Bài 9. Luyện tập chung	31
3	SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ	33
	Bài 10. Số có sáu chữ số. Số 1 000 000	33
	Bài 11. Hàng và lớp	37
	Bài 12. Các số trong phạm vi lớp triệu	41
	Bài 13. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn	45
	Bài 14. So sánh các số có nhiều chữ số	47
	Bài 15. Làm quen với dãy số tự nhiên	50
	Bài 16. Luyện tập chung	52
4	MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG	56
	Bài 17. Yến, tạ, tấn	56
	Bài 18. Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông	60
	Bài 19. Giây, thế kỉ	66
	Bài 20. Thực hành và trải nghiệm sử dụng một số đơn vị đo đại lượng	69
	Bài 21. Luyện tập chung	73

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề	Nội dung	Trang
5	PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ	76
	Bài 22. Phép cộng các số có nhiều chữ số	76
	Bài 23. Phép trừ các số có nhiều chữ số	79
	Bài 24. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng	82
	Bài 25. Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó	86
	Bài 26. Luyện tập chung	88
6	ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG	91
	Bài 27. Hai đường thẳng vuông góc	91
	Bài 28. Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng vuông góc	94
	Bài 29. Hai đường thẳng song song	98
	Bài 30. Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng song song	101
	Bài 31. Hình bình hành, hình thoi	105
	Bài 32. Luyện tập chung	110
7	ÔN TẬP HỌC KÌ 1	114
	Bài 33. Ôn tập các số đến lớp triệu	114
	Bài 34. Ôn tập phép cộng, phép trừ	118
	Bài 35. Ôn tập hình học	121
	Bài 36. Ôn tập đo lường	125
	Bài 37. Ôn tập chung	127
	Một số thuật ngữ dùng trong sách	131

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 1

ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000



1 Số ?

Viết số	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Đọc số
36 515	3	6	5	1	5	ba mươi sáu nghìn năm trăm mười lăm
?	6	?	0	3	?	sáu mươi mốt nghìn không trăm ba mươi tư
?		7	9	?	?	bảy nghìn chín trăm bốn mươi mốt
?	?	0	?	?	9	hai mươi nghìn tám trăm linh chín

2 Viết số rồi đọc số, biết số đó gồm:

a) 4 chục nghìn, 2 nghìn, 5 trăm và 3 chục.

b) 8 nghìn, 8 trăm, 8 chục và 8 đơn vị.

c) 5 chục nghìn, 7 trăm, 1 chục và 4 đơn vị.

d) 9 chục nghìn, 4 nghìn và 5 đơn vị.



3 Số ?

a) 6 825 = 6 000 + 800 + 20 + ?

b) 33 471 = 30 000 + 3 000 + ? + 70 + 1

c) 75 850 = 70 000 + 5 000 + 800 + ?

d) 86 209 = 80 000 + 6 000 + ? + 9

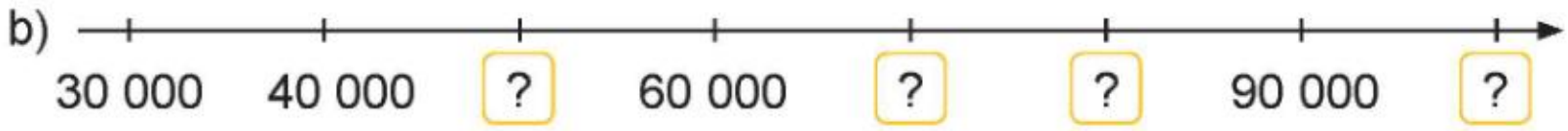
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Số ?

a)



b)



5 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
8 289	8 290	8 291
?	42 135	?
?	80 000	?
?	99 999	?

Luyện tập

1 >; <; = ?

a) 9 897 ? 10 000

68 534 ? 68 499

34 000 ? 33 979

b) 8 563 ? 8 000 + 500 + 60 + 3

45 031 ? 40 000 + 5 000 + 100 + 30

70 208 ? 60 000 + 9 000 + 700 + 9

2 Chọn câu trả lời đúng.

a) Số bé nhất trong các số 20 107, 19 482, 15 999, 18 700 là:

A. 20 107 B. 19 482 C. 15 999 D. 18 700

b) Số nào dưới đây có chữ số hàng trăm là 8?

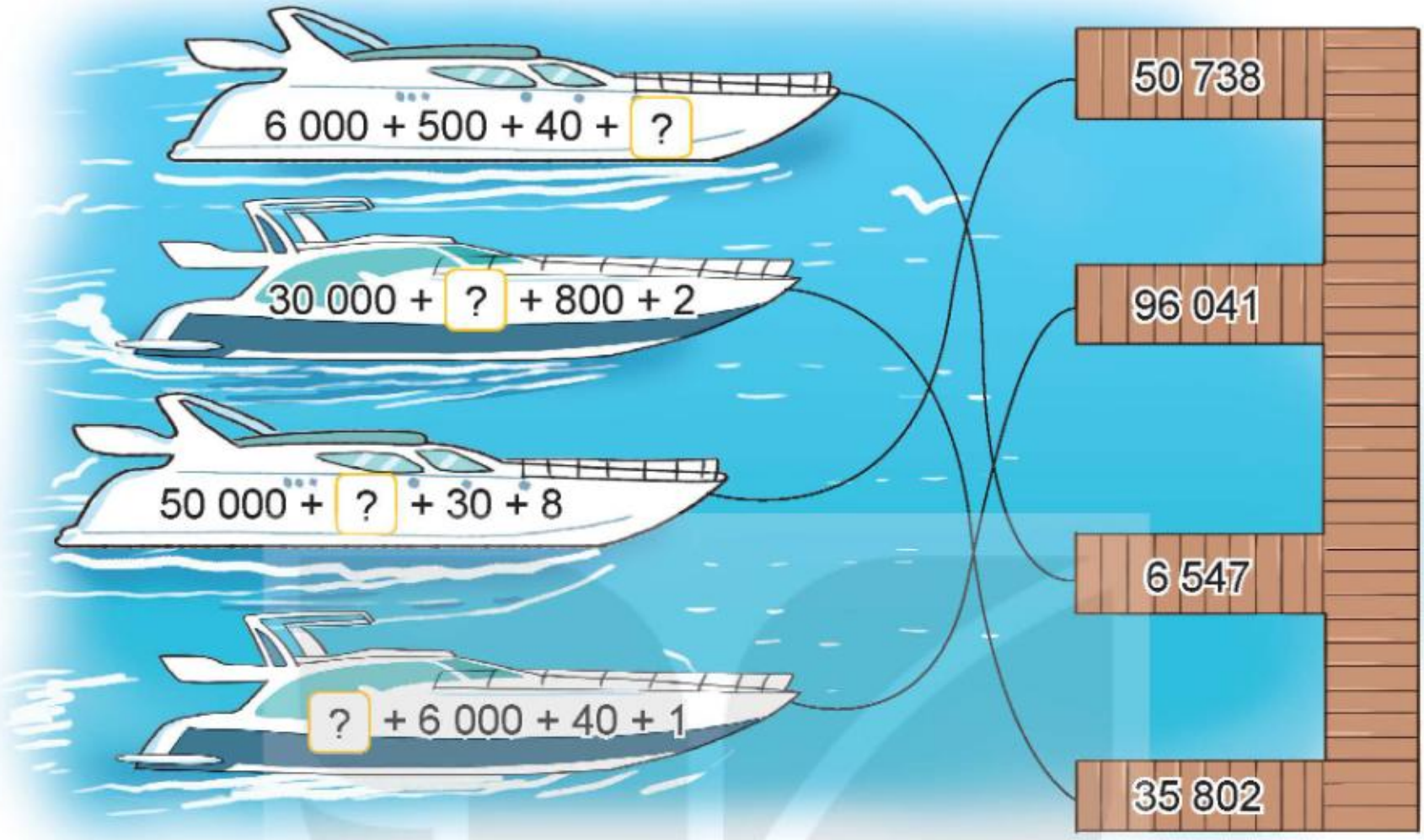
A. 57 680 B. 48 954 C. 84 273 D. 39 825

c) Số dân của một xã là 12 967 người. Số dân của xã đó làm tròn đến hàng nghìn là:

A. 12 900 B. 13 000 C. 12 000 D. 12 960

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?



4 Trong bốn ngày đầu của tuần chiến dịch tiêm vắc-xin phòng COVID-19, thành phố A đã tiêm được số liều vắc-xin như sau:

Thứ Hai: 36 785 liều vắc-xin Thứ Ba: 35 952 liều vắc-xin

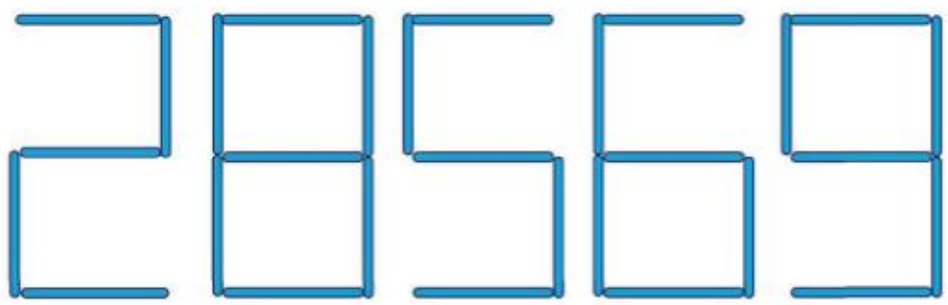
Thứ Tư: 37 243 liều vắc-xin Thứ Năm: 29 419 liều vắc-xin

a) Ngày nào thành phố A tiêm được nhiều liều vắc-xin nhất? Ngày nào thành phố A tiêm được ít liều vắc-xin nhất?

b) Viết tên các ngày theo thứ tự có số liều vắc-xin đã tiêm được từ ít nhất đến nhiều nhất.

5 Đố em!

Số 28 569 được xếp bởi các que tính như sau:



Hãy chuyển chỗ một que tính để tạo thành số bé nhất.

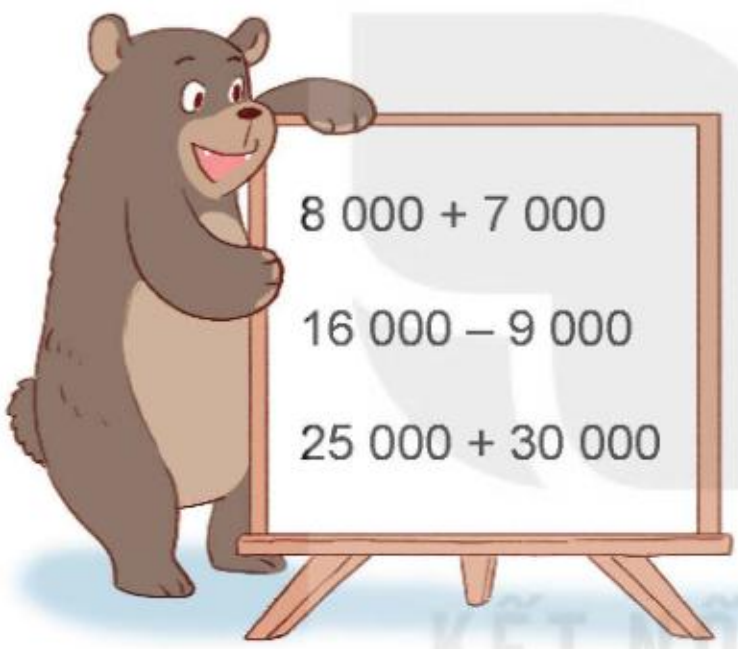
Bài 2

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

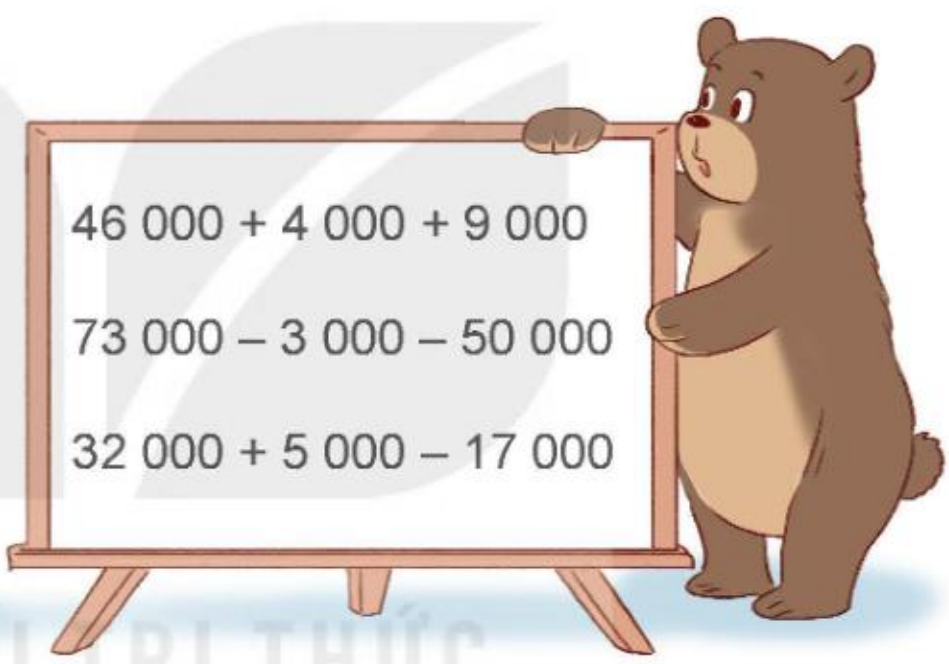
luyện tập

1 Tính nhẩm.

a)



b)



2 Đặt tính rồi tính.

8 254 + 6 392	58 623 + 25 047
36 073 – 847	74 528 – 16 240

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) 57 670 – (29 653 – 2 653)

b) 16 000 + 8 140 + 2 760

4 Giá một hộp bút là 16 500 đồng, giá một ba lô học sinh nhiều hơn giá một hộp bút là 62 500 đồng. Mẹ mua cho An một hộp bút và một ba lô học sinh. Hỏi mẹ của An phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Những phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

80 000 : 2

6 000 × 4

5 000 × 8

90 000 : 3

20 000 × 2

2 Đặt tính rồi tính.

5 071 × 9

17 218 × 4

56 472 : 8

91 503 : 7

3 Có 4 xe ô tô, mỗi xe chở 4 500 kg gạo đến giúp đỡ đồng bào vùng bị lũ lụt. Dự kiến tất cả số gạo đó được chia đều cho 5 xã. Hỏi mỗi xã sẽ nhận được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) 6 000 × 5 : 3

b) 13 206 × (36 : 9)

Luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a) Tổng của 53 640 và 8 290 là:

A. 61 830 B. 61 930 C. 51 930 D. 60 930

b) Hiệu của 68 497 và 35 829 là:

A. 31 668 B. 32 568 C. 32 678 D. 32 668

c) Tích của 29 073 và 3 là:

A. 67 219 B. 87 019 C. 87 219 D. 87 291

d) Thực hiện phép tính 54 658 : 9 được:

A. Thương là 6 073 và số dư là 1

B. Thương là 673 và số dư là 1

C. Thương là 6 072 và số dư là 10

D. Thương là 672 và số dư là 1

2 Ở một nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em, tháng Một sản xuất được 12 960 sản phẩm. Số sản phẩm sản xuất được trong tháng Hai giảm đi 2 lần so với tháng Một. Hỏi tháng Hai nhà máy đó sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) (54 000 – 6 000) : 8

b) 43 680 – 7 120 × 5

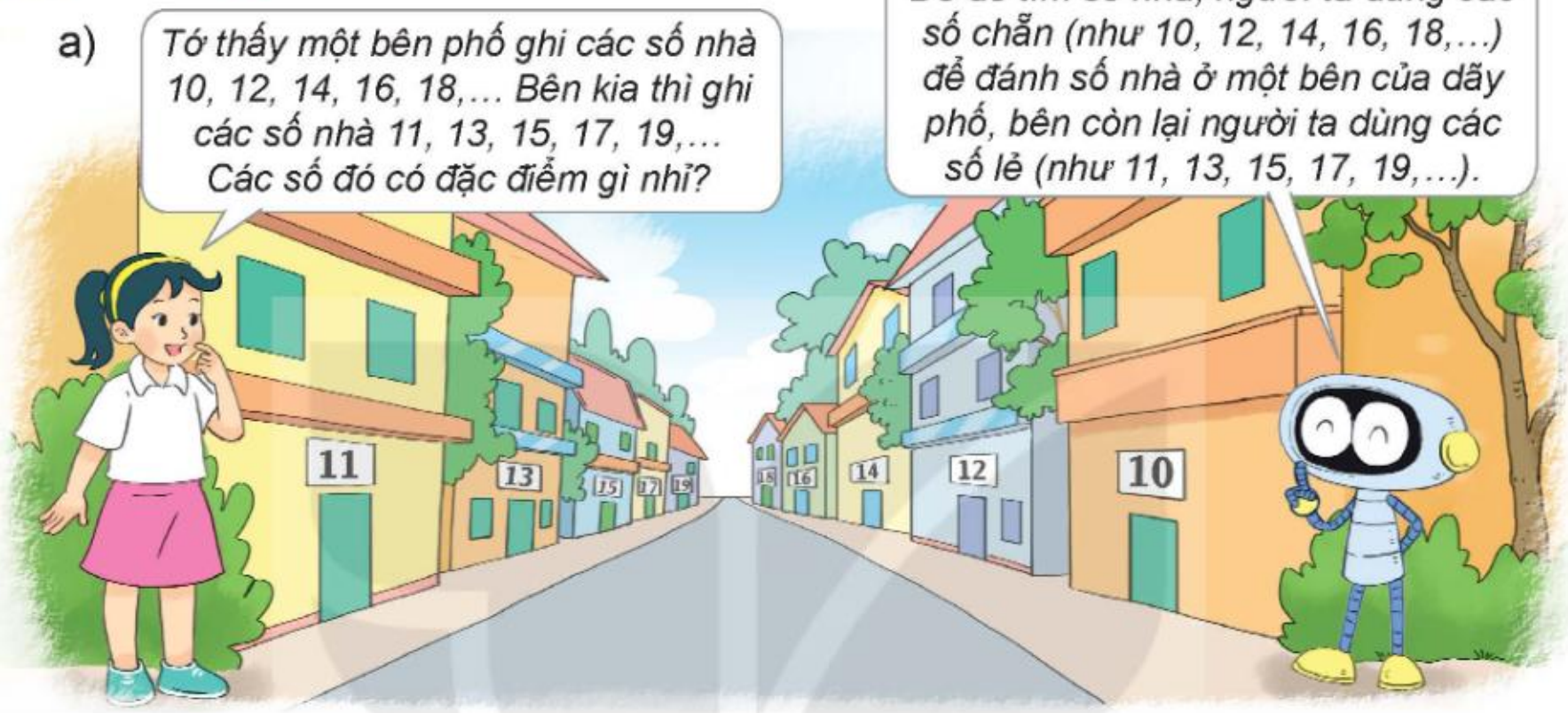
4 Để phục vụ năm học mới, một cửa hàng nhập về 4 050 quyển sách tham khảo. Số sách giáo khoa nhập về gấp 5 lần số sách tham khảo. Hỏi cửa hàng đó nhập về tất cả bao nhiêu quyển sách giáo khoa và sách tham khảo?

Bài 3

SỐ CHẴN, SỐ LẺ

Khám phá

a)



b) Số chẵn, số lẻ

- Số chia hết cho 2 là số chẵn.
- Số không chia hết cho 2 là số lẻ.



Nhận xét:

- Các số có chữ số tận cùng 0, 2, 4, 6, 8 là các số chẵn. Ví dụ: 40, 72, 214, 96, 2 318,...
- Các số có chữ số tận cùng 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ. Ví dụ: 31, 73, 615, 107, 1 909,...

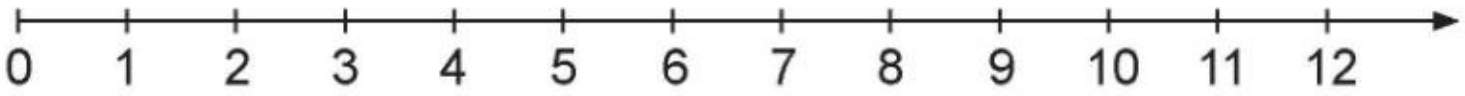
Hoạt động

1 Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ?

12 315 108 71 194

656 649 72 113 107

2 Nêu các số chẵn, số lẻ trên tia số dưới đây.



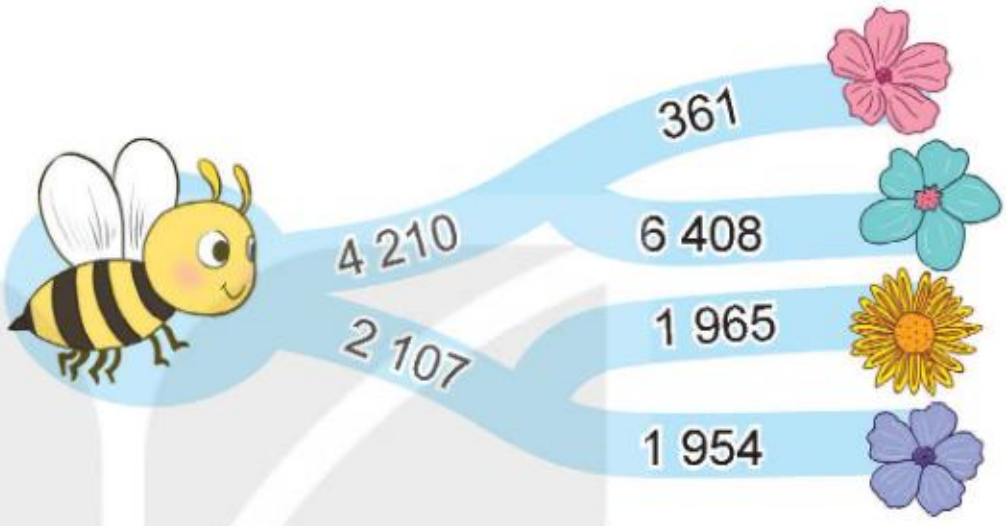
3 Từ 10 đến 31 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ?

Luyện tập

1 Con ong bay đến bông hoa màu nào nếu:

a) Con ong bay theo đường ghi các số chẵn?

b) Con ong bay theo đường ghi các số lẻ?



2 Nêu số nhà còn thiếu.

a) Bên dãy số chẵn: 116 118 ? ? ? 126

b) Bên dãy số lẻ: 117 119 ? ? ? 127

3 a) Số ?

- Biết 116 và 118 là hai số chẵn liên tiếp. Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau ? đơn vị.
- Biết 117 và 119 là hai số lẻ liên tiếp. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau ? đơn vị.

b) • Nêu tiếp các số chẵn để được ba số chẵn liên tiếp: 78 ? ?

- Nêu tiếp các số lẻ để được ba số lẻ liên tiếp: 67 ? ?

4 Từ hai trong ba thẻ số 7, 4, 5, hãy lập tất cả các số chẵn và các số lẻ có hai chữ số.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

BIỂU THỨC CHỨA CHỮ

Khám phá

a)



2 + a là biểu thức chứa chữ.

- Nếu a = 4 thì 2 + a = 2 + 4 = 6, 6 là một giá trị của biểu thức 2 + a.
- Nếu a = 12 thì 2 + a = 2 + 12 = 14, 14 là một giá trị của biểu thức 2 + a.

Mỗi lần thay chữ a bằng một số ta tính được một giá trị của biểu thức 2 + a.

b) Tính giá trị của biểu thức 40 – b với b = 15.

40 – b = 40 – 15
= 25.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) 125 : m với m = 5.

b) (b + 4) × 3 với b = 27.

2 Chu vi P của hình vuông có độ dài cạnh là a được tính theo công thức: $P = a \times 4$



a × 4 là biểu thức chứa một chữ.

a

Hãy tính chu vi hình vuông với a = 5 cm; a = 9 cm.

3 Chọn giá trị của biểu thức 35 + 5 × a trong mỗi trường hợp sau.

Giá trị của biểu thức với a = 2



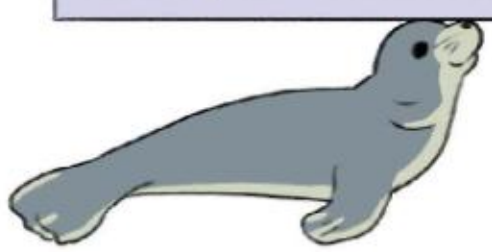
Giá trị của biểu thức với a = 5



Giá trị của biểu thức với a = 7



Giá trị của biểu thức với a = 6



45

60

65

70

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số ?

Chu vi P của hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức:

$P = (a + b) \times 2$



(a + b) × 2 là biểu thức chứa hai chữ.



Hãy tính chu vi hình chữ nhật theo kích thước như bảng sau:

Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)	Chu vi hình chữ nhật (cm)
10	7	34
25	16	?
34	28	?

2 a) Tính giá trị của biểu thức $a + b \times 2$ với $a = 8$, $b = 2$.

b) Tính giá trị của biểu thức $(a + b) : 2$ với $a = 15$, $b = 27$.

3 Quãng đường ABCD gồm ba đoạn như hình vẽ dưới đây.



Hãy tính độ dài quãng đường ABCD với:

a) m = 4 km, n = 7 km.

b) m = 5 km, n = 9 km.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 a) Tính giá trị của biểu thức 12 : (3 – m) với m = 0; m = 1; m = 2.

b) Trong ba giá trị của biểu thức tìm được ở câu a, với m bằng bao nhiêu thì biểu thức 12 : (3 – m) có giá trị lớn nhất?

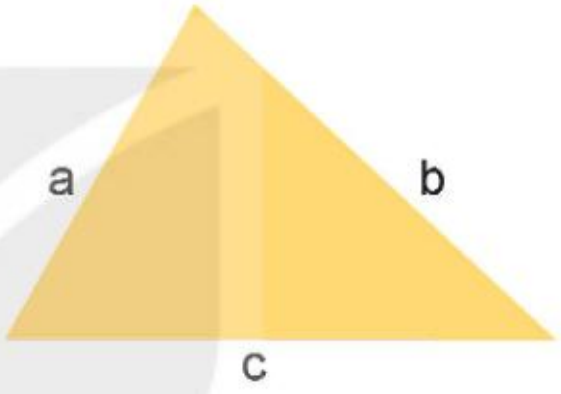


1 Chu vi P của hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là a, b, c (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức:



P = a + b + c

a + b + c là biểu thức chứa ba chữ.

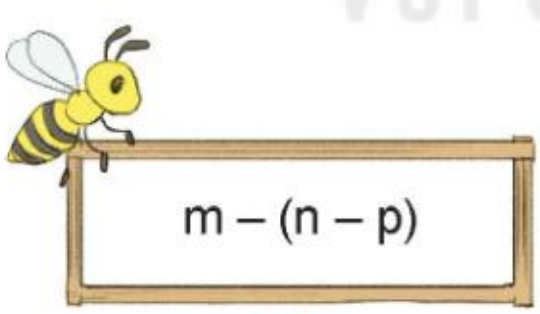


Tính chu vi hình tam giác, biết:

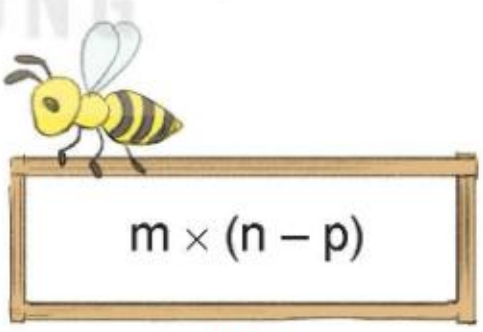
a) a = 62 cm, b = 75 cm, c = 81 cm.

b) a = 50 dm, b = 61 dm, c = 72 dm.

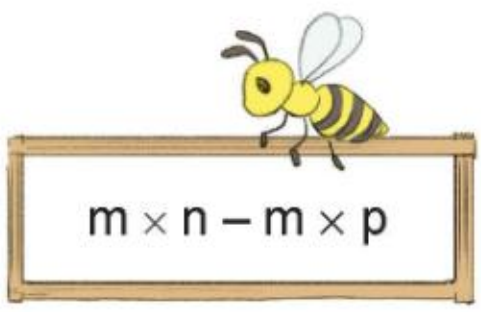
2 Với m = 9, n = 6, p = 4, hai biểu thức nào có giá trị bằng nhau?



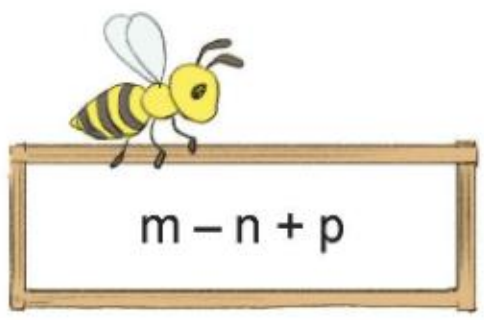
(A)



(B)



(C)



(D)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

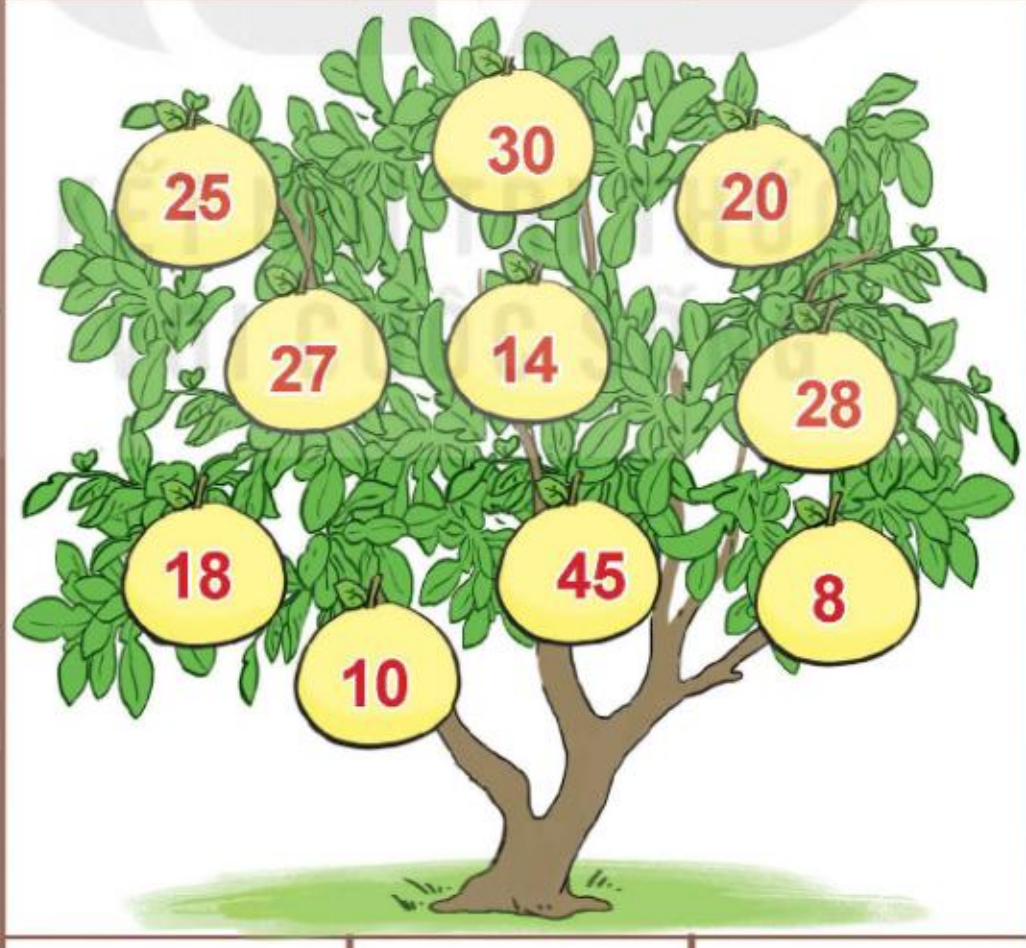
trò chơi

HÁI BƯỞI



Cách chơi:

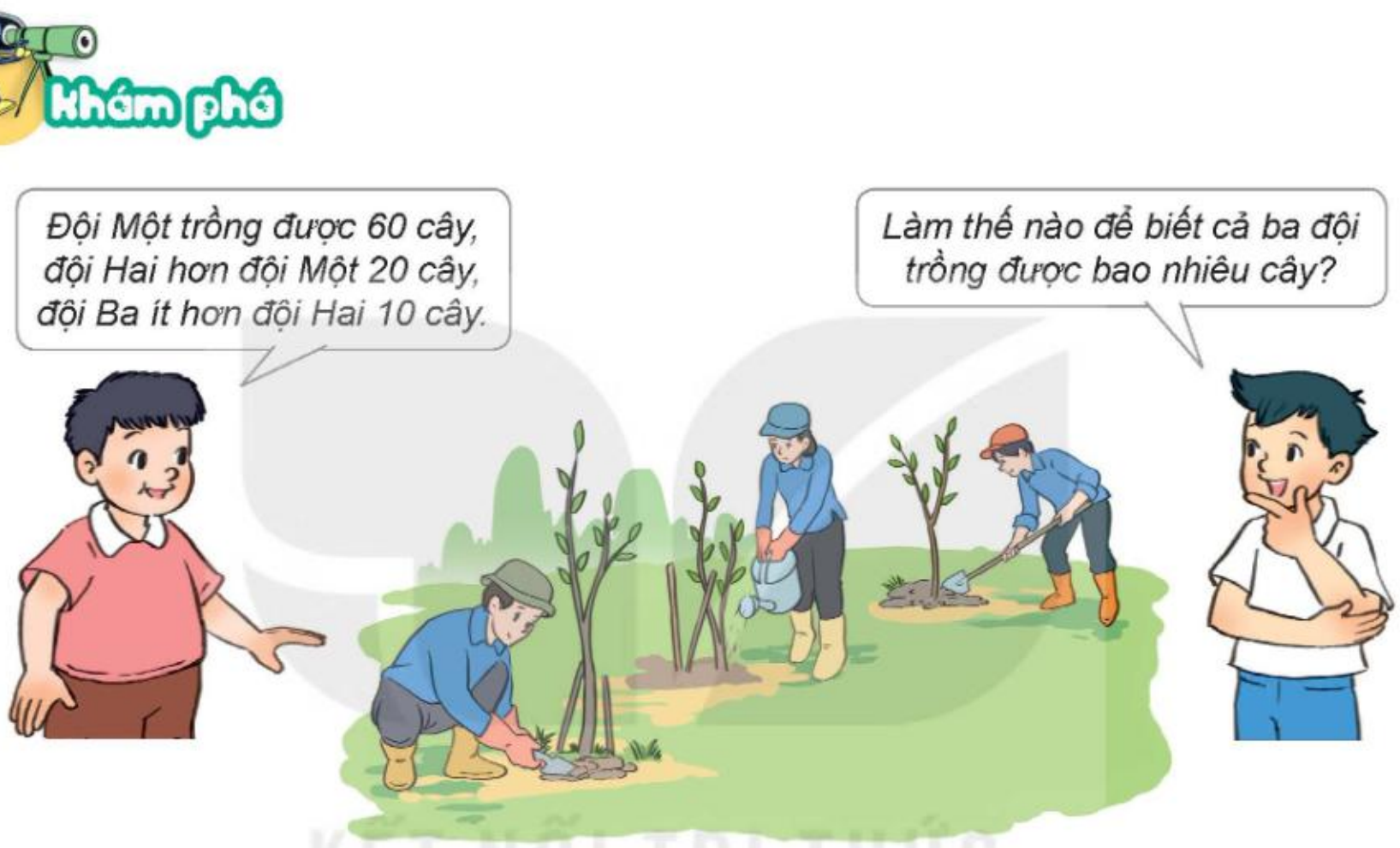
- Chơi theo cặp.
- Người chơi bắt đầu từ ô XUẤT PHÁT. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Di chuyển số ô bằng số chấm ở mặt trên xúc xắc.
- Nêu giá trị biểu thức ở ô đi đến. Nếu đúng thì hái được quả bưởi ghi số là giá trị của biểu thức đó. Nếu sai thì phải quay trở về ô xuất phát trước đó.
- Nếu đến ô có đèn xanh thì được gieo xúc xắc để đi tiếp. Nếu đến ô có đèn đỏ thì dừng lại một lượt, nhường lượt chơi cho người chơi khác.
- Trò chơi kết thúc khi có người hái được 5 quả bưởi.

<table>
<tr><td></td><td>$4 \times (7 - 2)$</td><td>$a \times 4$ (với $a = 7$)</td><td>$33 - (13 - 10)$</td><td></td></tr>
<tr><td>$a + b$
(với $a = 8$,
$b = 6$)</td><td colspan="3" rowspan="3">
</td><td>$24 : (8 - 5)$</td></tr>
<tr><td>$27 - (7 + 2)$</td><td>$a \times a$
(với $a = 5$)</td></tr>
<tr><td>$a \times 2 + b \times 2$
(với $a = 7$,
$b = 3$)</td><td>$4 + 3 \times 2$</td></tr>
<tr><td></td><td>$(m - 3) \times 9$
(với $m = 8$)</td><td>$60 : (7 - 5)$</td><td>$a + b + c$
(với $a = 15$,
$b = 5$, $c = 7$)</td><td>XUẤT PHÁT</td></tr>
</table>

Bài 5

GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH

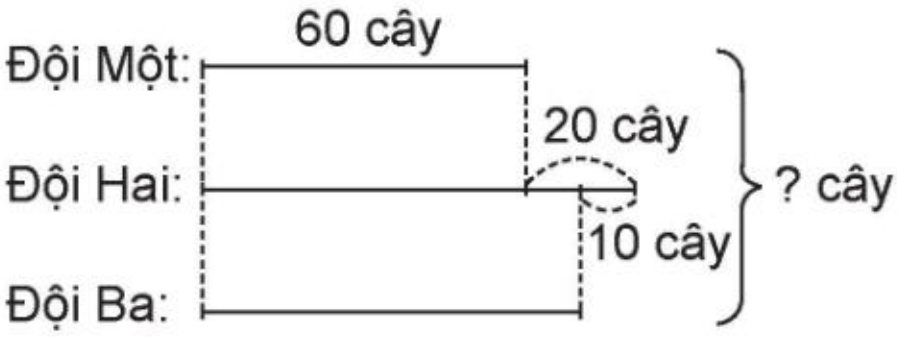
Khám phá





Ta có thể làm theo ba bước tính:
– Tìm số cây của đội Hai.
– Tìm số cây của đội Ba.
– Tìm tổng số cây của ba đội.

Tóm tắt



Bài giải

Số cây đội Hai trồng được là:
60 + 20 = 80 (cây)
Số cây đội Ba trồng được là:
80 – 10 = 70 (cây)
Số cây cả ba đội trồng được là:
60 + 80 + 70 = 210 (cây)
Đáp số: 210 cây.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Mai đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 8 000 đồng và mua 2 hộp bút chì màu, mỗi hộp giá 25 000 đồng. Hỏi Mai phải trả cô bán hàng tất cả bao nhiêu tiền?

2 Chia 40 quả táo vào các túi, mỗi túi 8 quả và chia 36 quả cam vào các túi, mỗi túi 6 quả. Hỏi số túi táo hay số túi cam có nhiều hơn và nhiều hơn mấy túi?

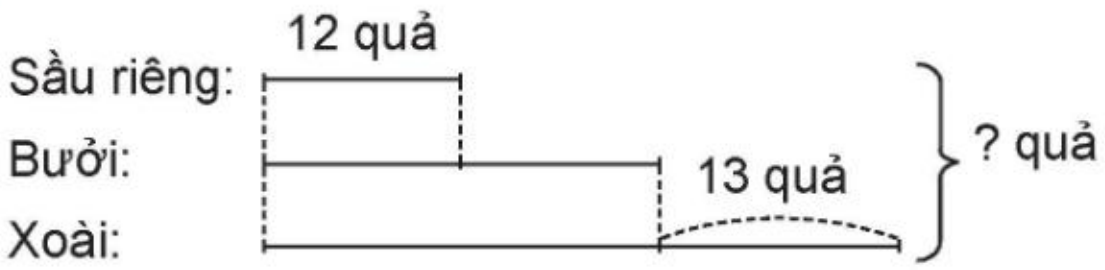
luyện tập

1 Đàn vịt nhà bác Đào có 1 200 con. Đàn vịt nhà bác Mận có ít hơn đàn vịt nhà bác Đào 300 con. Đàn vịt nhà bác Cúc có nhiều hơn đàn vịt nhà bác Đào 500 con. Hỏi số vịt của nhà bác Đào, bác Mận và bác Cúc có tất cả bao nhiêu con?

2 Một thùng nước mắm có 120 *l*. Lần đầu bán được 25 *l* nước mắm, lần thứ hai bán được gấp đôi số lít nước mắm ở lần đầu, lần thứ ba bán được 35 *l* nước mắm. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước mắm?

3 Một cửa hàng ngày thứ Sáu bán được 12 máy tính, ngày thứ Bảy bán được nhiều hơn ngày thứ Sáu 5 máy tính, ngày Chủ nhật bán được nhiều hơn ngày thứ Bảy 10 máy tính. Hỏi cả ba ngày, cửa hàng đó bán được bao nhiêu máy tính?

4 Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải.



Bài 6

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Cho các số sau:

65 237	63 794	66 053	59 872

a) Trong các số trên, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ?

b) Viết các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

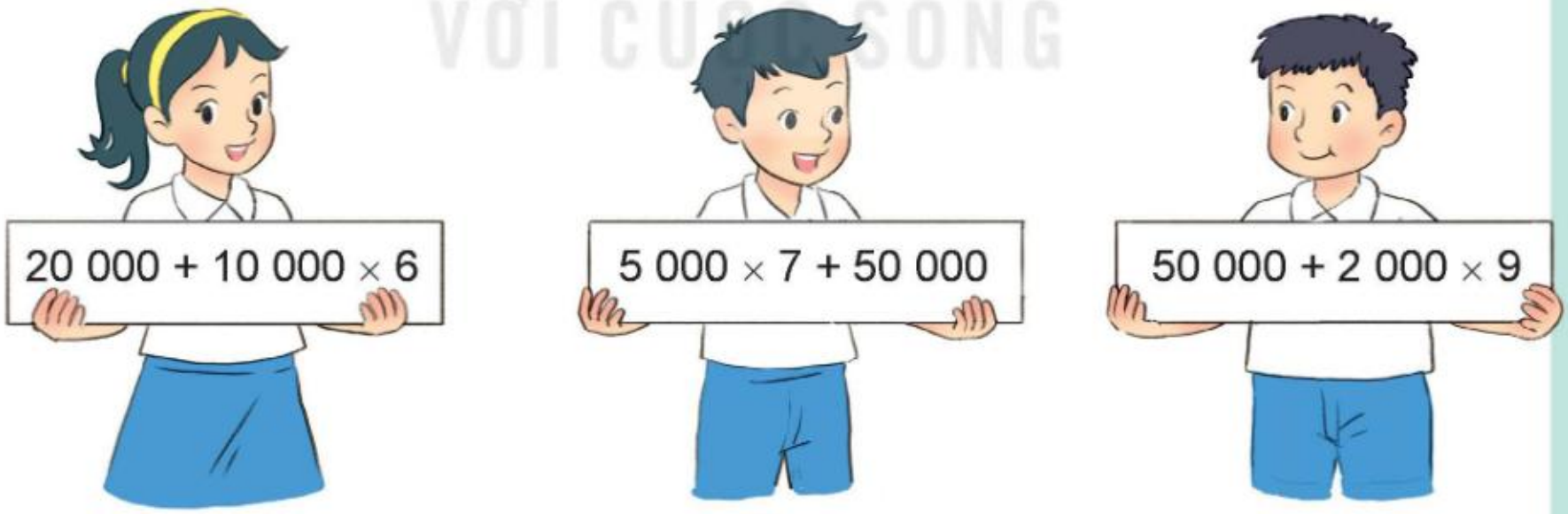
c) Làm tròn số bé nhất trong các số trên đến hàng chục.

d) Làm tròn số lớn nhất trong các số trên đến hàng chục nghìn.

2 Đặt tính rồi tính.

63 758 – 5 364	37 429 + 49 235	8 107 × 9	43 652 : 7

3 Giá trị của mỗi biểu thức dưới đây là số tiền tiết kiệm (đồng) của mỗi bạn. Hỏi bạn nào có nhiều tiền tiết kiệm nhất?



4 Một trận đấu bóng đá có 37 636 khán giả vào sân xem trực tiếp, trong đó có 9 273 khán giả nữ. Hỏi số khán giả nam nhiều hơn số khán giả nữ bao nhiêu người?

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính và thử lại (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 10\,415 \\ \times \quad 6 \\ \hline 62\,490 \end{array}$$

Thử lại: $62\,490 : 6 = 10\,415$

$$\begin{array}{r|l} 45\,759 & 5 \\ \hline 07 & 9\,151 \\ 25 & \\ 09 & \\ 4 & \end{array}$$

Thử lại: $9\,151 \times 5 + 4 = 45\,759$

a) $8\,413 \times 7$

b) $56\,732 : 8$

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $a + b - 135$ với $a = 539$ và $b = 243$.

b) $c + m \times n$ với $c = 2\,370$, $m = 105$ và $n = 6$.

3 Mai mua 1 bút mực và 5 quyển vở. Mỗi bút mực giá 8 500 đồng, mỗi quyển vở giá 6 500 đồng. Mai đưa cho cô bán hàng tờ tiền 50 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Mai bao nhiêu tiền?

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) $(13\,640 - 5\,537) \times 8$

b) $27\,164 + 8\,470 + 1\,230$

5 Trong một chuyến đi du lịch:

Việt hỏi: Chị Hoa ơi, năm nay chị bao nhiêu tuổi?

Chị Hoa trả lời: Năm nay, tuổi của chị là số lẻ bé nhất có hai chữ số.

Em hãy cùng Việt tìm tuổi của chị Hoa năm nay.



Chủ đề 2

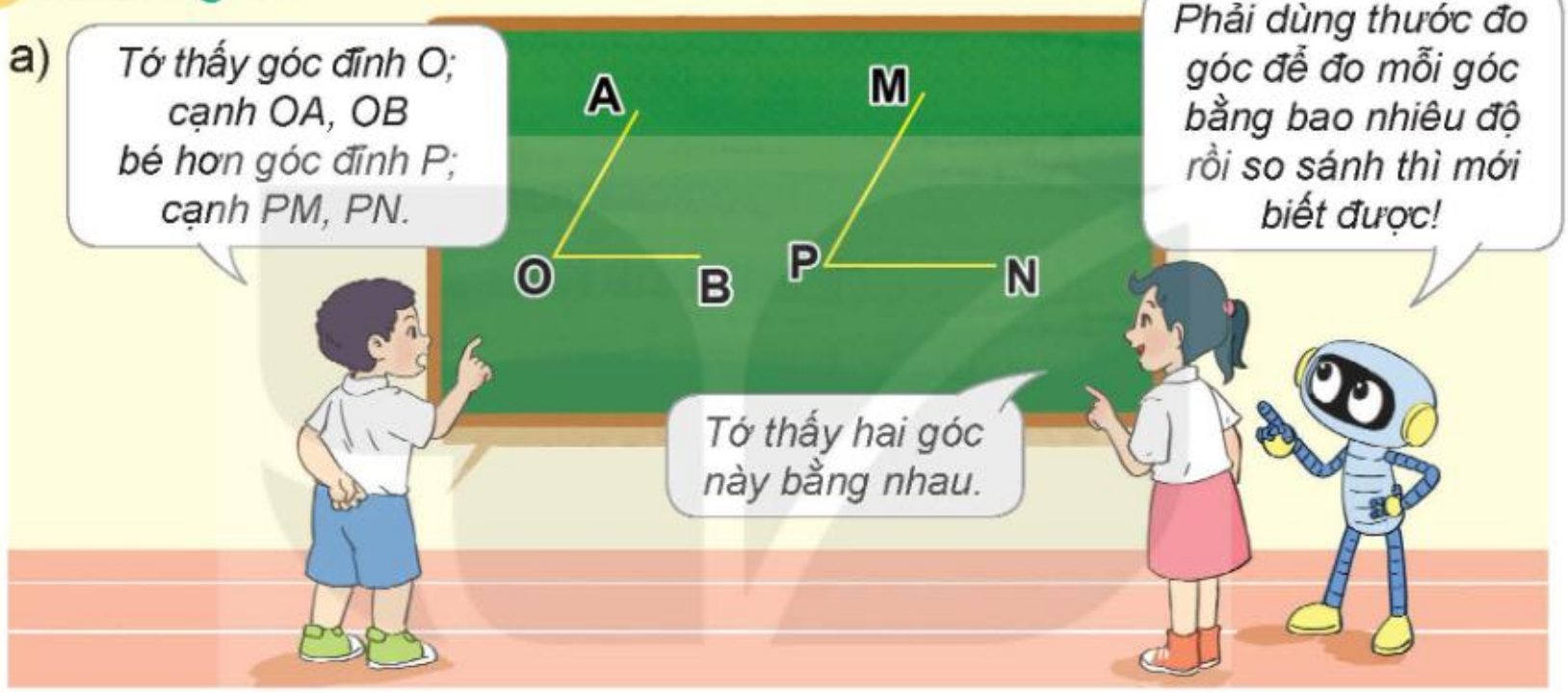
GÓC VÀ ĐƠN VỊ ĐO GÓC

Bài 7

ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC

Khám phá

a)

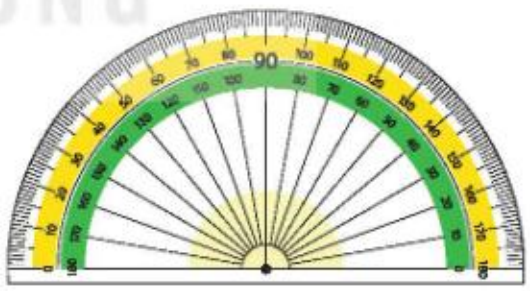


- Độ là đơn vị đo góc, kí hiệu là °. Chẳng hạn một độ viết là 1°.
- Góc đỉnh O; cạnh OA, OB bằng sáu mươi độ. Sáu mươi độ viết là 60°.

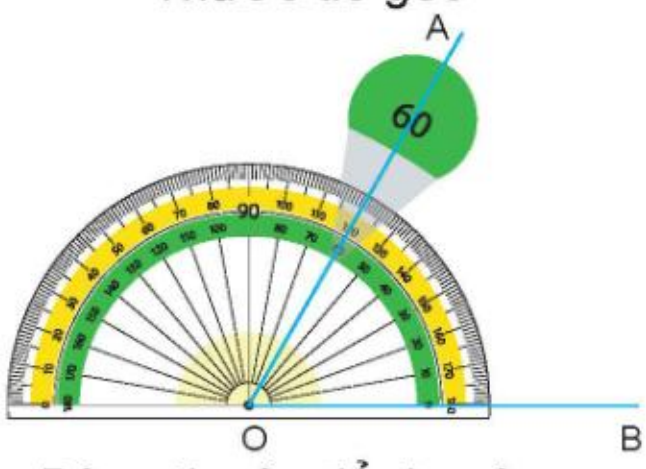
b) Cách đo góc bằng thước đo góc

Đo góc đỉnh O; cạnh OA, OB:

- Đặt thước đo góc sao cho tâm của thước trùng với đỉnh O của góc; cạnh OB nằm trên đường kính của nửa hình tròn của thước.
- Cạnh OA đi qua một vạch trên nửa đường tròn của thước, chẳng hạn vạch ghi số 60, ta được số đo góc đỉnh O; cạnh OA, OB bằng 60°.



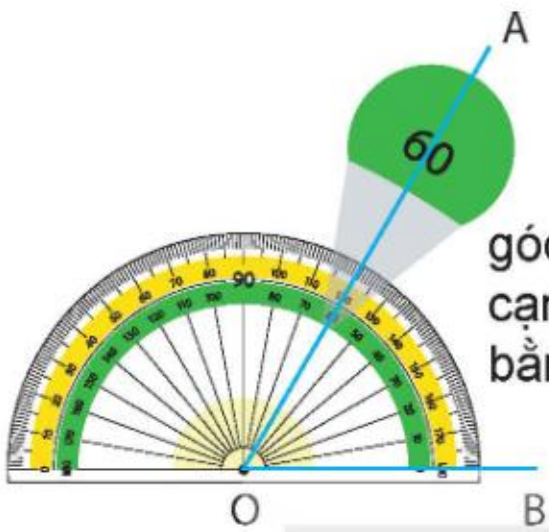
Thước đo góc



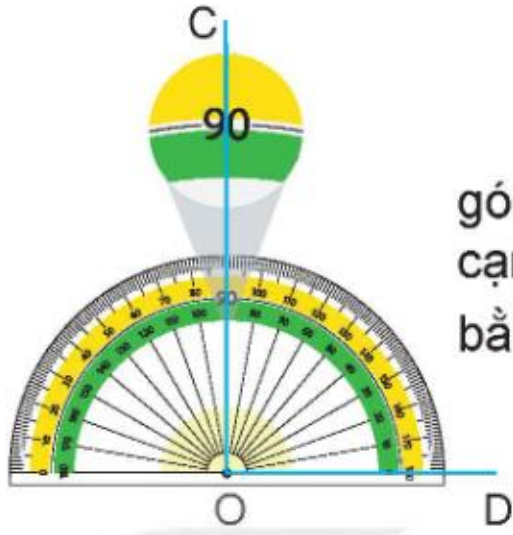
Dùng thước để đo góc

hoạt động

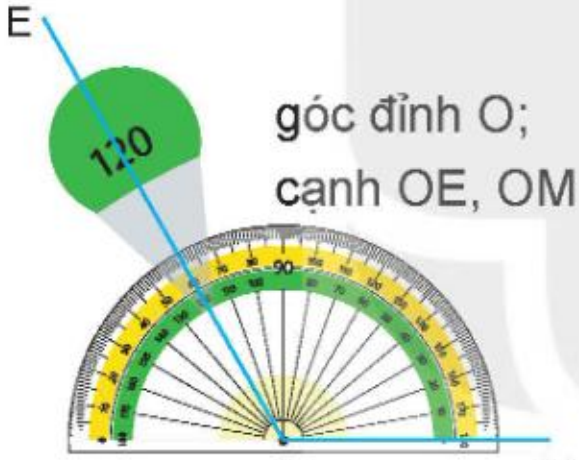
1 Quan sát thước đo góc rồi nêu số đo của mỗi góc (theo mẫu).



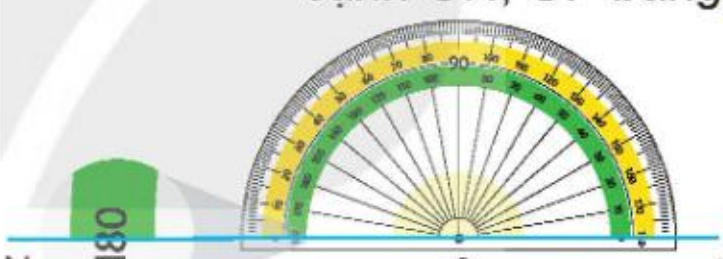
góc đỉnh O;
cạnh OA, OB
bằng 60°



góc đỉnh O;
cạnh OC, OD
bằng ?

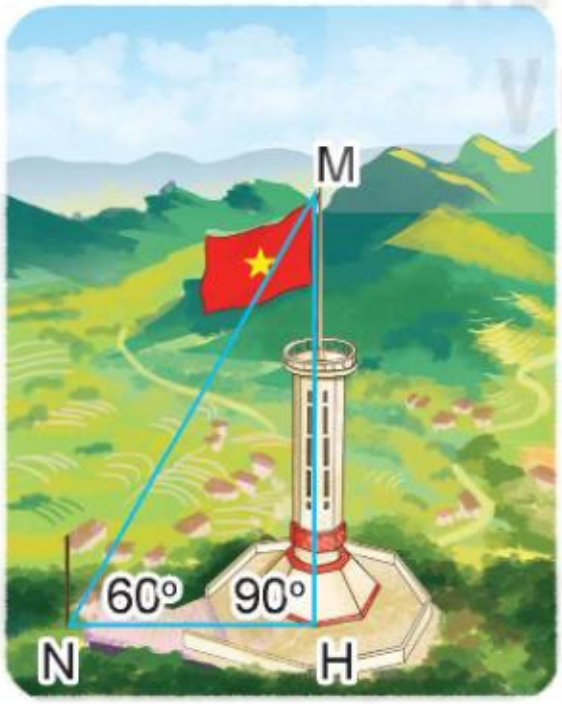


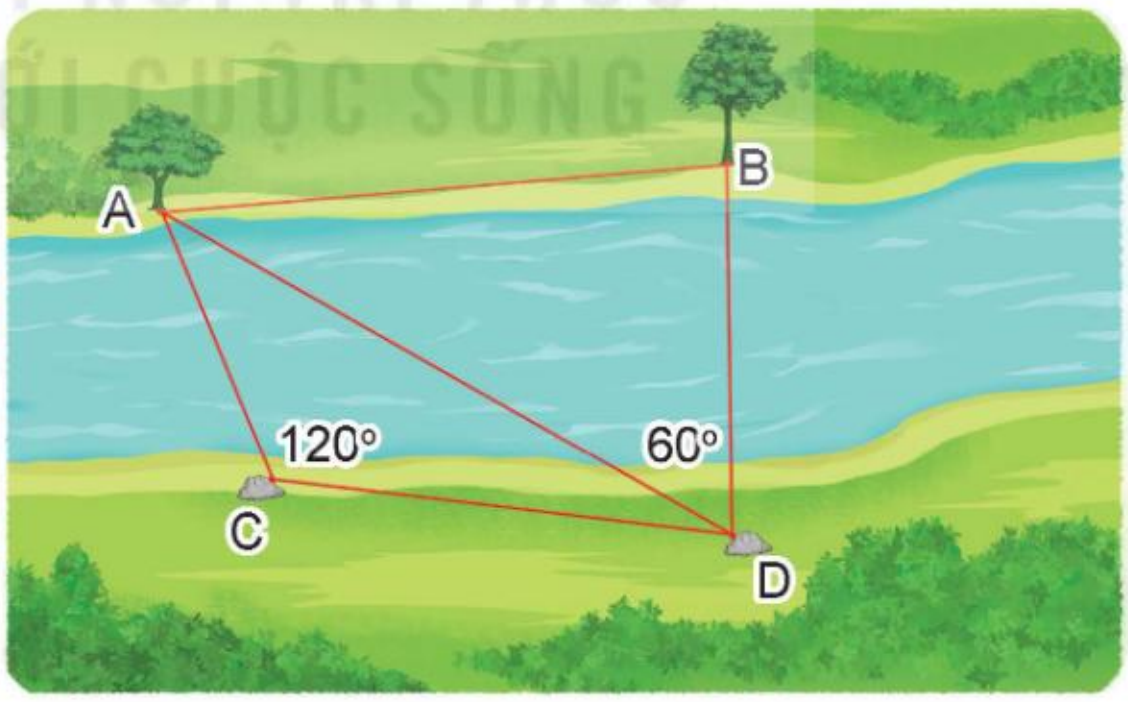
góc đỉnh O;
cạnh OE, OM bằng ?



góc đỉnh O;
cạnh ON, OP bằng ?

2





Quan sát tranh rồi nêu số đo các góc sau:

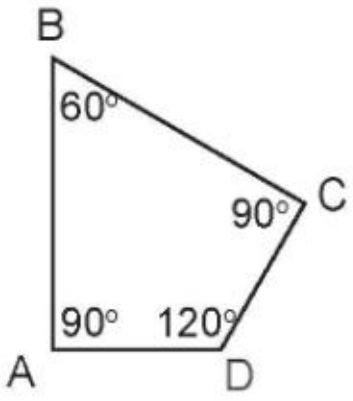
góc đỉnh N; cạnh NM, NH bằng ?, góc đỉnh H; cạnh HM, HN bằng ?,

góc đỉnh C; cạnh CA, CD bằng ?, góc đỉnh D; cạnh DA, DB bằng ?.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

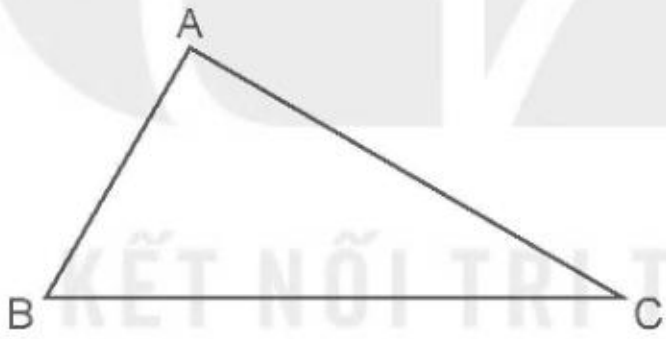
Luyện tập

1 Nêu số đo góc (theo mẫu).



Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AD	90°
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	?
Góc đỉnh C; cạnh CB, CD	?
Góc đỉnh D; cạnh DA, DC	?

2 Dùng thước đo góc để đo góc đỉnh B; cạnh BA, BC.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Dùng thước đo góc để đo các góc được tạo bởi hai kim đồng hồ khi đồng hồ chỉ 3 giờ, 4 giờ, 6 giờ, 2 giờ.



A



B



C



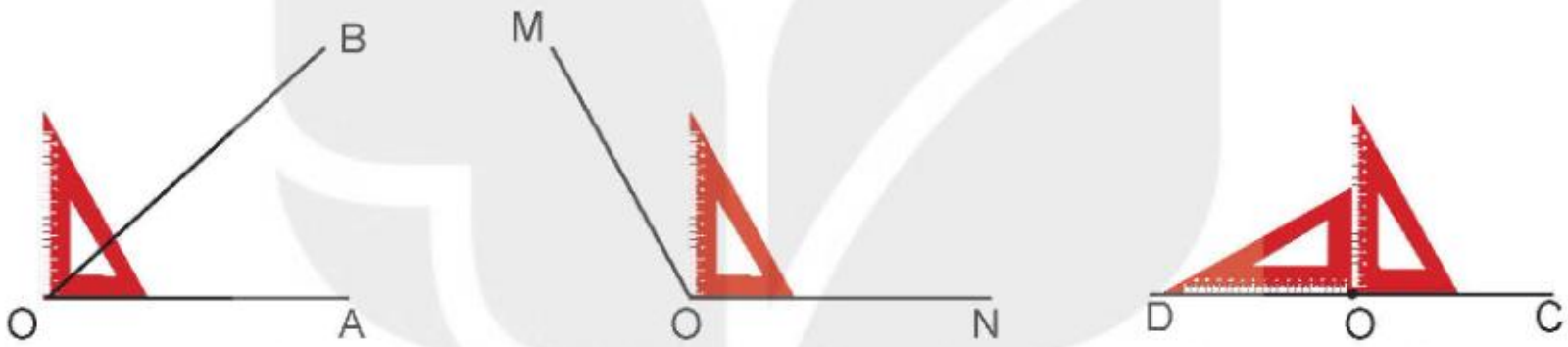
D

Bài 8

GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT

Khám phá





Góc nhọn đỉnh O; cạnh OA, OB.

Góc nhọn bé hơn góc vuông.

Góc tù đỉnh O; cạnh OM, ON.

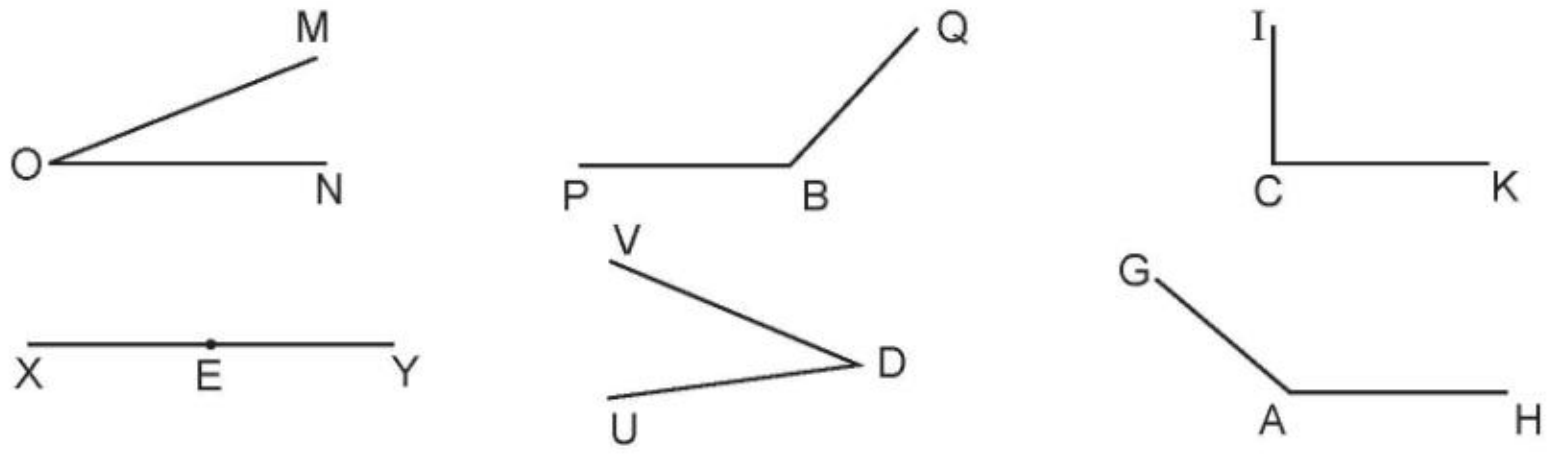
Góc tù lớn hơn góc vuông.

Góc **bẹt** đỉnh O; cạnh OC, OD.

Góc **bẹt** bằng hai góc vuông.

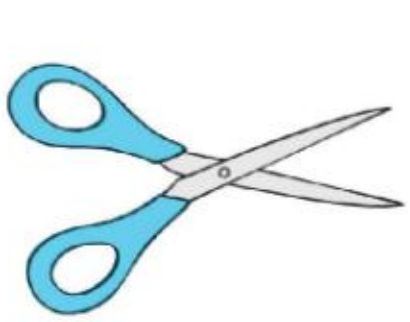
Hoạt động

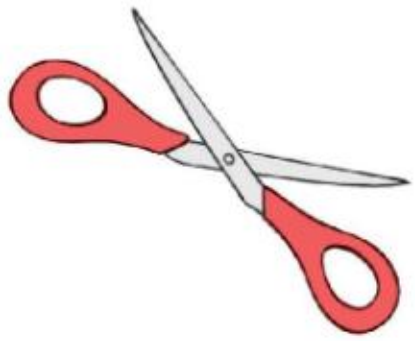
1 Tìm các góc nhọn, góc tù và góc bẹt trong các góc sau.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Việt có hai cái kéo như hình dưới đây.



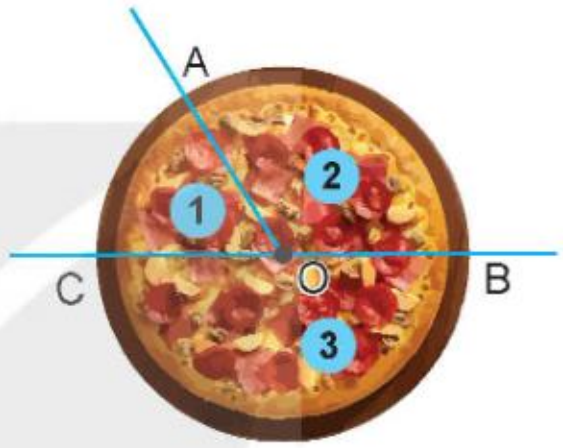


Hình cái kéo nào có hai lưỡi kéo tạo thành góc tù? Hình cái kéo nào có hai lưỡi kéo tạo thành góc nhọn?

3 Bạn An chọn một trong ba miếng bánh **1**, **2**, **3** như hình vẽ, biết rằng:

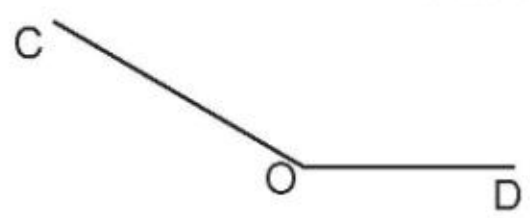
- Miếng bánh mà An chọn không phải là miếng bé nhất;
- Góc đỉnh O ở hình miếng bánh mà An chọn không là góc bẹt.

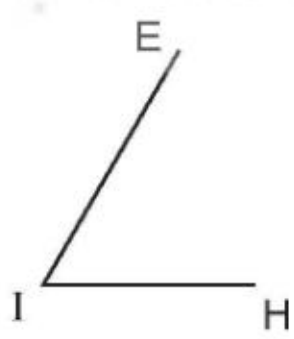
Hãy tìm miếng bánh bạn An đã chọn.

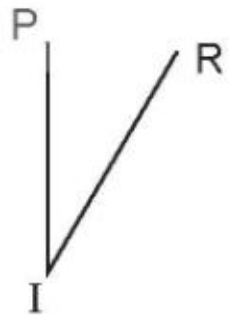


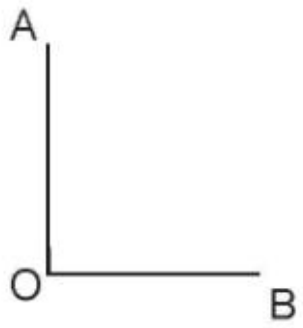
luyện tập

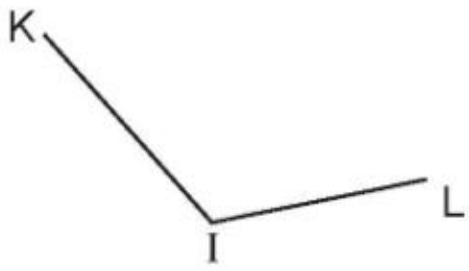
1 Tìm các góc nhọn, góc tù và góc bẹt trong các góc sau.













KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Con nhện bò theo một trong hai đường đi màu đỏ hoặc màu xanh để về tổ (như hình vẽ).



a) Tìm đường đi cho nhện, biết rằng đường đi này có ít nhất một góc tù.

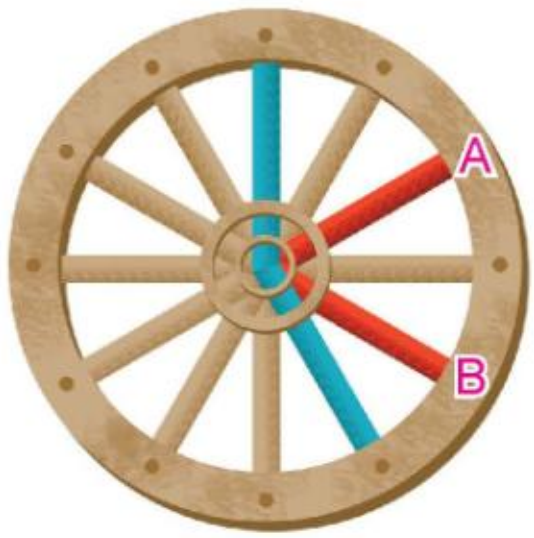
b) Dùng thước đo góc để xác định số đo của góc đỉnh O; cạnh OM, ON.

3 a) Quan sát các mặt đồng hồ dưới đây rồi cho biết lúc mấy giờ thì kim giờ và kim phút tạo thành góc nhọn, góc tù, góc bẹt, góc vuông.



b) Em hãy tìm một thời điểm khác mà khi đó kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành góc vuông.

4 Có một bánh xe bằng gỗ đã hỏng (như hình vẽ). Con mọt gỗ đang gặm một trong hai cái nan xe màu đỏ. Biết nan xe đó và một nan xe màu xanh tạo thành một góc tù. Tìm nan xe mà con mọt gỗ đang gặm.



luyện tập

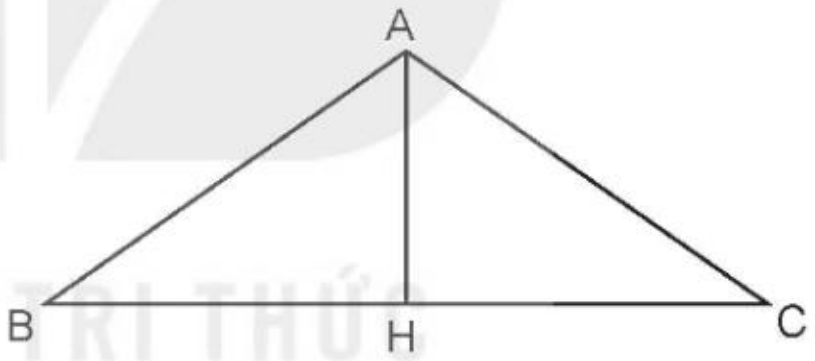
1 Mỗi chiếc quạt xoè ra tạo thành một góc. Bạn Nga đếm số góc nhọn, góc vuông, góc tù và góc bẹt rồi tạo một biểu đồ như hình vẽ. Nhưng bạn ấy bị nhầm một cột, hỏi cột đó là cột nào?



		●	●
●	●	●	●
●	●	●	●
Góc nhọn	Góc vuông	Góc tù	Góc bẹt

2 Số ?

Hình bên có ? góc nhọn, ? góc vuông, ? góc tù.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

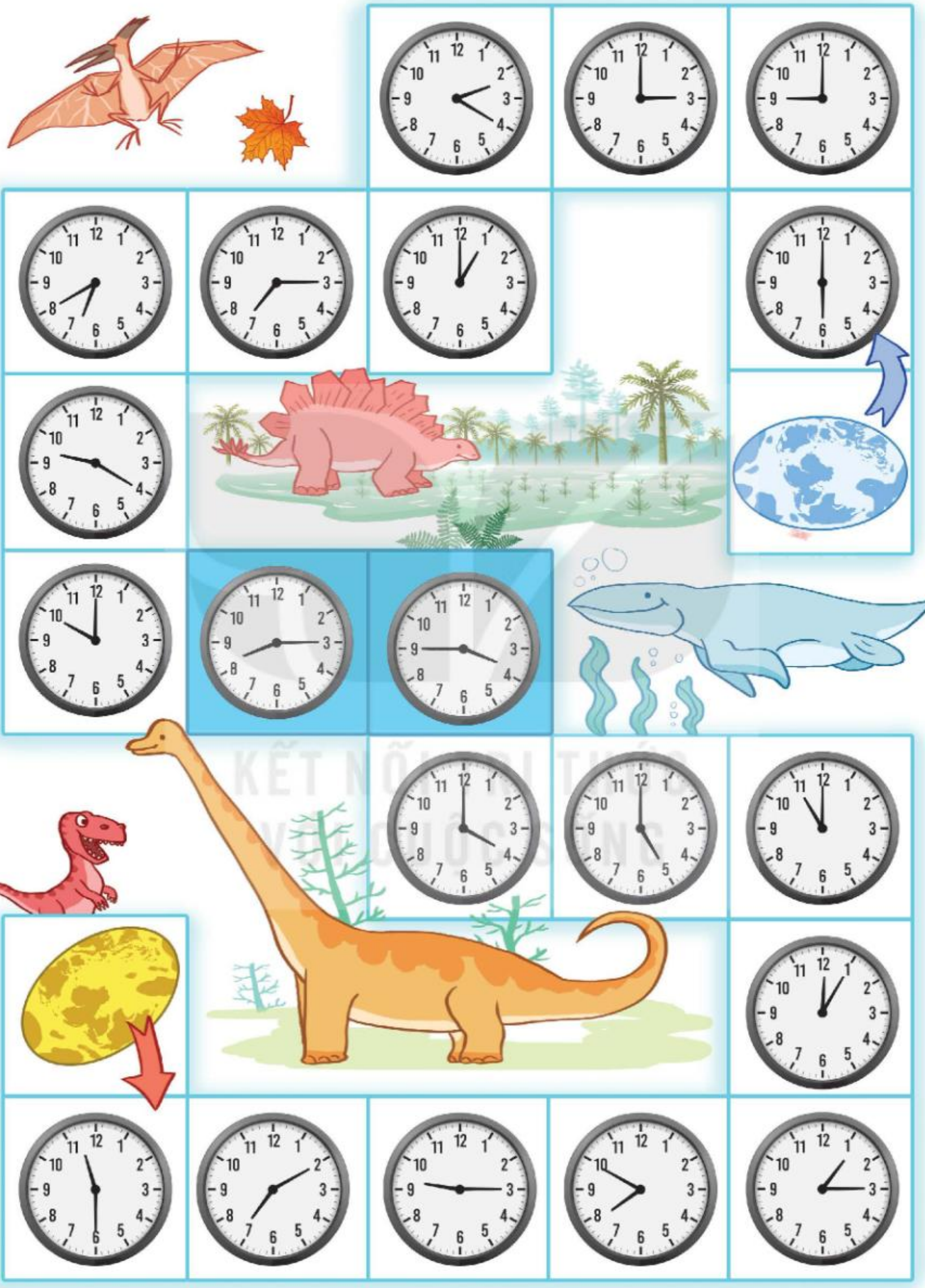
trò chơi

GIẢI CỨU KHỦNG LONG



Cách chơi:

- Chơi theo cặp đôi hoặc 2 đội chơi.
- Người chơi xuất phát ở một ô có hình trứng khủng long. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Nếu nhận được mặt có số chấm là số lẻ thì tiến 1 ô; nếu nhận được mặt có số chấm là số chẵn thì tiến 2 ô. Dừng lại ở ô nào, người chơi đọc giờ rồi xác định góc được tạo bởi kim giờ và kim phút của đồng hồ ở ô đó là "góc nhọn", "góc vuông", "góc tù" hay "góc bẹt". Nếu nêu đúng thì được ở lại, nếu nêu sai thì quay về ô xuất phát trước đó.
- Trò chơi kết thúc khi có một người chơi đến được một trong hai ô màu xanh.

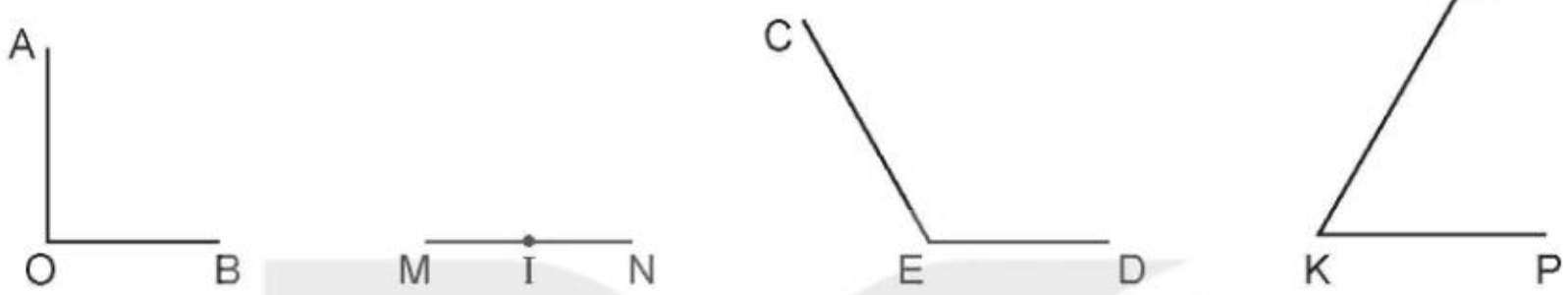


Bài 9

LUYỆN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Đo rồi nêu số đo của các góc sau:



2 Dùng thước đo góc để tìm số đo của các góc.



a) Góc đỉnh S; cạnh ST, SD.

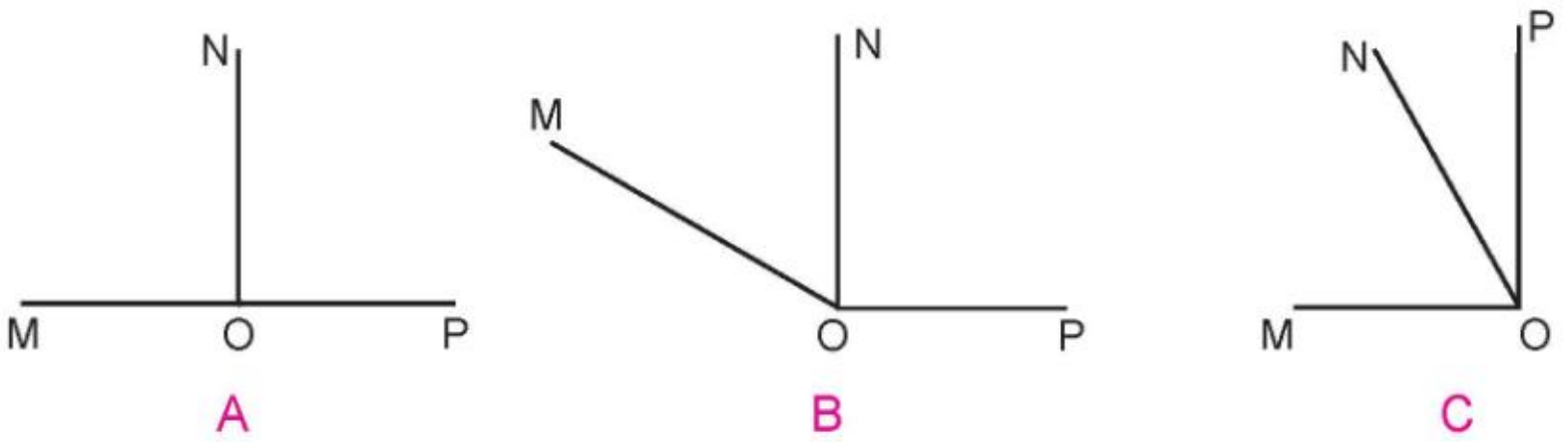
b) Góc đỉnh D; cạnh DS, DL.

c) Góc đỉnh G; cạnh GS, GL.

d) Góc đỉnh L; cạnh LG, LC.

3 Chọn câu trả lời đúng.

Bạn Rô-bốt vẽ góc đỉnh O; cạnh OM, ON có số đo 60° và góc đỉnh O; cạnh ON, OP có số đo 90° để tạo thành góc đỉnh O; cạnh OM, OP. Hỏi hình nào sau đây là hình Rô-bốt đã vẽ?

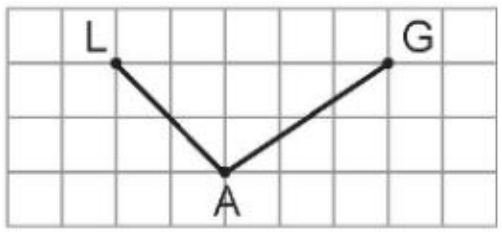


4 Em hãy tìm một số hình ảnh về góc nhọn, góc tù, góc vuông có ở những đồ vật quanh em như: bàn ghế, ê ke, com pa,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Vẽ góc tù (theo mẫu).

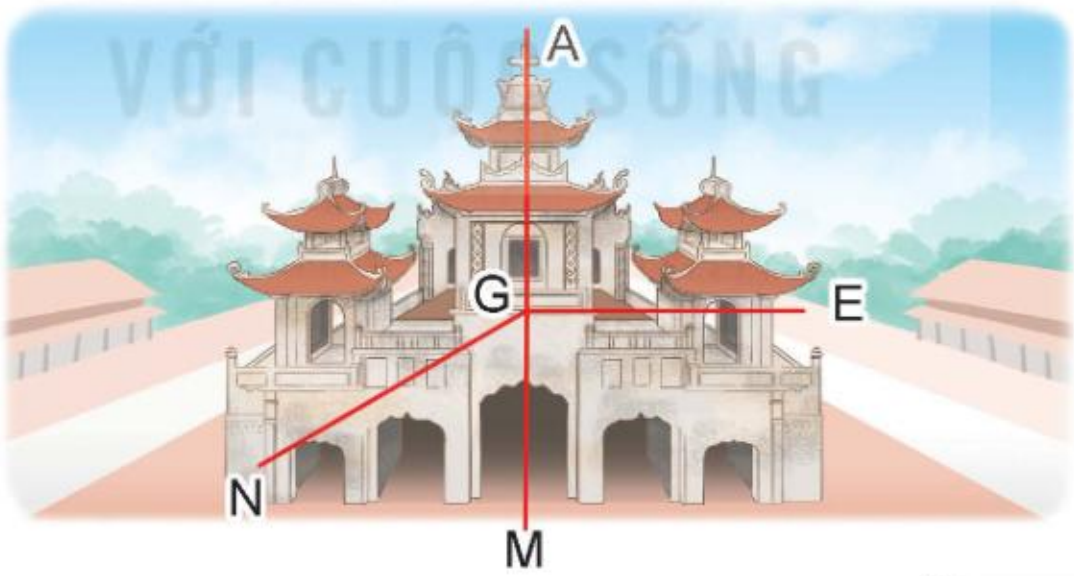


2 Trong các hình ảnh dưới đây, em thấy hình nào có góc có số đo bằng 90°?



3 Dùng thước đo góc để đo các góc đỉnh G:

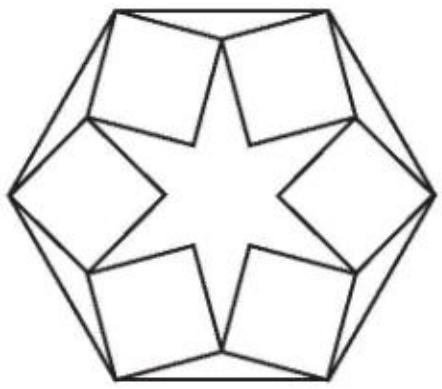
a) Cạnh GA, GN. b) Cạnh GA, GE. c) Cạnh GN, GM.



4 Đ, S ?

a) Trong hình bên có góc nhọn, góc tù, góc vuông. ?

b) Trong hình bên có góc bẹt. ?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

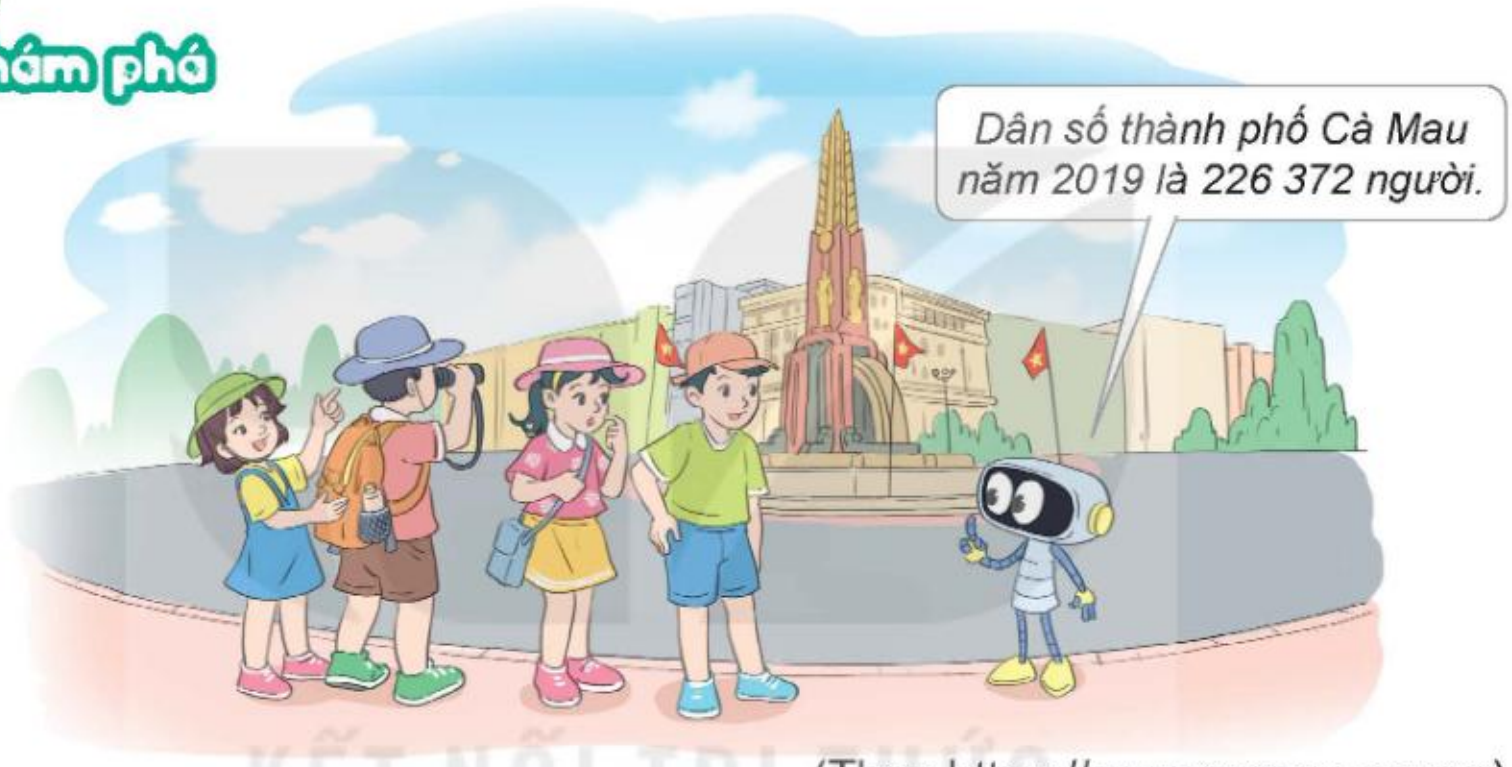
Chủ đề 3

SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Bài 10

SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000

Khám phá



(Theo https://www.camau.gov.vn)

Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
		1 000 1 000 1 000 1 000	100	10 10 10 10 10	
100 000 100 000	10 000 10 000	1 000 1 000	100 100	10 10	1 1
2	2	6	3	7	2

Số gồm: 2 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 6 nghìn, 3 trăm, 7 chục và 2 đơn vị.

Viết là: 226 372. Đọc là: Hai trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi hai.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Hoàn thành bảng sau.

Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số	Đọc số
6	5	0	0	3	2	?	?
?	?	?	?	?	?	300 475	?
?	?	?	?	?	?	?	chín trăm ba mươi tám nghìn không trăm hai mươi mốt

2 Nêu số tiền ở mỗi hình (theo mẫu).



a) 

b) 

3 Đọc đoạn báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi.



"Tê giác là loài động vật trên cạn lớn thứ hai trên Trái Đất. Năm 1900, người ta ước tính có 500 000 con tê giác ngoài tự nhiên. Tuy nhiên, do nạn săn bắn bất hợp pháp mà ngày nay người ta ước tính chỉ còn 27 000 con tê giác."

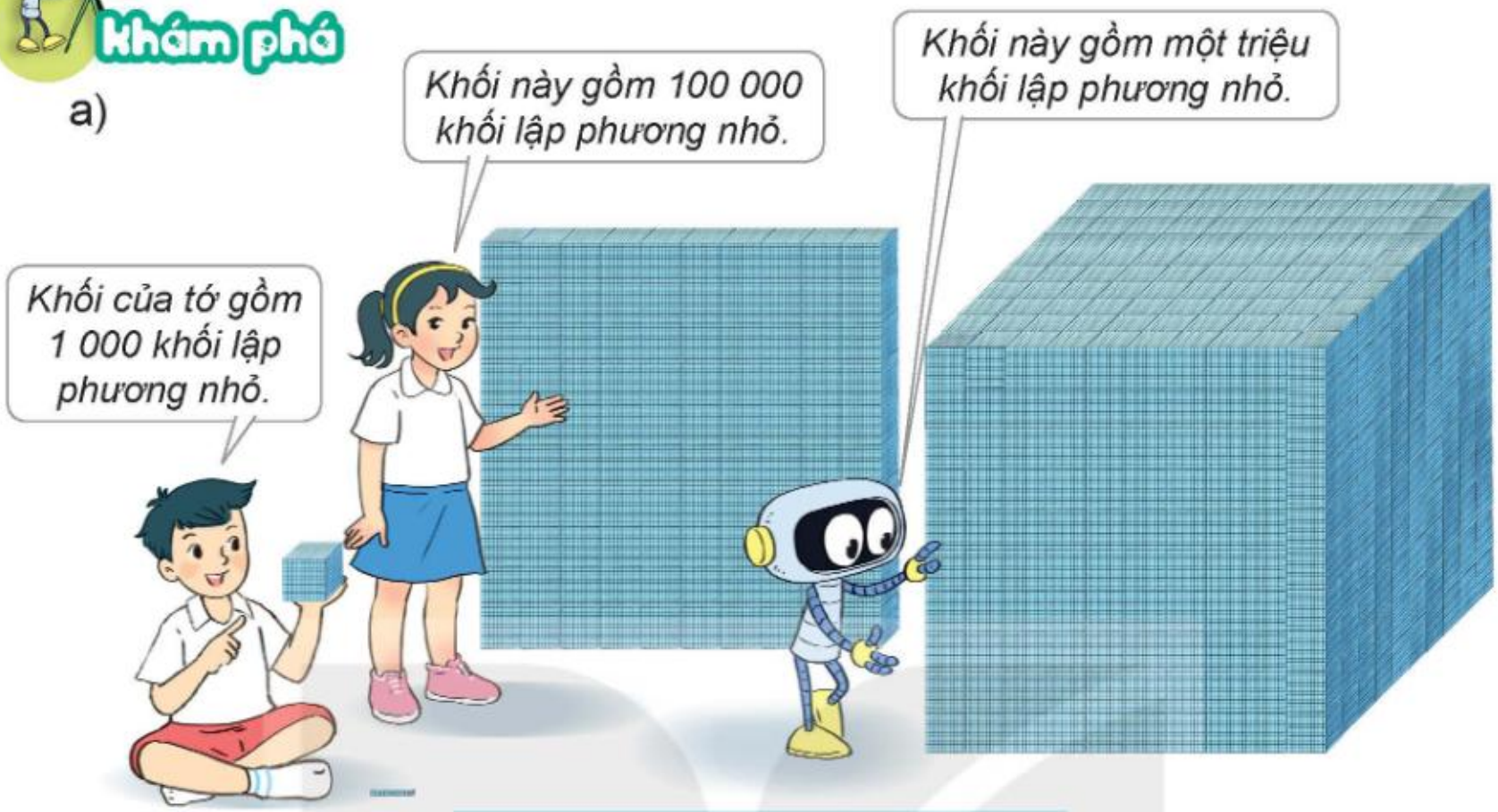
(Theo https://www.worldwildlife.org/species/rhino)

a) Năm 1900, ước tính có bao nhiêu con tê giác sống ngoài tự nhiên?

b) Ngày nay, ước tính có bao nhiêu con tê giác sống ngoài tự nhiên?

Khám phá

a)



Một triệu viết là 1 000 000.

b)



Số liền sau số 999 999 là 1 000 000. Đọc là: Một **triệu**.

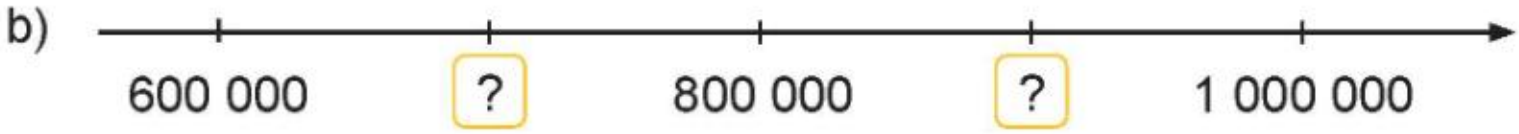
hoạt động

1 Số ?

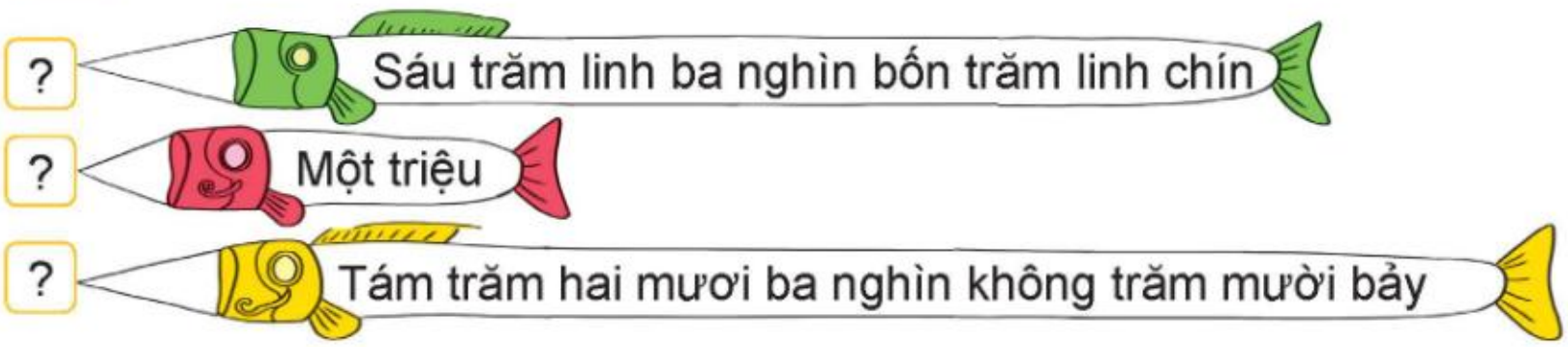
a)



b)



2 Số ?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Số ?

a) 882 936 = 800 000 + ? + 2 000 + 900 + ? + 6

b) 100 001 = ? + 1

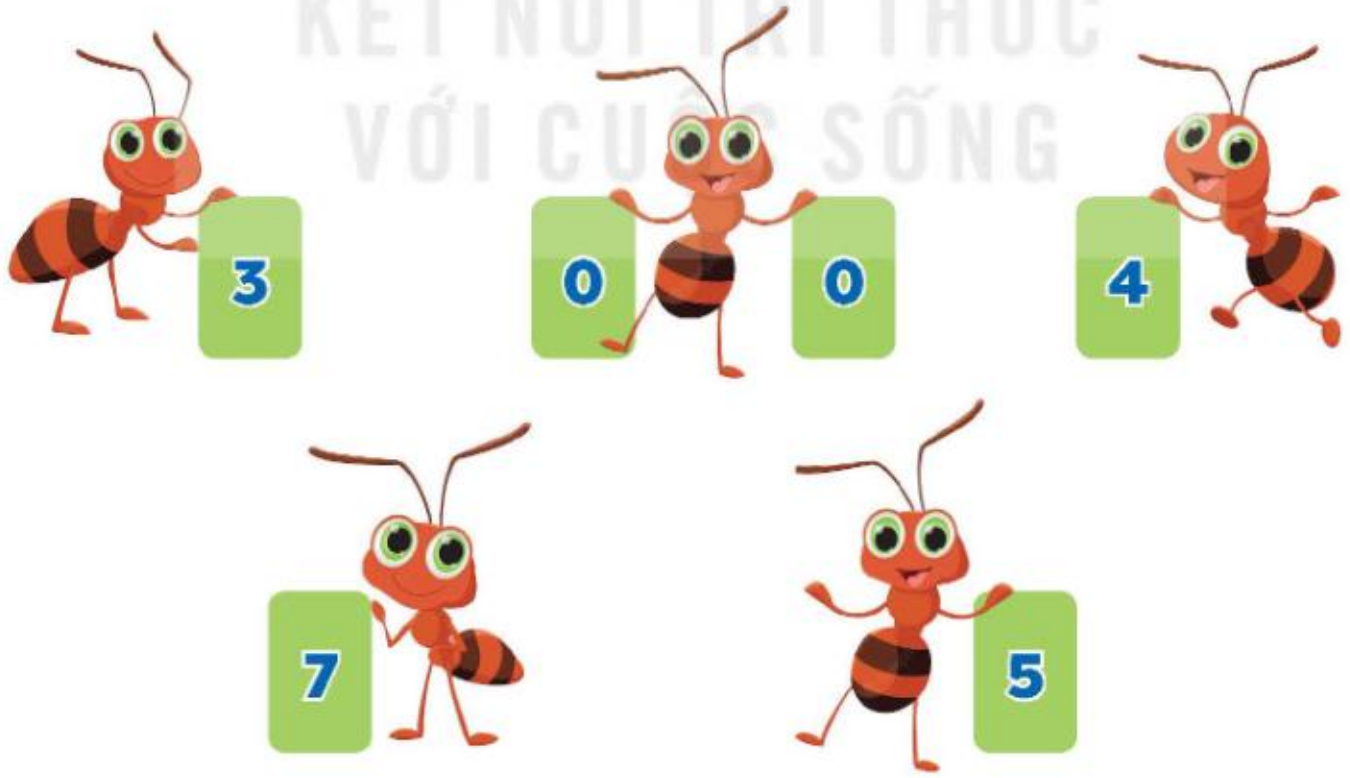
c) 101 101 = 100 000 + ? + 100 + 1

d) 750 000 = 700 000 + ?

2 Nam quay vòng quay may mắn như hình bên và quan sát số ghi trên vùng mà mũi tên chỉ vào. Hãy nêu các sự kiện có thể xảy ra.



3 Cho các thẻ số dưới đây.



a) Lập 5 số chẵn có sáu chữ số.

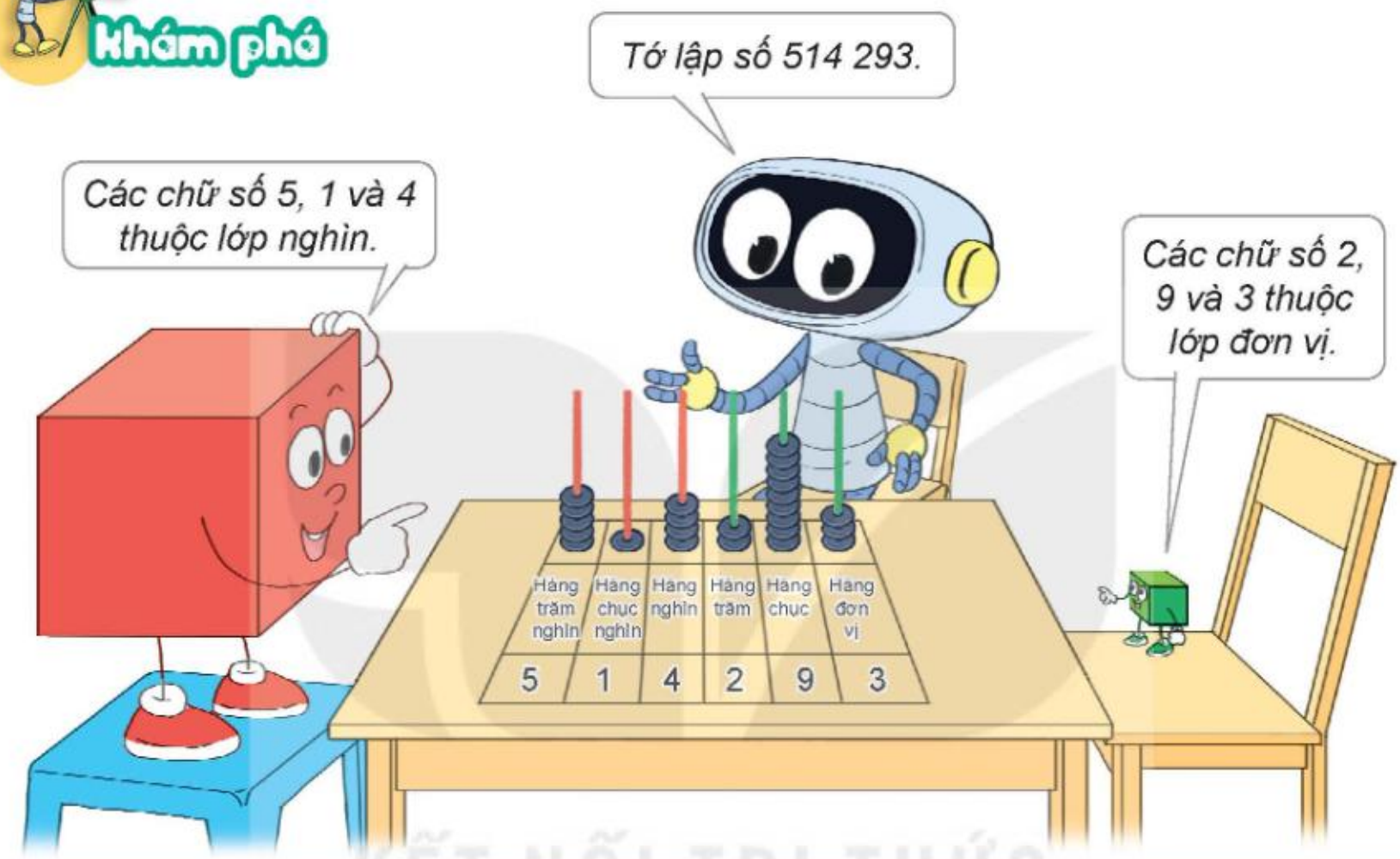
b) Lập 5 số lẻ có sáu chữ số.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 11

HÀNG VÀ LỚP

khám phá



- Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm hợp thành *lớp đơn vị*.
- Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn hợp thành *lớp nghìn*.

hoạt động

1 Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
377 931	?	?	?	?	?	?
?		9	2	3	4	0
6 030			?	?	?	?
?	4	5	4	0	0	4

2 Đọc các số sau và cho biết chữ số 3 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.

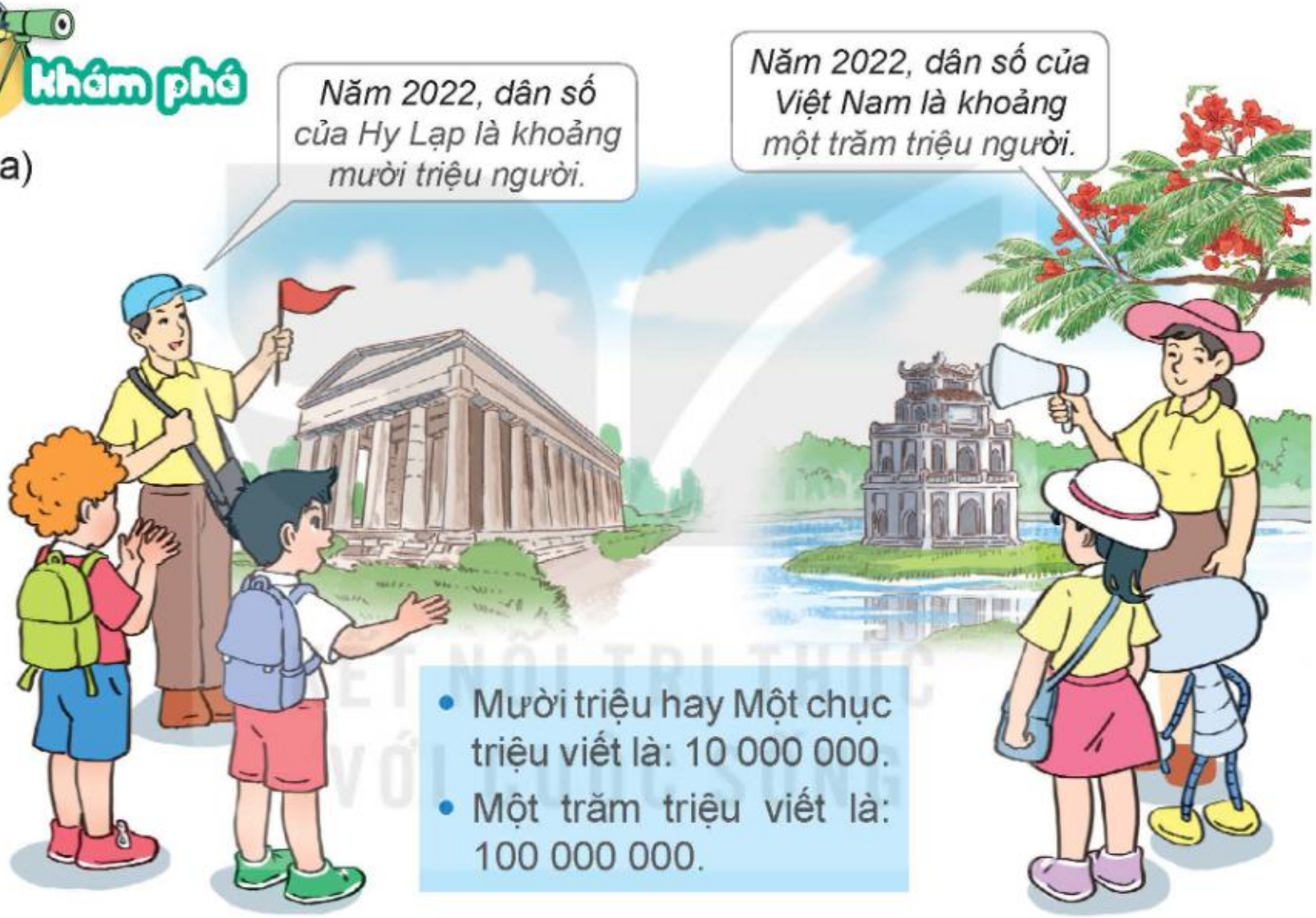
172 938 | 827 389 | 163 222 | 390 227 | 862 003

3 Tìm giá trị theo vị trí của chữ số được gạch chân ở mỗi số (theo mẫu).

Số	36<u>2</u> 820	8<u>1</u>0 003	<u>7</u>36 772	256 83<u>7</u>
Giá trị	2 000	?	?	?

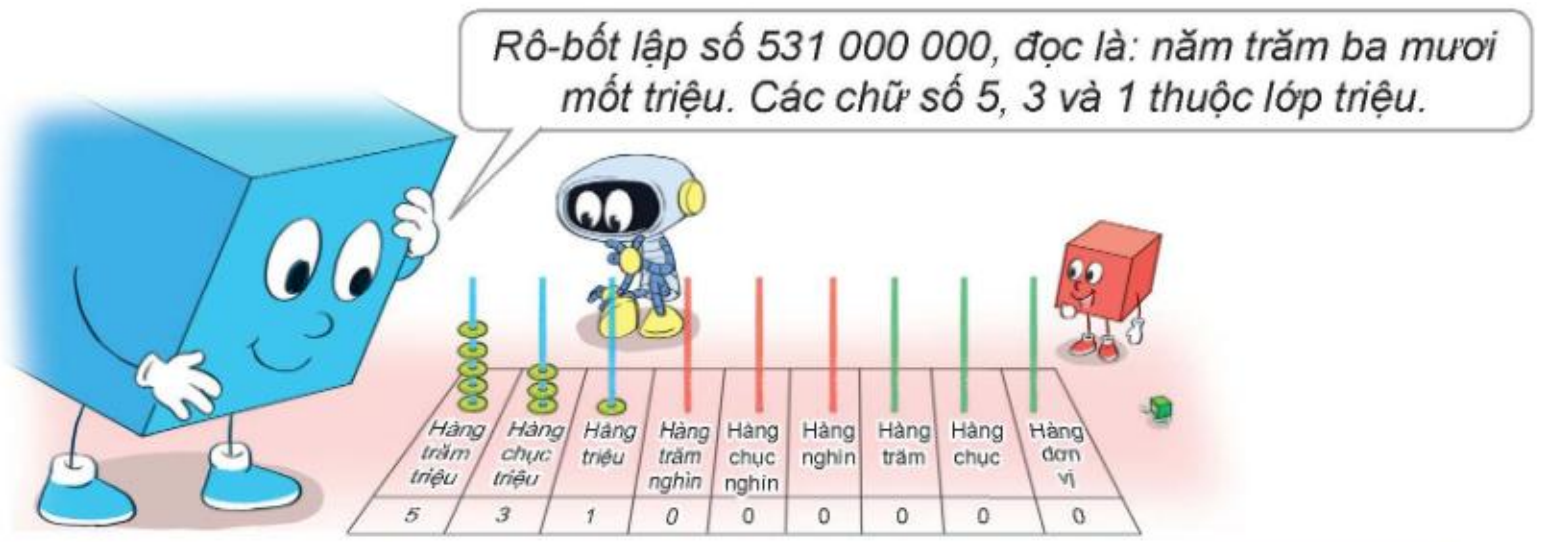
Khám phá

a)



- Mười triệu hay Một chục triệu viết là: 10 000 000.
- Một trăm triệu viết là: 100 000 000.

b)



Hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu hợp thành *lớp triệu*.

hoạt động

1 Đọc giá tiền của mỗi đồ vật sau.



6 000 000 đồng

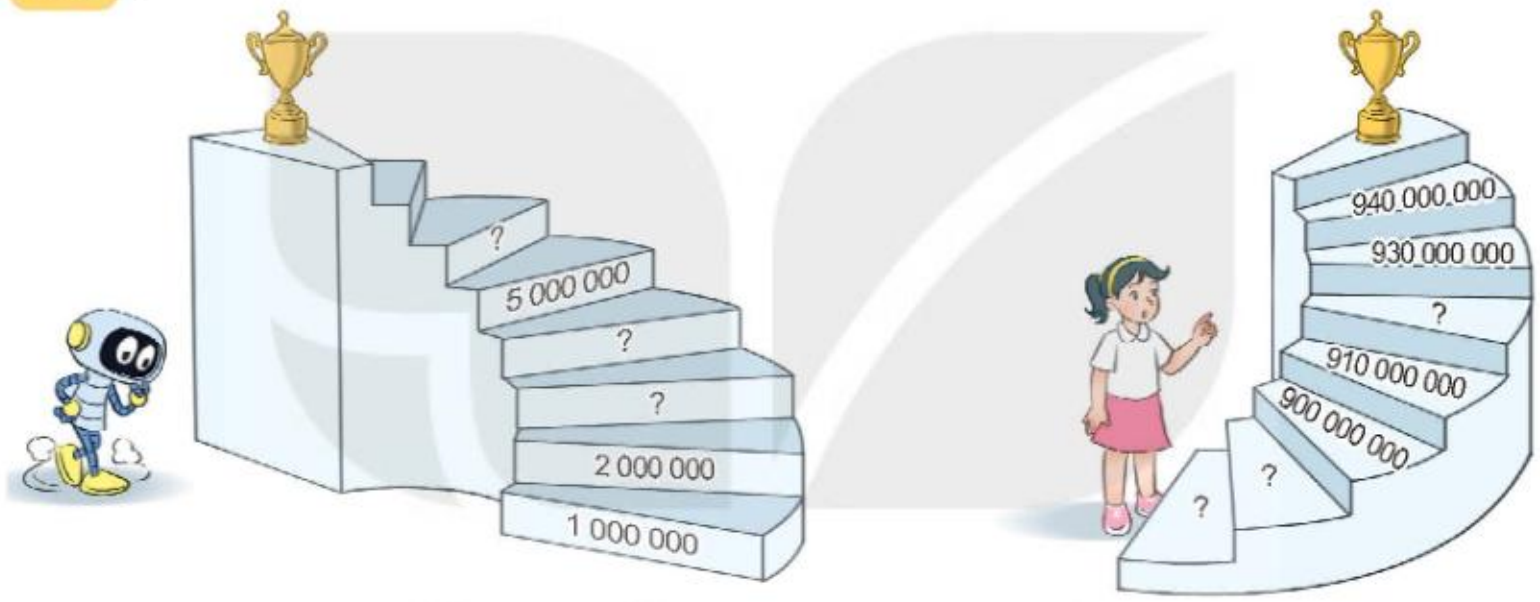


17 000 000 đồng



450 000 000 đồng

2 Số ?



3 Chữ số 2 ở mỗi số sau thuộc hàng nào, lớp nào?

162 000 000 | 258 000 000 | 920 000 000

luyện tập

1 Đọc các số sau rồi cho biết chữ số 8 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.

16 182 | 538 772 | 800 000 | 32 238

2 Chọn câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây thoả mãn đồng thời các điều kiện sau?

– Gồm các chữ số khác nhau;

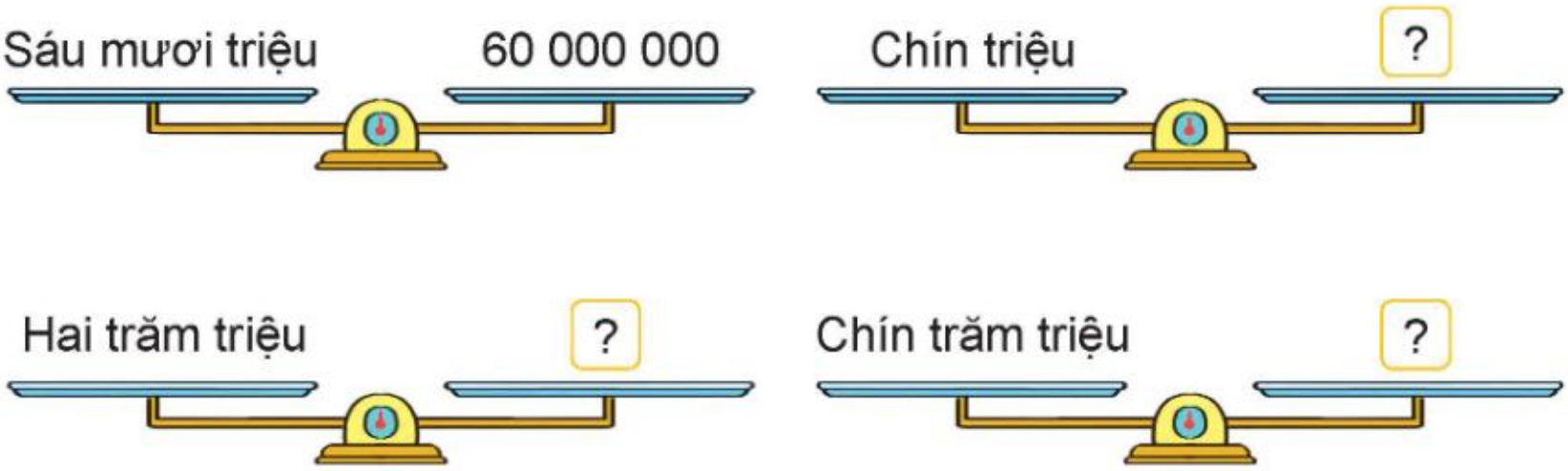
– Không chứa chữ số 0 ở lớp đơn vị;

– Chứa chữ số 5 ở lớp nghìn.

A. 500 374 B. 207 495 C. 371 905 D. 405 239

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?



4 Giá tiền của mỗi món hàng được cho như hình dưới đây.



Mỗi giỏ quà có giá bao nhiêu tiền?



5 Hãy lập một số chẵn có sáu chữ số thoả mãn các điều kiện:

– Lớp nghìn gồm các chữ số 0, 0, 3;

– Lớp đơn vị gồm các chữ số 8, 1, 1.

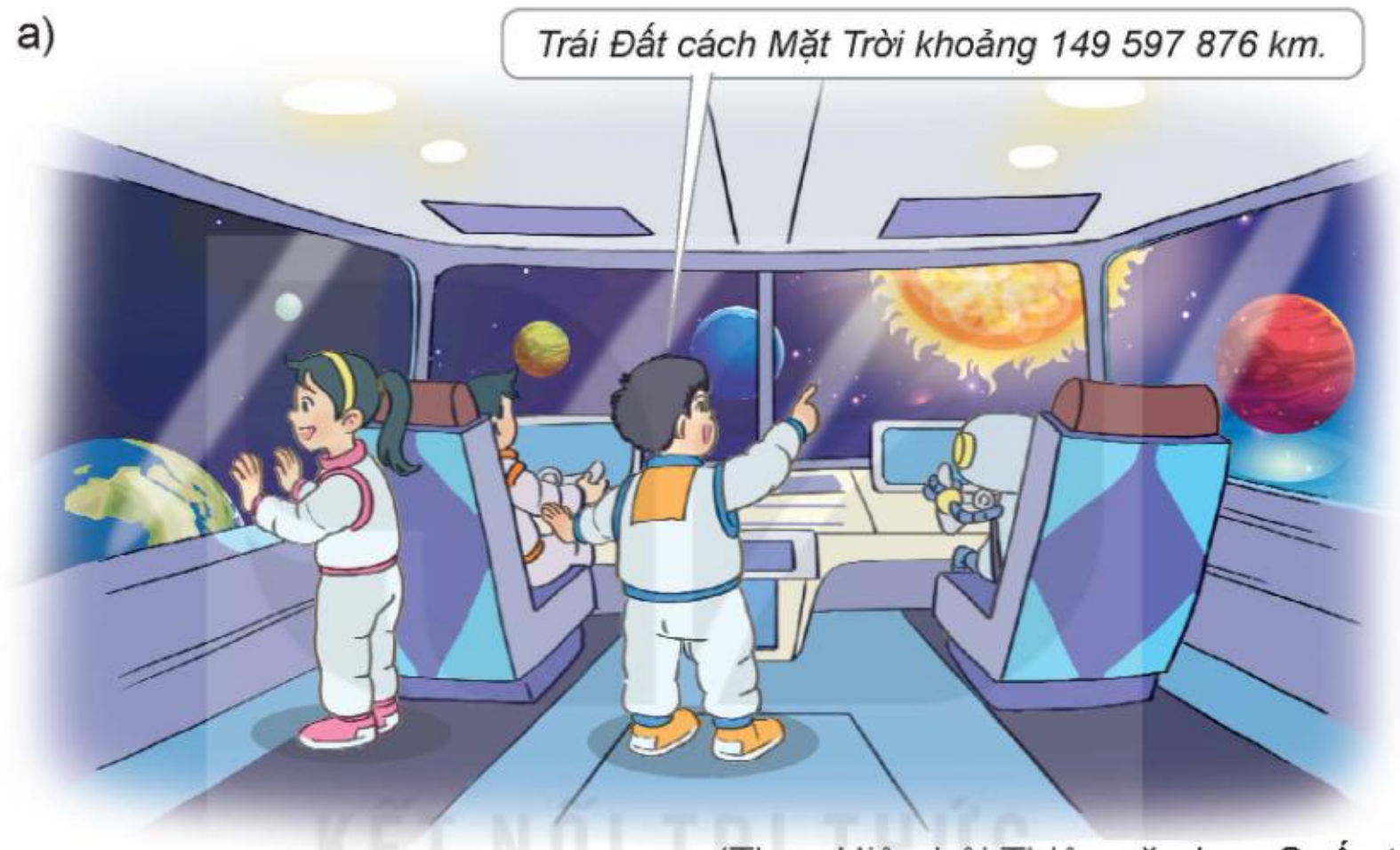


Bài 12

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU

Khám phá

a)



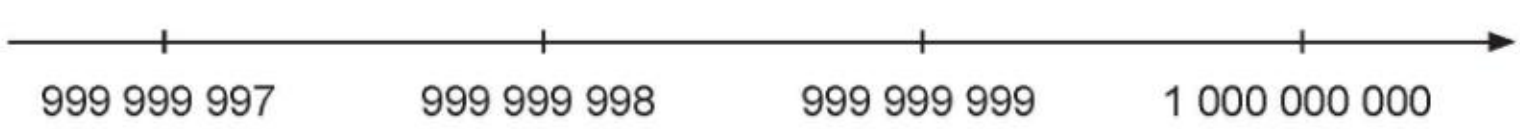
(Theo Hiệp hội Thiên văn học Quốc tế)

Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
1	4	9	5	9	7	8	7	6

Số 149 597 876 gồm: 1 trăm triệu, 4 chục triệu, 9 triệu, 5 trăm nghìn, 9 chục nghìn, 7 nghìn, 8 trăm, 7 chục và 6 đơn vị.

Đọc là: Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi sáu.

b)



Số liền sau số 999 999 999 là số 1 000 000 000, đọc là: Một tỉ.

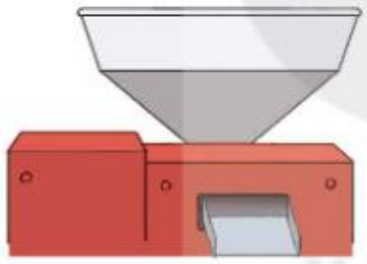
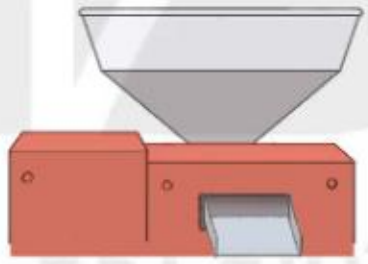
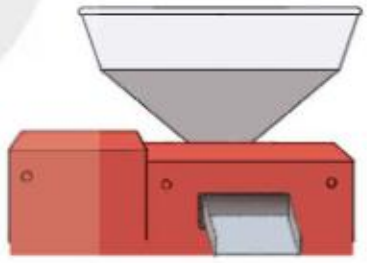
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Đọc số dân (theo danso.org năm 2020) của mỗi nước dưới đây.

Nhật Bản	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a
		
126 476 461 người	97 338 579 người	273 523 615 người

2 Viết số thành tổng (theo mẫu).

27 000 900	109 140 903	3 045 302
		
20 000 000 + 7 000 000 + 900	?	?

3 Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

63 7<u>8</u>2 910 | 8<u>3</u>9 000 038 | 9 300 0<u>3</u>7 | <u>2</u>39 111 003

luyện tập

1 Đ, S ?

Số 14 021 983 có:

a) Chữ số 4 thuộc lớp triệu. ?

b) Chữ số 0 ở hàng chục nghìn. ?

c) Chữ số 9 thuộc lớp đơn vị. ?

d) Chữ số 3 thuộc lớp nghìn. ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Số ?

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
?	2	0	0	1	9	8	2	6	1
1 999 371			?	?	?	?	?	?	?
28 111 031		?	?	?	?	?	?	?	?
?	7	1	4	0	0	0	1	0	6

3 Mi cắt hai mảnh giấy đã ghi hai số thành 4 mảnh nhỏ như hình sau.



Ghép các mảnh giấy nhỏ và cho biết số ghi trên mỗi mảnh giấy ban đầu là số nào?

4 Giải ô chữ dưới đây.

980 000 000	1 000 000 000	2 152 000	999 999	968 000 000
C	?	?	?	?

Biết rằng:

A 900 000 000 + 60 000 000 + 8 000 000

C Chín trăm tám mươi triệu

L 2 000 000 + 100 000 + 50 000 + 2 000

O Số liền trước của số 1 000 000

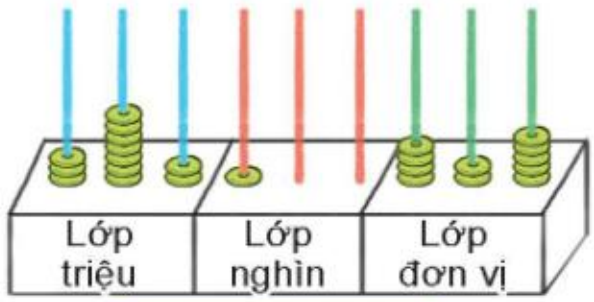
Ổ Số liền sau của số 999 999 999



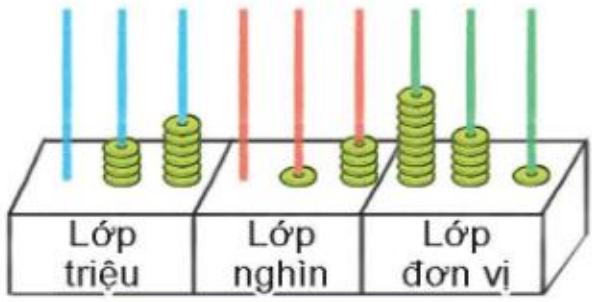
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

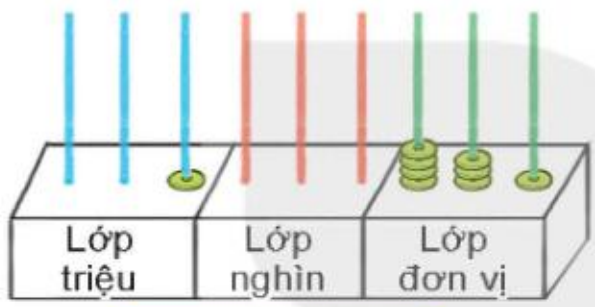
1 Số ?



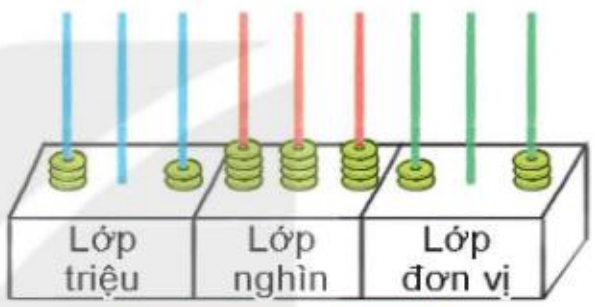
372 100 425



?



?



?

2 Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

13 341 <u>4</u>11 | <u>3</u>24 294 185 | 2 000 0<u>0</u>1 | 540 <u>2</u>31 007

3 Chọn câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây là mật khẩu mở khoá két sắt? Biết rằng mật khẩu không chứa chữ số 0 ở lớp triệu và chữ số hàng trăm nghìn khác 3.

A. 190 968 028

B. 1 000 000 000

C. 276 389 000

D. 537 991 833



4 Rô-bốt dùng các mảnh ghép dưới đây để ghép được một số có chín chữ số. Hỏi mảnh ghép nào gồm các chữ số ở lớp triệu, ở lớp nghìn, ở lớp đơn vị?

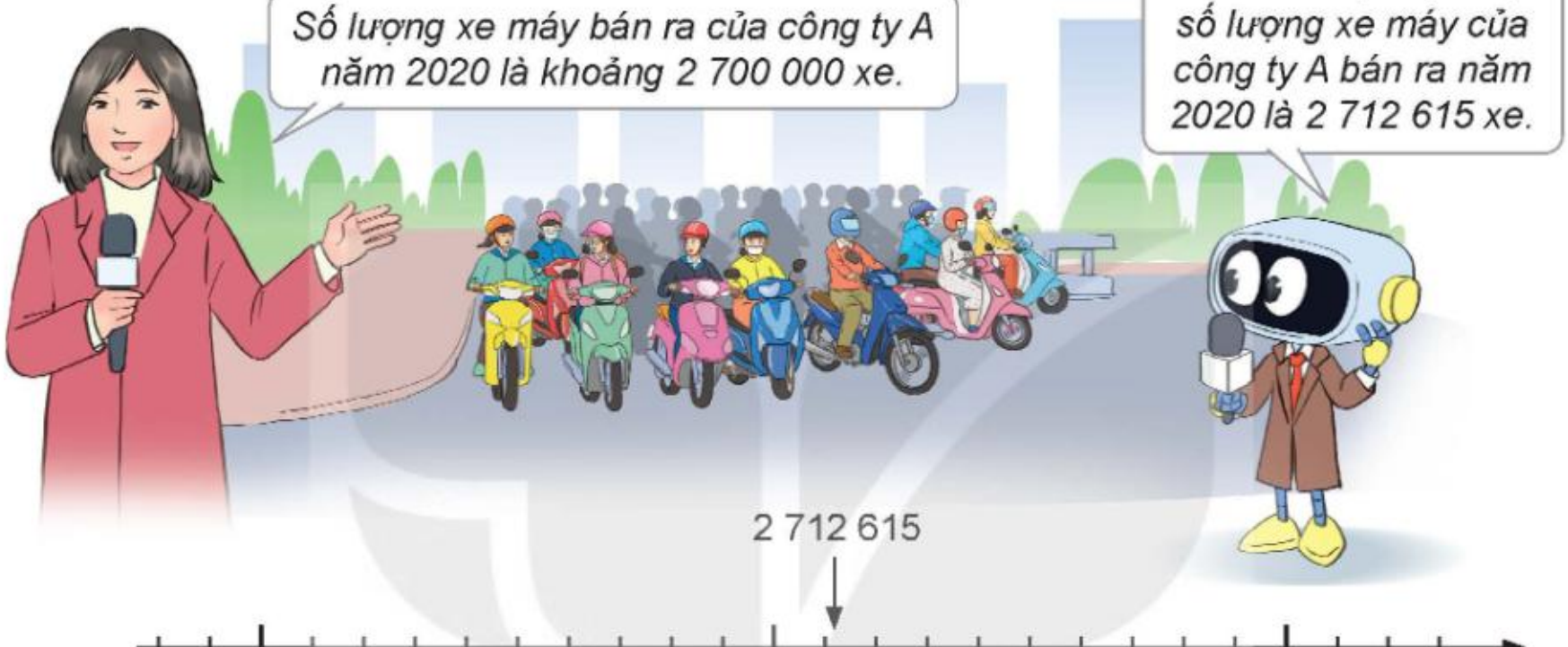


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 13

LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN

Khám phá



Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số đó bé hơn 5 thì ta làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

hoạt động

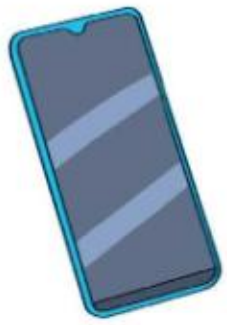
1 Làm tròn giá tiền các mặt hàng sau đến hàng trăm nghìn.



18 490 000 đồng



2 125 000 đồng



2 890 000 đồng

2 a) Chữ số 5 ở mỗi số sau thuộc hàng nào, lớp nào?

189 835 388 5 122 381 531 278 000

b) Hãy làm tròn các số trên đến hàng chục nghìn.

3 Bảng số liệu dưới đây cho biết số xe máy bán ra mỗi năm từ năm 2016 tới năm 2019 của một công ty. Làm tròn số xe máy bán ra mỗi năm đến hàng trăm nghìn.

Năm	2016	2017	2018	2019
Số lượng (chiếc)	3 121 023	3 272 353	3 386 097	3 254 964

Luyện tập

1 Làm tròn số dân (theo Niên giám thống kê năm 2020) của mỗi tỉnh dưới đây đến hàng trăm nghìn.



Bà Rịa – Vũng Tàu
(nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh)

1 167 900 người



Hải Dương
(nay thuộc Hải Phòng)

1 916 800 người



Nghệ An

3 365 200 người

2 Chọn câu trả lời đúng.

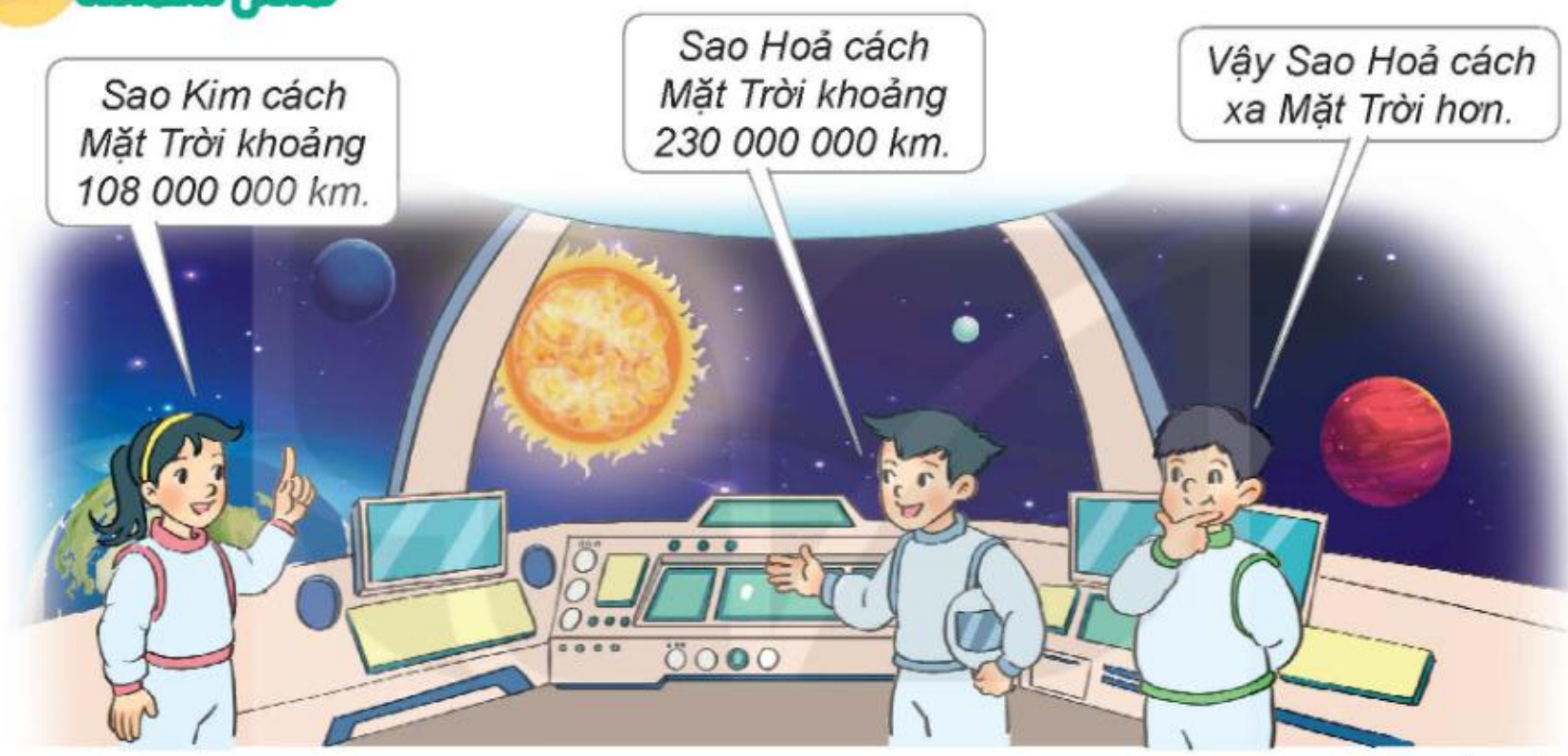
Số nào dưới đây làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được hai trăm nghìn?

A. 149 000 B. 190 001 C. 250 001 D. 284 910

Bài 14

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Khám phá



(Theo Hiệp hội Thiên văn học Quốc tế)

- Số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn.
- Nếu hai số có cùng số chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng, kể từ trái sang phải. Chẳng hạn: vì 2 > 1 nên 230 000 000 > 108 000 000.

Hoạt động

1 >; <; = ?

278 992 000 ? 278 999

37 338 449 ? 37 839 449

3 004 000 ? 3 400 000

200 000 000 ? 99 999 999

3 405 000 ? 3 000 000 + 400 000 + 5 000

650 700 ? 6 000 000 + 500 000 + 7 000

2 So sánh giá tiền hai căn nhà của bác Ba và chú Sáu.

Nhà bác Ba



950 000 000 đồng

Nhà chú Sáu



1 000 000 000 đồng

3 Việt nói rằng: "Hai số 37 003 847 và 23 938 399 có cùng số chữ số. Chữ số tận cùng của số 23 938 399 là 9. Chữ số tận cùng của số 37 003 847 là 7. Mà 9 lớn hơn 7 nên 23 938 399 lớn hơn 37 003 847".

Hỏi Việt đã nói sai ở đâu?



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số lượng gia súc ở Việt Nam (theo Niên giám thống kê năm 2020) được thể hiện ở bảng sau.

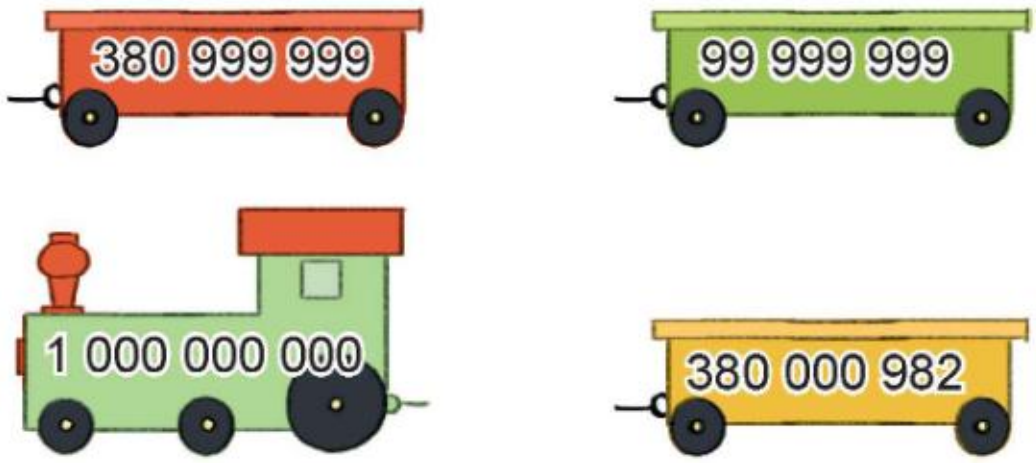
Loại	Trâu	Bò	Lợn
Số lượng (con)	2 332 800	6 230 500	22 027 900

Trong ba loại gia súc trên, loại gia súc nào được nuôi ở Việt Nam:

a) Nhiều nhất?

b) Ít nhất?

2 Chọn câu trả lời đúng.



Sắp xếp các số ghi trên đầu tàu và toa tàu theo thứ tự từ lớn đến bé được đoàn tàu nào dưới đây?

A. 

B. 

C. 

3 Rô-bốt có 9 tấm thẻ như sau:

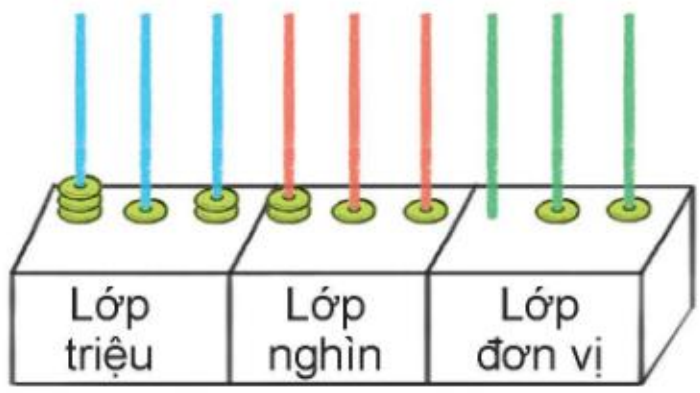
8	0	0	9	1	7	0	3	8

Từ các tấm thẻ trên:

a) Hãy lập số lớn nhất có chín chữ số.

b) Hãy lập số bé nhất có chín chữ số.

4 Xếp 12 chiếc vòng như hình dưới đây, Rô-bốt lập được số 312 211 011. Với 12 chiếc vòng, em lập được số lớn nhất là số nào?



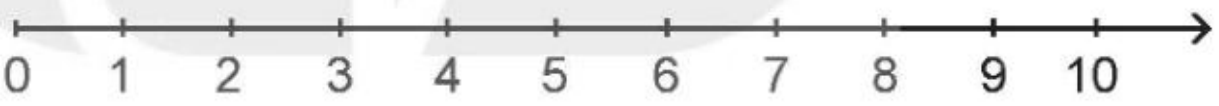
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 15

LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN







- Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.
- Số tự nhiên bé nhất là 0. Không có số tự nhiên lớn nhất.
- Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.



1 Đ, S ?

a) Số 1 000 000 là số tự nhiên lớn nhất. ?

b) Dãy số 1, 2, 3, 4, 5,... là dãy số tự nhiên. ?

c) Số đầu tiên của dãy số tự nhiên là số 0. ?

d) Số liền trước của một số bé hơn số liền sau của số đó 2 đơn vị. ?

2 Tìm số liền trước của các số sau.

a) ? 81

b) ? 1 991

c) ? 2 045

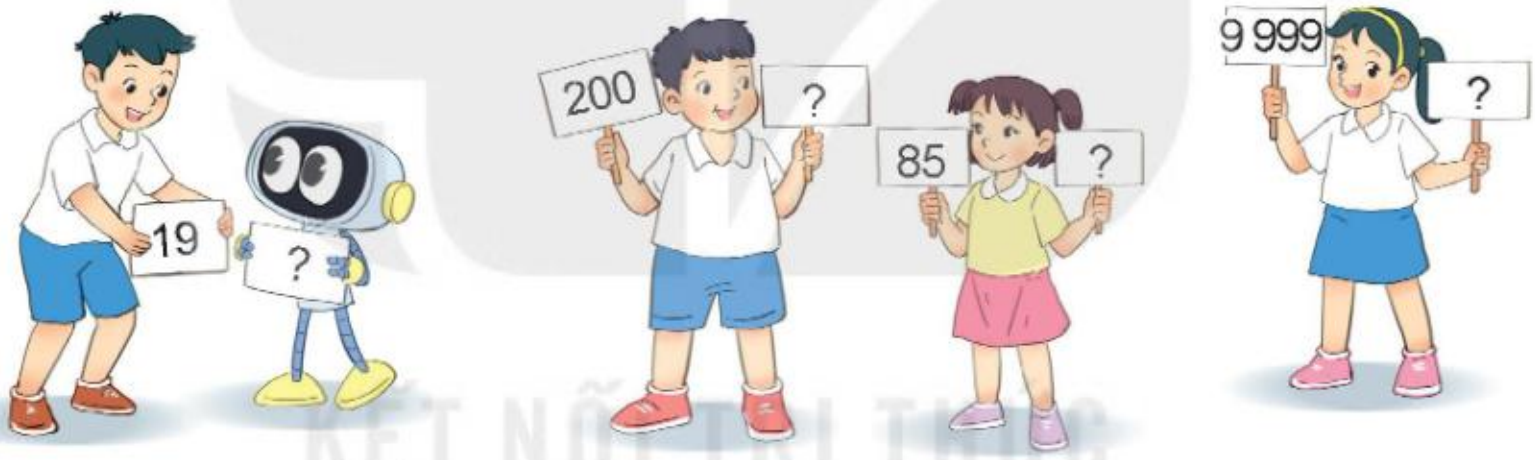
d) ? 10 000

3 Sắp xếp các số dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn.

10 001 | 9 999 | 9 666 | 9 998

luyện tập

1 Tìm số liền sau của các số sau.



2 Tìm số thích hợp để được ba số tự nhiên liên tiếp.

a) 6, 7, ? b) 98, ?, 100 c) ?, 100 000, ?

3 Số ?

a) 1 969, 1 970, 1 971, 1 972, ?, ?, ?

b) 2, 4, 6, 8, ?, ?, ?

c) 1, 3, 5, 7, 9, ?, ?, ?

d) 5, 10, 15, 20, 25, ?, ?, ?



4 Trên bàn có 7 tấm thẻ ghép được thành số 1 951 890.

1	9	5	1	8	9	0

a) Lấy ra một tấm thẻ để được số có sáu chữ số lớn nhất có thể.

b) Lấy ra một tấm thẻ để được số có sáu chữ số bé nhất có thể.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 16

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
34 938 060		?	?	?	?	?	?	?	?
?	2	9	9	7	9	2	4	5	8
? ?47 ?46			1	7	?	?	3	?	?

2 Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

6 800 287 | 124 443 993 | 607 330 | 3 101 983

3 Tìm chữ số thích hợp.

a) 92 881 992 < 92 ? 51 000 b) 931 201 > 93 ? 300

4 Hoàn thành bảng sau.

Số	182 729 119	74 810 331	3 037 933	981 381 070
Giá trị của chữ số 7	700 000	?	?	?

5 Rô-bốt xếp các que tính để được số 3 041 975 như hình dưới đây. Em hãy di chuyển 2 que tính để được số có chín chữ số.





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



luyện tập

1 >; <; = ?

73 882 919 ? 39 113 031	2 500 300 ? 2 000 000 + 500 000 + 300
22 222 222 ? 1 000 000 000	4 300 000 ? 3 000 000 + 400 000

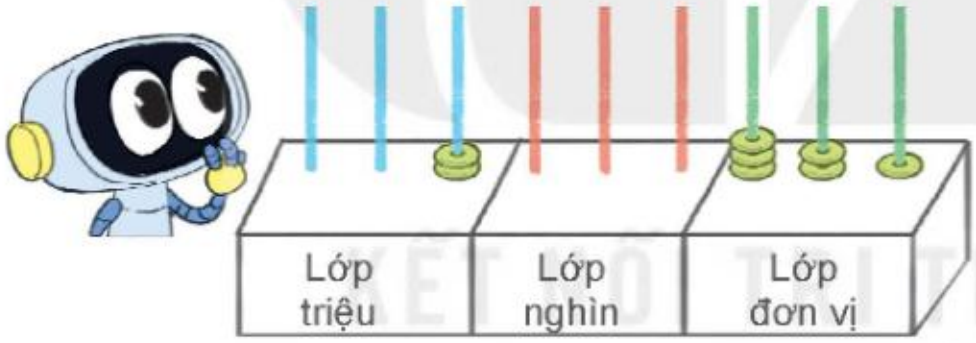
2 Số ?

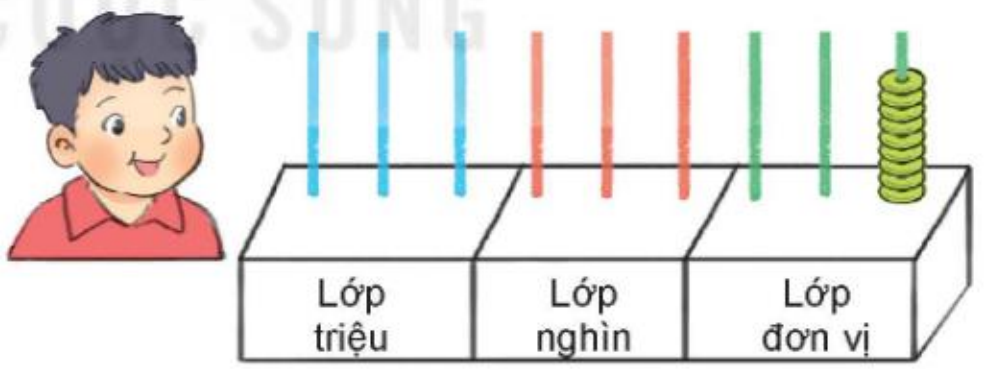
a) 2 400 000 → 2 500 000 → 2 600 000 → ? → ?

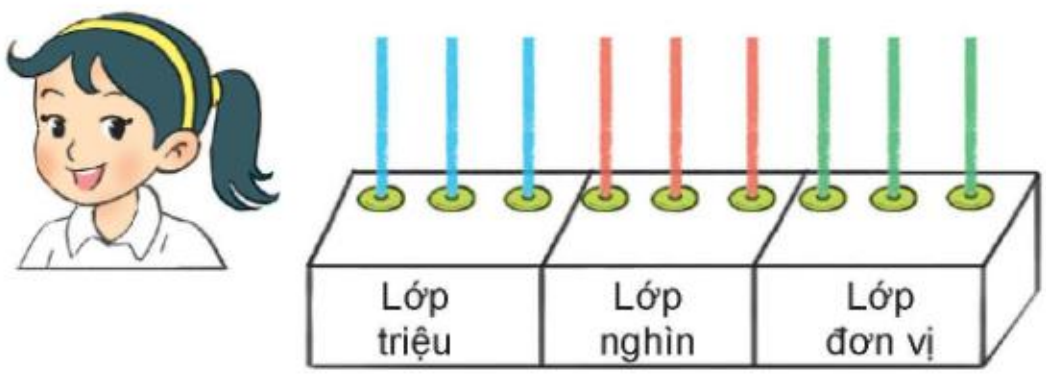
b) 8 000 000 → 9 000 000 → ? → 11 000 000 → ?

c) 600 000 000 → 700 000 000 → 800 000 000 → ? → ?

3 Nêu số mà mỗi bạn lập được.







Hãy cho biết bạn nào lập được số lớn nhất, bạn nào lập được số bé nhất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Làm tròn mỗi số tiền sau đến hàng trăm nghìn.



1 387 000 đồng

417 999 đồng

5 029 075 đồng

775 000 đồng

5 Rô-bốt dùng 7 tấm thẻ sau để lập một số có bảy chữ số. Biết rằng lớp nghìn không chứa chữ số 0 và chữ số 2. Hỏi Rô-bốt đã lập được số nào?

0	0	0	2	3	3	3



1 Trong các số sau, số nào có hai chữ số ở lớp nghìn, số nào có hai chữ số ở lớp triệu?

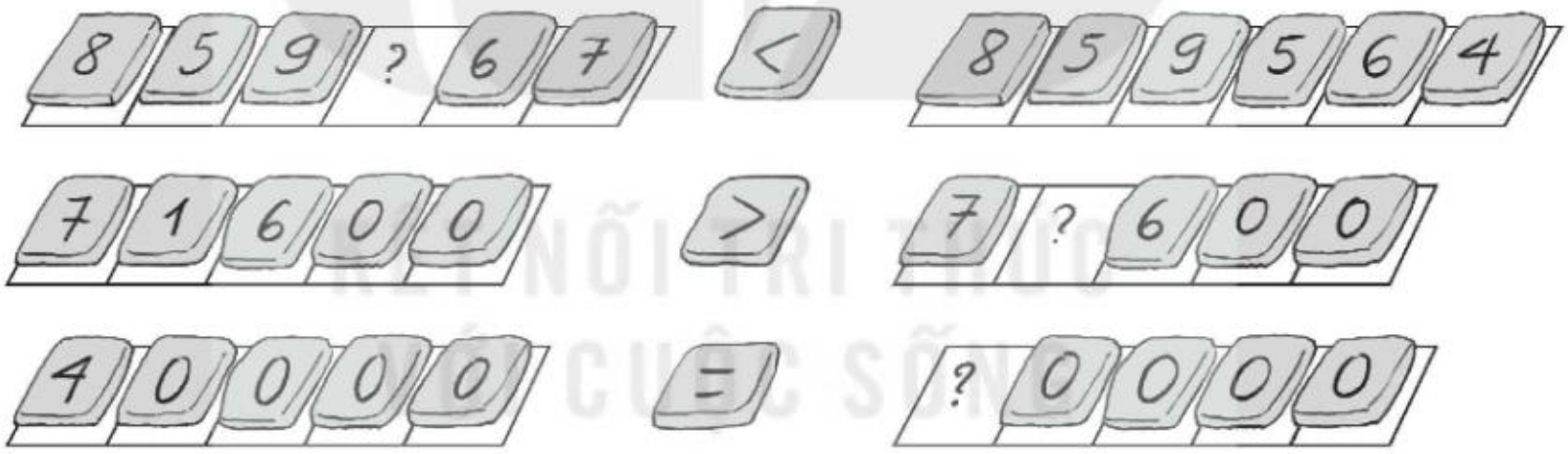
4 519 100 000 45 000 99 405 207 113 806 715

2 Tìm số học sinh tiểu học cho mỗi năm học (theo Niên giám thống kê năm 2017, 2018, 2019, 2020). Biết số học sinh tiểu học tăng dần qua từng năm học.

Năm học 2016 – 2017	8 041 842 học sinh
Năm học 2017 – 2018	8 741 545 học sinh
Năm học 2018 – 2019	7 801 560 học sinh
Năm học 2019 – 2020	8 541 451 học sinh

3 Đặt mỗi viên đá ghi các số 0, 2, 4 vào một ô có dấu "?" để được kết quả đúng.





4 Từ cái cọc của hải âu đến cái cọc của vẹt biển có tất cả bao nhiêu cái cọc?



Chủ đề 4

MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

Bài 17

YẾN, TẠ, TẤN



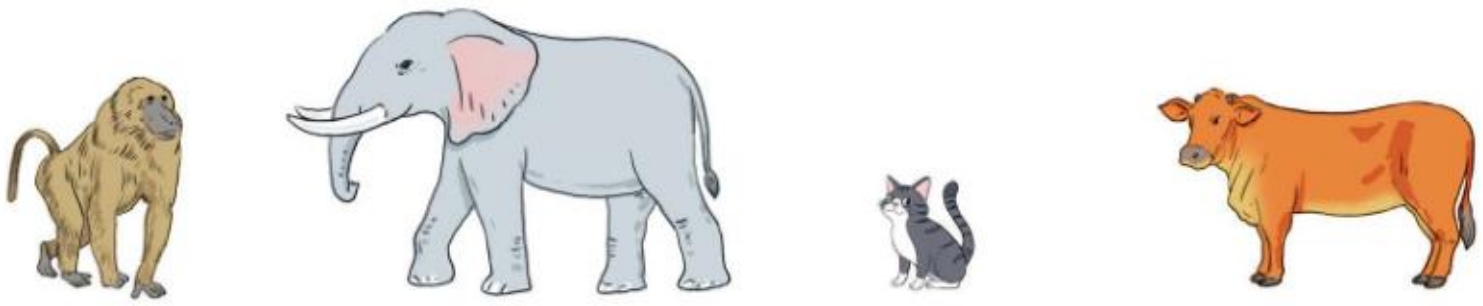
Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng những đơn vị: yến, tạ, tấn.

1 yến = 10 kg; 1 tạ = 100 kg; 1 tấn = 1 000 kg;

1 tạ = 10 yến; 1 tấn = 10 tạ.



1 Chọn số cân nặng thích hợp với mỗi con vật.



4 kg	4 yến	4 tạ	4 tấn

2 Số ?

a) 2 yến = ? kg 20 kg = ? yến

b) 3 tạ = ? kg 300 kg = ? tạ

4 tạ = ? yến 40 yến = ? tạ

c) 2 tấn = ? kg 2 000 kg = ? tấn

3 tấn = ? tạ 30 tạ = ? tấn

3 Tính.

a) 45 tấn – 18 tấn b) 17 tạ + 36 tạ

c) 25 yến × 4 d) 138 tấn : 3

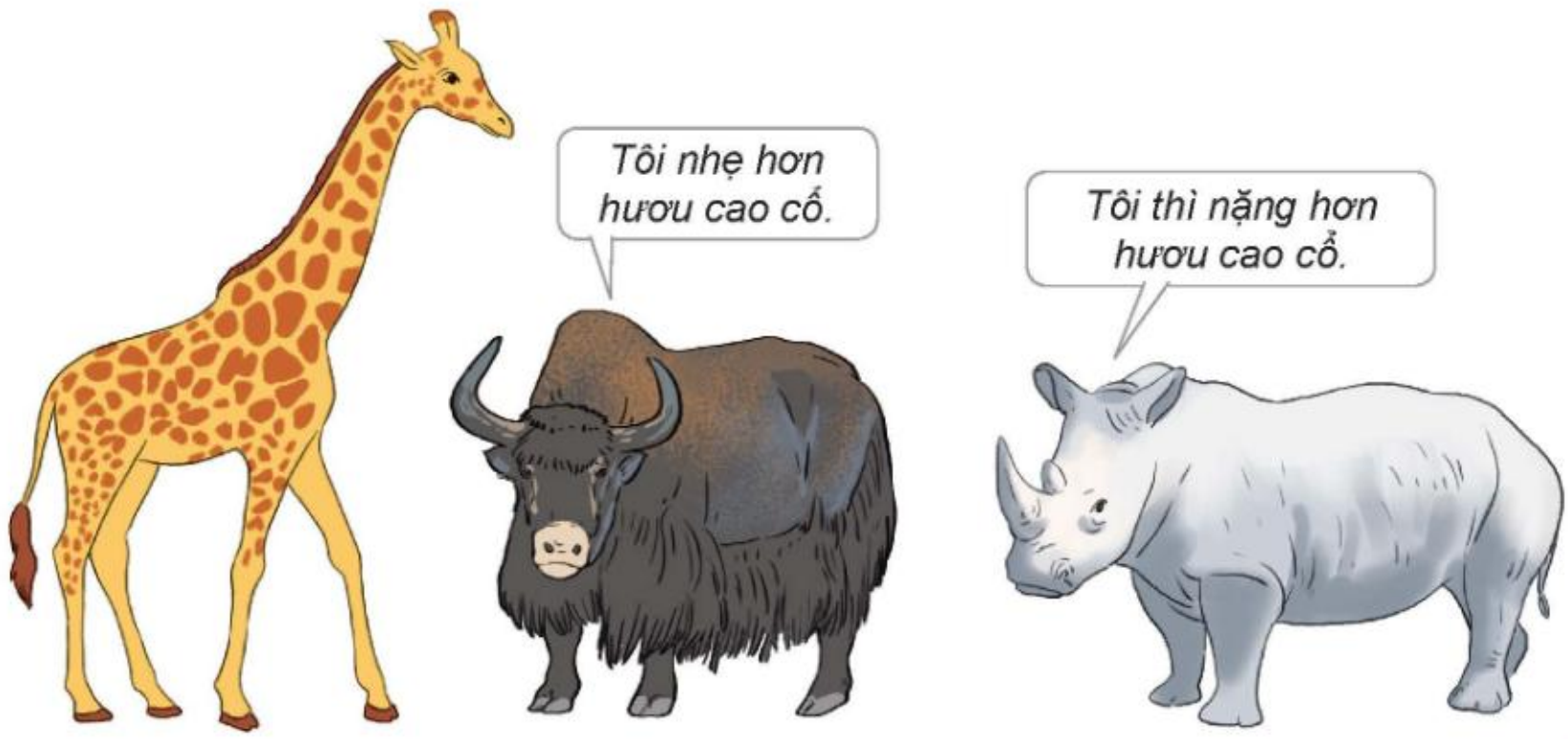
4 Chọn câu trả lời đúng.

Có một con voi vừa chào đời ở vườn quốc gia. Bằng cách làm tròn đến hàng chục, người quản lí nói voi con nặng khoảng 120 kg. Vậy trên thực tế, số đo nào dưới đây có thể là số đo cân nặng của voi con?

A. 1 tạ 3 yến B. 1 tạ 17 kg C. 1 tạ 2 kg D. 1 tạ 9 kg

luyện tập

1 Dựa vào thông tin và hình vẽ dưới đây, hãy xác định cân nặng của mỗi con vật. Biết rằng cân nặng của ba con vật đó là: 1 300 kg, 1 tấn và 2 tấn.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Số ?

a) 4 yến 5 kg = ? kg

b) 5 tạ 5 kg = ? kg

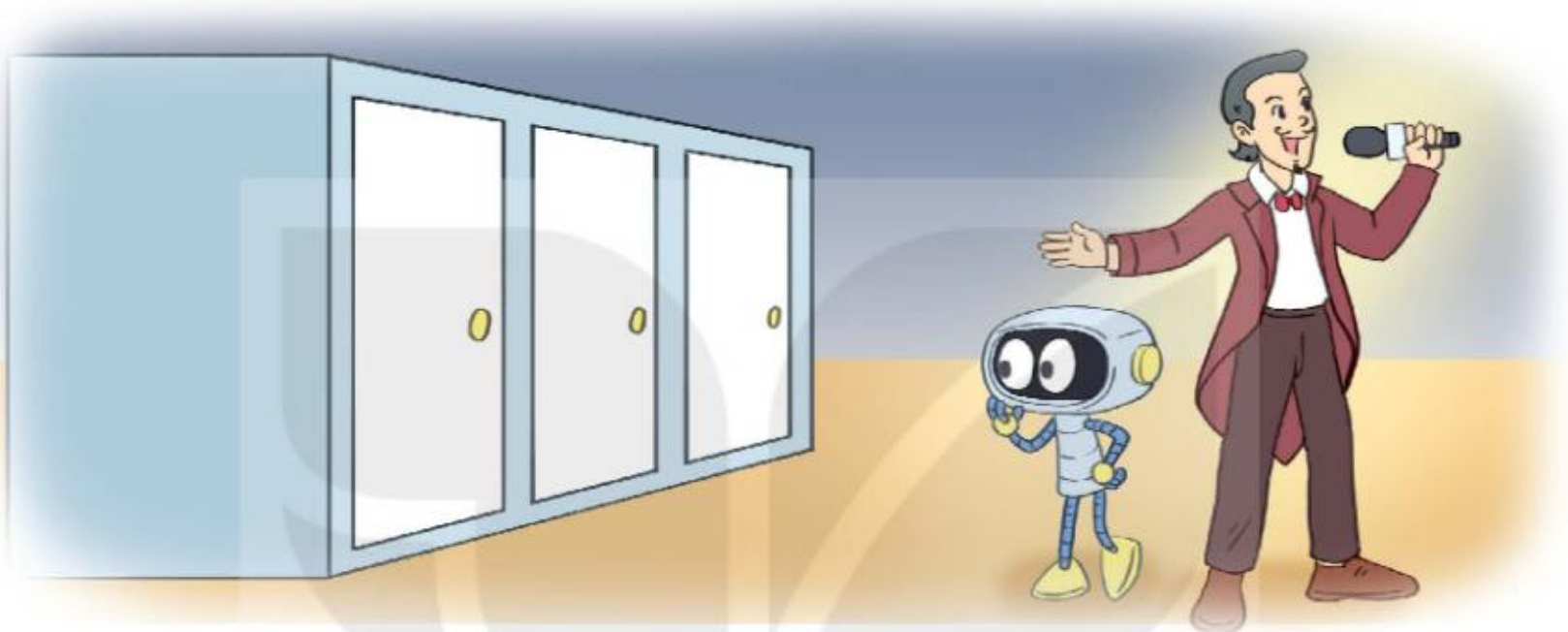
c) 6 tấn 40 kg = ? kg

d) 3 tạ 2 yến = ? yến

e) 5 tấn 2 tạ = ? tạ

g) 4 tấn 50 yến = ? yến

3 Chọn câu trả lời đúng.



Rô-bốt chọn một trong ba ô cửa.

Sau mỗi ô cửa là một trong ba con vật: con dê trắng cân nặng 6 yến, con dê đen cân nặng 30 kg, con bò cân nặng 2 tạ.

Trong các câu dưới đây, câu nào đúng?

A. Phía sau cánh cửa mà Rô-bốt chọn chắc chắn có con bò cân nặng 20 kg.

B. Phía sau cánh cửa mà Rô-bốt chọn có thể có một con dê đen cân nặng 3 tạ.

C. Phía sau cánh cửa mà Rô-bốt chọn có thể có một con dê trắng cân nặng 60 kg.

4 Một chiếc xe chở được nhiều nhất 7 tạ hàng hoá. Biết trên xe đã có 300 kg na bở. Người ta muốn xếp thêm những thùng na dai lên xe, mỗi thùng cân nặng 5 kg. Hỏi chiếc xe đó có thể chở được thêm 90 thùng na dai hay không?

luyện tập

1 Số ?

Biết tổng cân nặng của chim cánh cụt bố và chim cánh cụt mẹ là 80 kg. Tổng cân nặng của chim cánh cụt bố, chim cánh cụt mẹ và chim cánh cụt con là 1 tạ.

Vậy cân nặng của chim cánh cụt con là ? kg.

2 Tính.

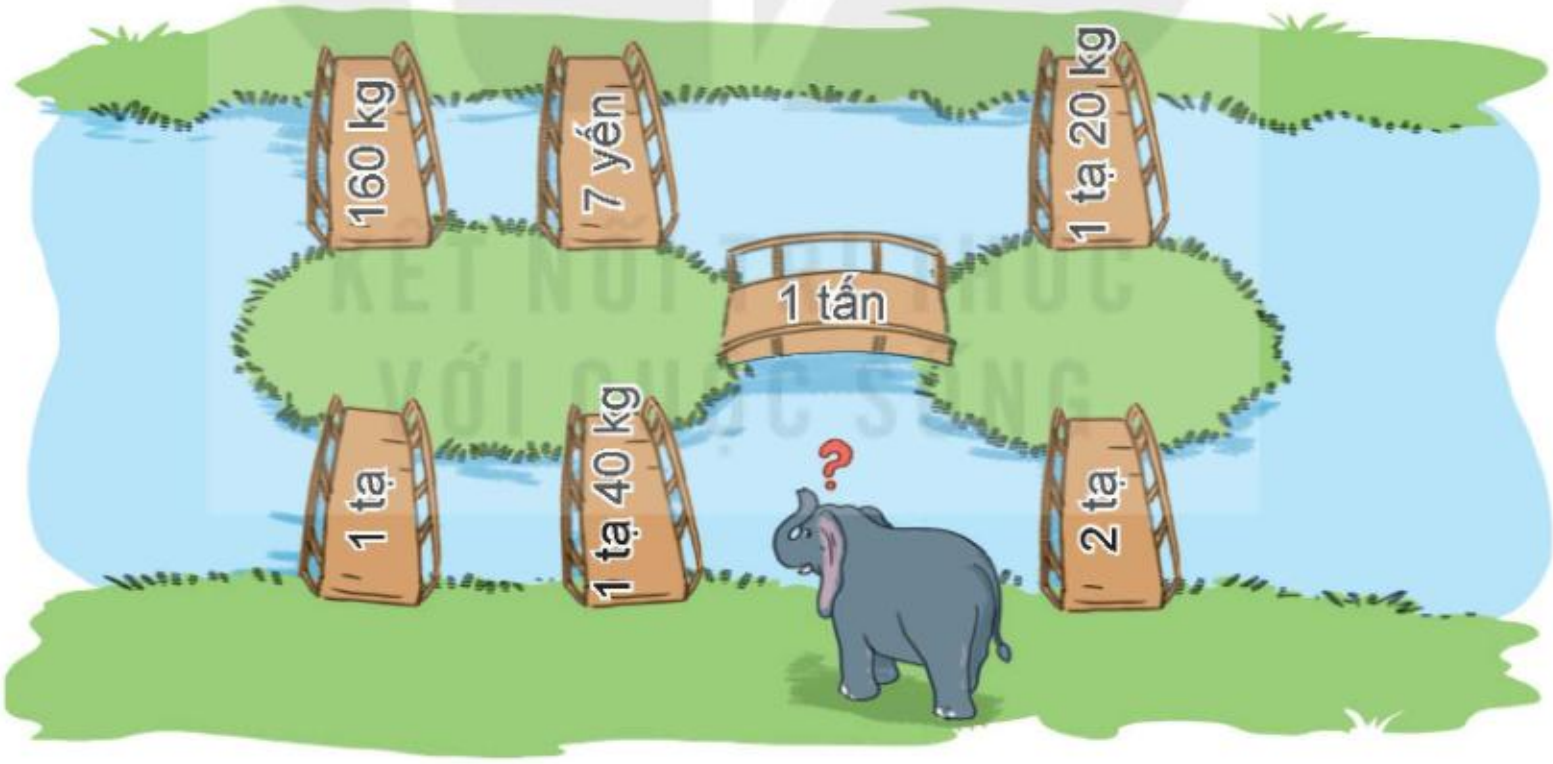
a) 124 tấn + 76 tấn

b) 365 yến – 199 yến

c) 20 tấn × 5

d) 2 400 tạ : 8

3 Có 7 cây cầu như hình vẽ. Biết voi con cân nặng 150 kg. Voi con không được đi qua cây cầu ghi số đo bé hơn cân nặng của nó. Hỏi voi con phải đi qua những cây cầu nào để đi từ bờ bên này sang bờ bên kia?



4 Có ba người cần vượt qua sông bằng một chiếc thuyền nhỏ. Thuyền chỉ chở được tối đa 1 tạ. Biết cân nặng của từng người là: 52 kg, 50 kg và 45 kg. Hỏi ba người đó cần làm như thế nào để vượt qua sông?

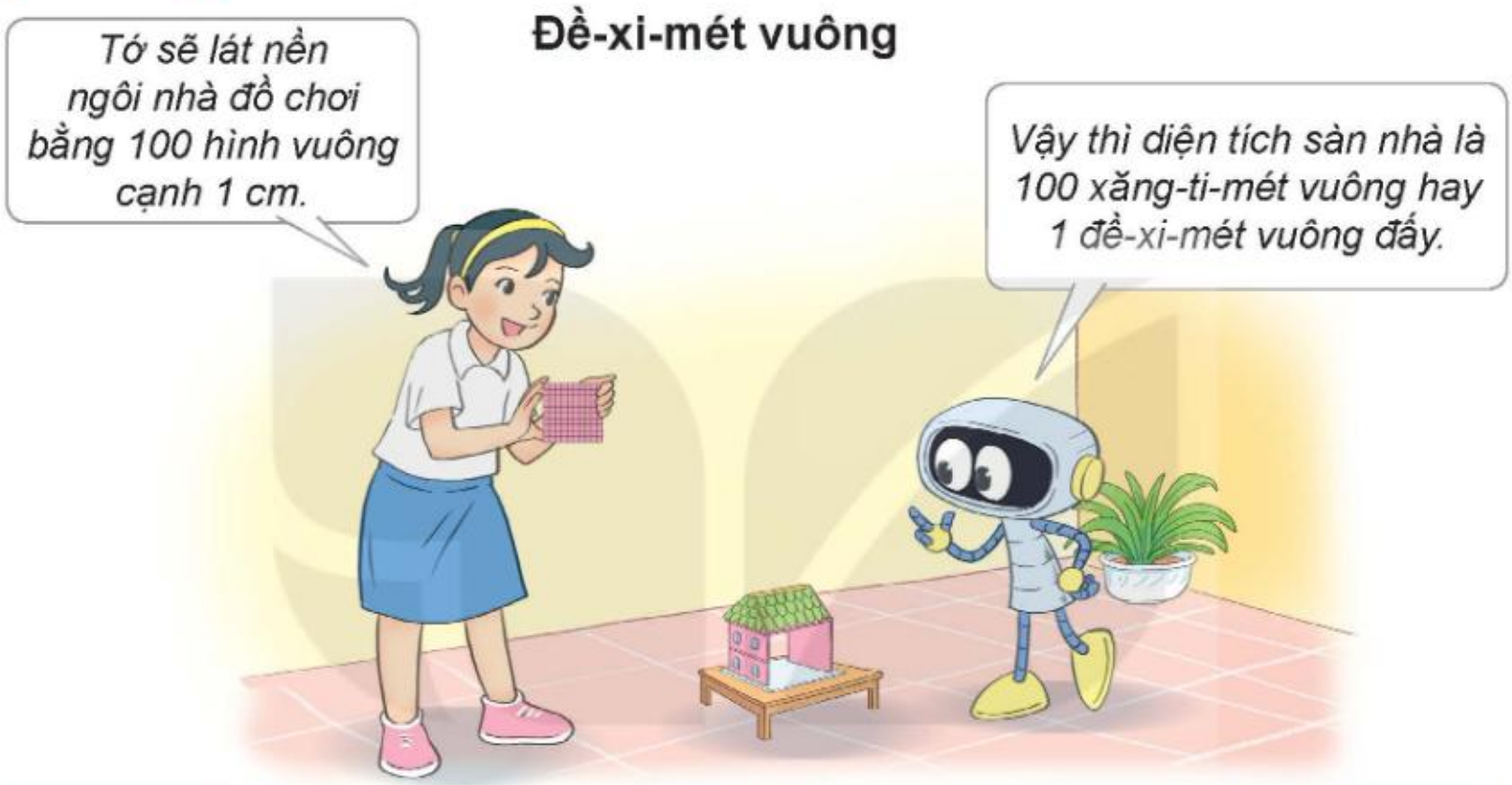


Bài 18

ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG

khám phá

Đề-xi-mét vuông



- Đề-xi-mét vuông là một đơn vị đo diện tích.
- Đề-xi-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 dm.
- Đề-xi-mét vuông viết tắt là dm^2.
- $1\ dm^2 = 100\ cm^2$.

hoạt động

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

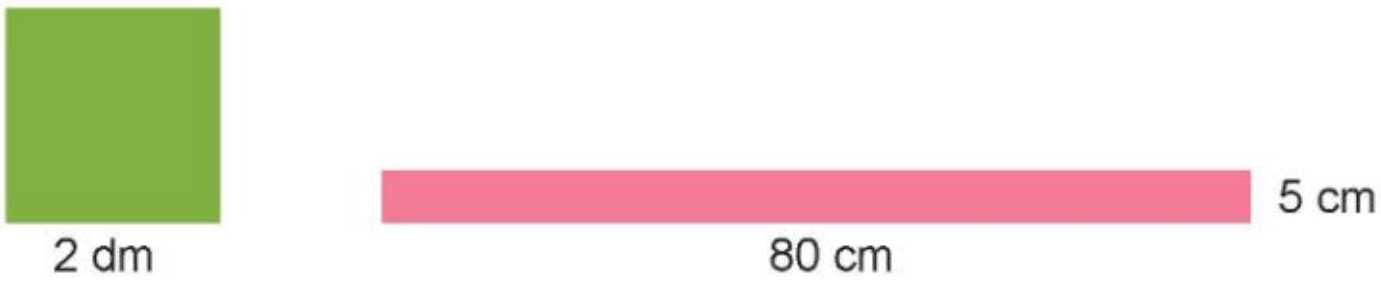
Đọc	Viết
Hai mươi tư đề-xi-mét vuông	$24\ dm^2$
Ba trăm bốn mươi đề-xi-mét vuông	?
?	$1\ 005\ dm^2$
Năm nghìn đề-xi-mét vuông	?

2 Số ?

a) 3 dm^2 = ? cm^2 300 cm^2 = ? dm^2

b) 6 dm^2 = ? cm^2 600 cm^2 = ? dm^2 6 dm^2 50 cm^2 = ? cm^2

3 Quan sát hình vẽ rồi chọn câu trả lời đúng.



A. Diện tích hình vuông lớn hơn diện tích hình chữ nhật.

B. Diện tích hình vuông bằng diện tích hình chữ nhật.

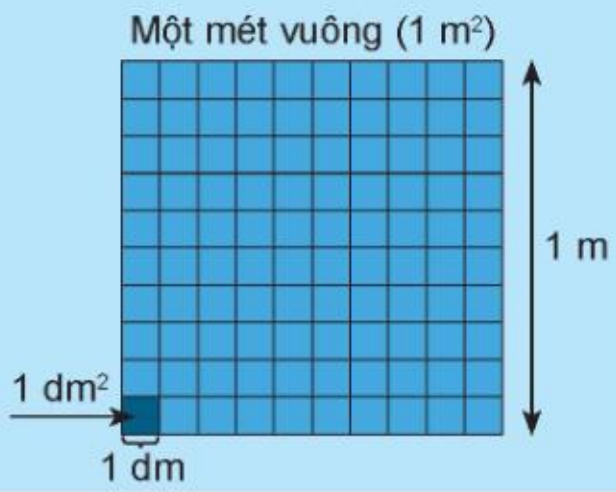
C. Diện tích hình vuông bé hơn diện tích hình chữ nhật.



Mét vuông



- Để đo diện tích, người ta còn dùng đơn vị: mét vuông.
- Mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m.
- Mét vuông viết tắt là m^2.
- 1 m^2 = 100 dm^2.



hoạt động

1 Chọn số đo phù hợp với cách đọc.

Bốn mươi ba mét vuông	43 dm^2
Hai trăm sáu mươi mét vuông	43 cm^2
Bốn mươi ba đề-xi-mét vuông	43 m^2
Bốn mươi ba xăng-ti-mét vuông	260 m^2

2 Chọn số đo phù hợp với diện tích của mỗi đồ vật dưới đây.



Mặt bàn



Cục tẩy



Bìa sách

3 dm^2 | 1 m^2 | 6 cm^2

3 Số ?

a) 1 m^2 = ? dm^2

5 m^2 = ? dm^2

500 dm^2 = ? m^2

b) 1 m^2 50 dm^2 = ? dm^2

4 m^2 20 dm^2 = ? dm^2

3 m^2 9 dm^2 = ? dm^2

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

khám phá

Mi-li-mét vuông



- Để đo diện tích của những vật có kích thước nhỏ, người ta có thể dùng đơn vị: mi-li-mét vuông.
- Mi-li-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 mm.
- Mi-li-mét vuông viết tắt là mm^2.
- $100\ mm^2 = 1\ cm^2$.

hoạt động

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Đọc	Viết
Năm mươi lăm mi-li-mét vuông	$55\ mm^2$
Hai trăm linh tư mi-li-mét vuông	?
?	$2\ 040\ mm^2$
Mười nghìn mi-li-mét vuông	?

2 Số ?

a) $1\ cm^2 =$? mm^2

$2\ cm^2 =$? mm^2

$200\ mm^2 =$? cm^2

b) $1\ cm^2\ 30\ mm^2 =$? mm^2

$8\ cm^2\ 5\ mm^2 =$? mm^2

$7\ cm^2\ 14\ mm^2 =$? mm^2

3 Chọn câu trả lời đúng.

Diện tích của một nhãn vở khoảng:

A. $15\ mm^2$ B. $15\ cm^2$ C. $15\ dm^2$ D. $15\ m^2$

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

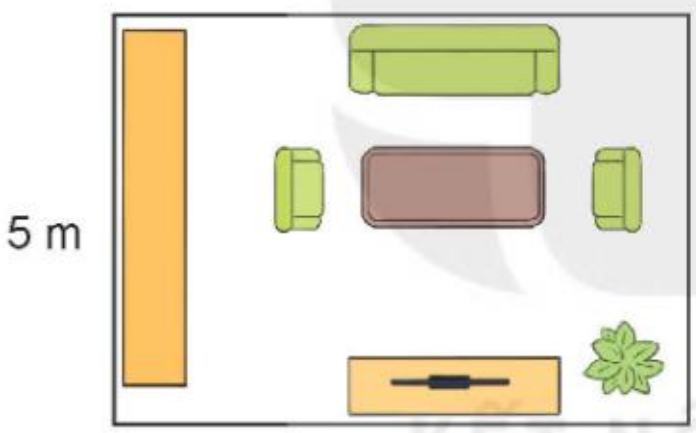
1 Chọn câu trả lời đúng.

Chú Tư có hai tấm pin mặt trời hình vuông cạnh 1 m. Chú đã ghép hai tấm pin đó thành một tấm pin hình chữ nhật có chiều dài là 2 m. Diện tích của tấm pin hình chữ nhật đó là:

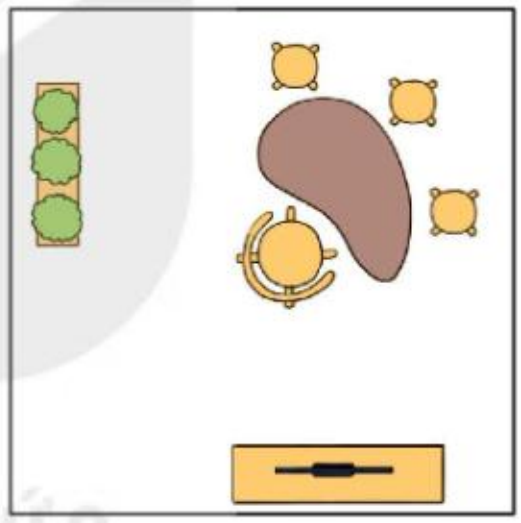
A. 200 m^2 B. 200 dm^2 C. 200 cm^2 D. 200 mm^2

2 Dưới đây là hình vẽ phòng khách nhà Mai, Việt và Nam. Biết diện tích phòng khách nhà Mai bằng diện tích phòng khách nhà Việt. Hỏi hình nào là hình vẽ phòng khách nhà Nam?

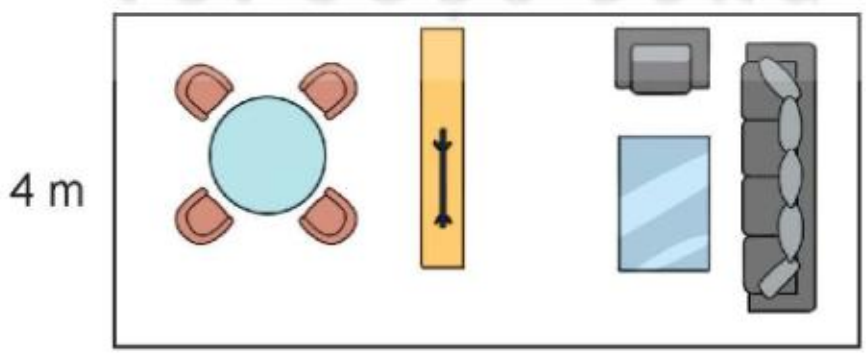
A



B



C



3 Mặt sàn căn phòng của Nam có dạng hình vuông cạnh 3 m. Bố của Nam dự định lát sàn căn phòng bằng các tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài 5 dm và chiều rộng 1 dm. Hỏi bố cần dùng bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn căn phòng đó?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

trò chơi

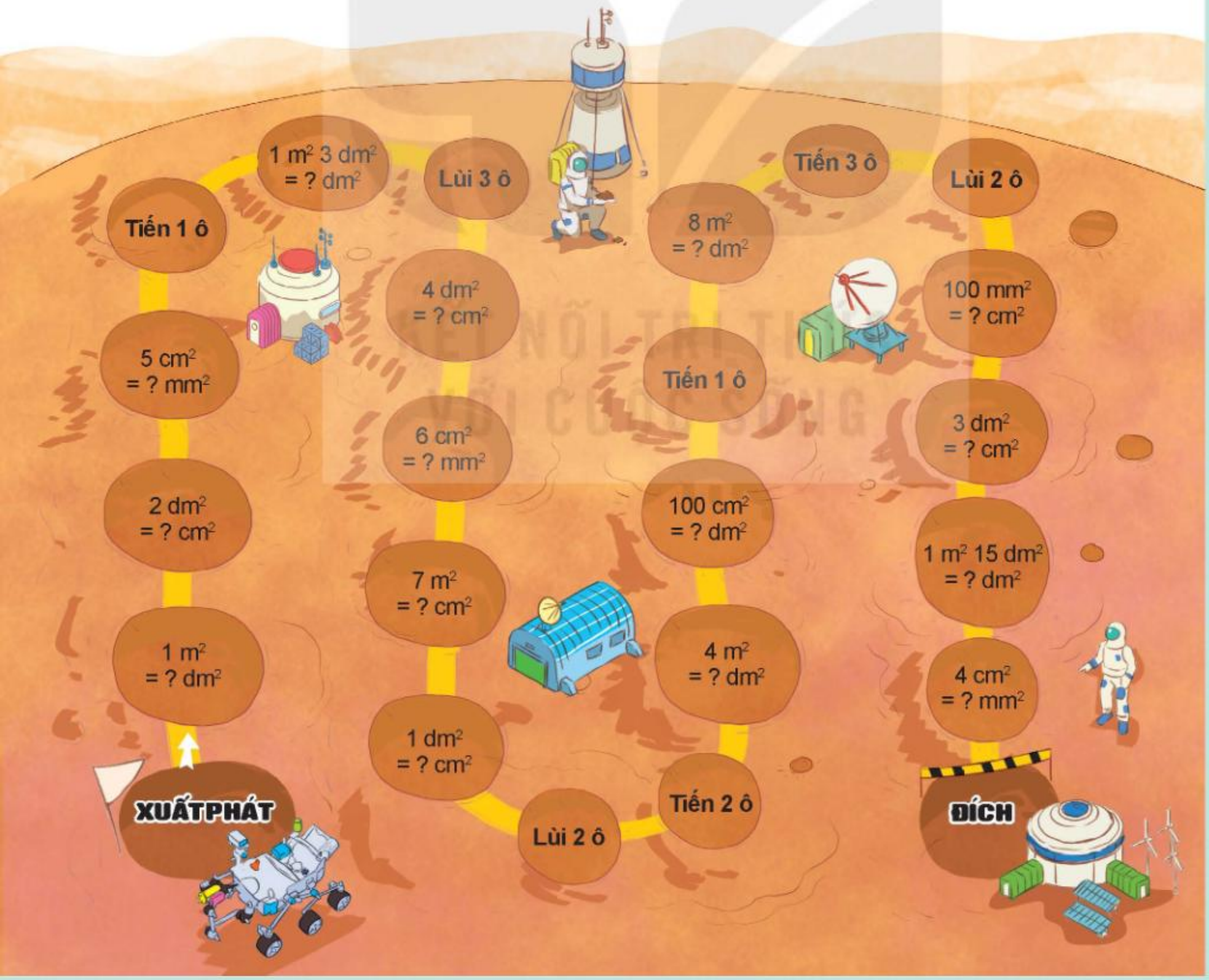
ĐƯỜNG ĐUA SỐ ĐO



Chuẩn bị: 1 xúc xắc, 1 quân cờ.

Cách chơi:

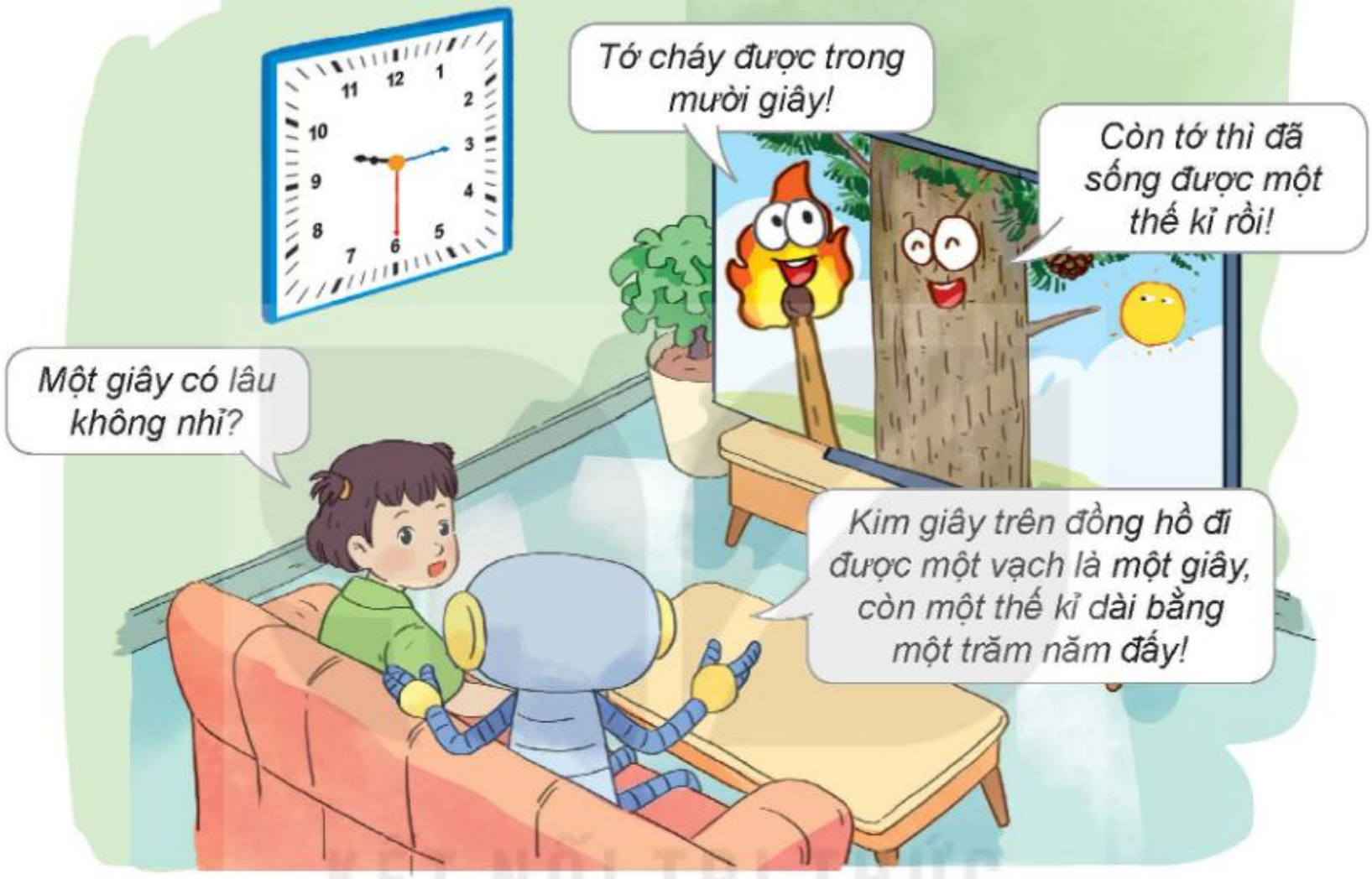
- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô XUẤT PHÁT. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm nhận được. Nêu số thích hợp để điền vào ô đi đến, nếu nêu sai số thì phải quay về ô xuất phát trước đó. Nếu đến ô có hướng dẫn di chuyển thì người chơi thực hiện theo hướng dẫn.
- Trò chơi kết thúc khi có người đến được ô ĐÍCH.



Bài 19

GIÂY, THẾ KỈ

Khám phá



a) Giây

Giây là một đơn vị đo thời gian.
1 phút = 60 giây
1 giờ = 60 phút

b) Thế kỉ

Thế kỉ là một đơn vị đo thời gian.
1 thế kỉ = 100 năm

- Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ một (thế kỉ I).
- Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ hai (thế kỉ II).
- Từ năm 201 đến năm 300 là thế kỉ ba (thế kỉ III).

...

- Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ hai mươi (thế kỉ XX).
- Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ hai mươi mốt (thế kỉ XXI).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Số ?

a) 1 phút = ? giây

60 giây = ? phút

b) 1 thế kỉ = ? năm

100 năm = ? thế kỉ

3 phút = ? giây

180 giây = ? phút

4 thế kỉ = ? năm

400 năm = ? thế kỉ

2 Năm sinh của mỗi nhân vật lịch sử dưới đây thuộc thế kỉ nào?

Trần Hưng Đạo sinh năm 1228	Nguyễn Trãi sinh năm 1380	Phan Bội Châu sinh năm 1867	Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924

Thế kỉ XIX	Thế kỉ X	Thế kỉ XIII	Thế kỉ XIV

3 Năm 1900 là năm Canh Tý. Cứ 60 năm thì lại có một năm Canh Tý. Hỏi năm Canh Tý tiếp theo thuộc thế kỉ nào?



luyện tập

1 Số ?

a) 5 ngày = ? giờ

2 tuần = ? ngày

4 giờ 10 phút = ? phút

b) 2 giờ = ? phút

28 ngày = ? tuần

2 phút 11 giây = ? giây

2 Lễ kỉ niệm 300 năm thành phố Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) được tổ chức vào năm 1998. Vậy thành phố Sài Gòn được thành lập năm nào? Năm đó thuộc thế kỉ nào?



3 Chọn thời gian thích hợp cho mỗi sự việc.

Nam chạy 100 m	Thời gian chuyến bay Hà Nội – Đà Nẵng	Tuổi của cây gõ đỏ
78 năm	20 giây	1 giờ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Số ?

Một chiếc máy bay thực hiện 400 chuyến bay mỗi năm. Biết máy bay bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2001 đến hết năm 2009, vậy máy bay đã thực hiện ? chuyến bay.



5 Năm nhuận là năm mà tháng Hai có 29 ngày.

a) Biết rằng các năm nhuận của thế kỉ XXI là: 2004, 2008, 2012, ..., 2096. Hỏi thế kỉ XXI có bao nhiêu năm nhuận?

b) Năm cuối cùng của thế kỉ XX là một năm nhuận. Hỏi năm đó là năm nào?

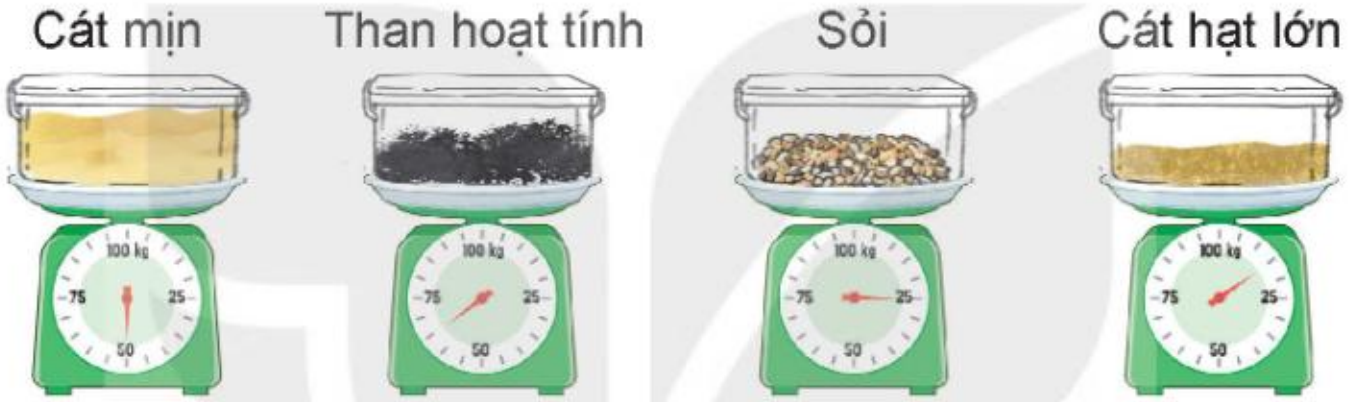
Bài 20

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG



Em tham gia chuẩn bị cho một buổi triển lãm khoa học và được hướng dẫn làm chai lọc nước.

1 Dưới đây là các nguyên liệu được sử dụng trong buổi triển lãm.



a) Chọn câu trả lời đúng.

Cát mịn cân nặng là:

A. 5 tấn B. 5 tạ C. 5 yến D. 2 yến

b) Tổng cân nặng của than hoạt tính, sỏi và cát hạt lớn có **đủ 1 tạ không?**

2 Chọn câu trả lời đúng.

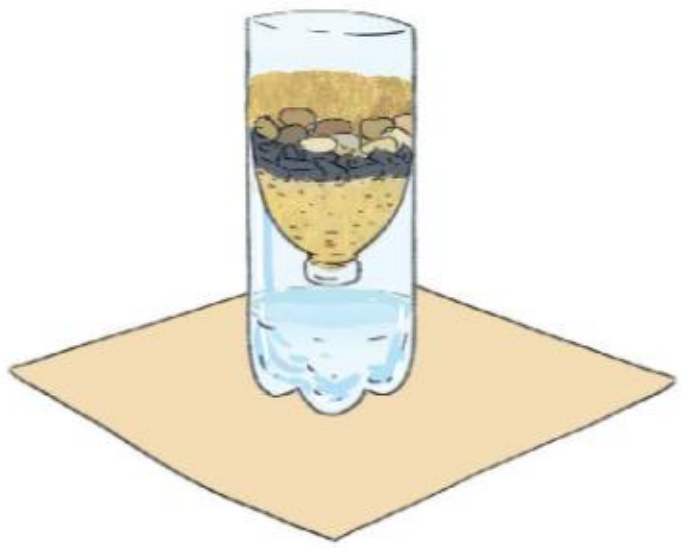
Dưới mỗi chai lọc nước người ta đặt một tấm bìa hình vuông cạnh 3 dm. Diện tích mỗi tấm bìa là:

A. 9 mm^2

B. 9 cm^2

C. 9 dm^2

D. 9 m^2



3 Thời gian để lọc được 500 ml nước của các chai lọc nước là:

Chai A: 250 giây Chai B: 4 phút Chai C: 3 phút 50 giây

Hỏi trong ba chai đó, chai nào cần ít thời gian nhất để lọc được 500 ml nước?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Về nhà, em hãy thử làm một chai lọc nước tương tự như hình ở bài 2. Lưu ý đục lỗ ở nắp chai trước khi đổ lần lượt cát mịn, cát hạt to, than hoạt tính và sỏi. Trong đó cứ 3 thìa cát mịn thì đổ 3 thìa cát hạt to, 1 thìa than hoạt tính, 1 thìa sỏi. Nếu không có than hoạt tính em có thể chỉ cần dùng cát mịn, cát hạt to và sỏi. Sau khi hoàn thành, em thử lọc 100 ml nước xem hết bao nhiêu giây nhé!



Các bạn khối lớp Bốn đang chuẩn bị cho buổi Hội trại mùa Thu của trường.

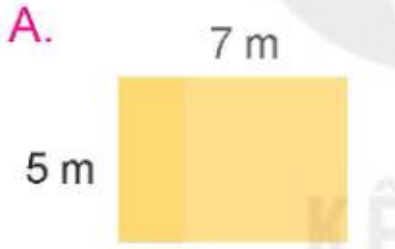
1 Chọn câu trả lời đúng.

a) Em cần một tấm gỗ để làm biển tên trại của lớp mình. Em nên chọn tấm gỗ có diện tích khoảng:

A. 40 mm^2 B. 4 m^2 C. 40 dm^2 D. 40 cm^2

b) Lớp em được chọn một trong ba vị trí để dựng trại có kích thước như hình dưới đây. Em chọn vị trí nào để có diện tích lớn nhất?

A.



B.



C.



2 Chọn câu trả lời đúng.

Em mua 3 bộ dây đèn có giá như hình dưới đây để trang trí trại của lớp.



30 000 đồng



34 000 đồng



36 000 đồng

Hỏi em dùng tờ tiền nào để vừa đủ tiền trả cho người bán hàng?

A.



B.



C.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Hoạt động theo nhóm.

- Một em đóng vai người bán hàng, các em còn lại đóng vai người mua hàng.
- Các em dùng các tấm bìa, tờ giấy in mặt đồng tiền để mua bán.
- Lần lượt, mỗi người mua chọn từ một đến ba đồ vật khác nhau có trong cửa hàng. Người mua đưa cho người bán số tiền bằng hoặc hơn số tiền cần trả cho các đồ vật chọn mua. Nếu số tiền người mua đưa nhiều hơn số tiền cần trả, người bán phải đưa lại tiền thừa (nếu cần).
- Các đồ vật có trong cửa hàng được cho như trong hình sau.





9 000 đồng/quyển



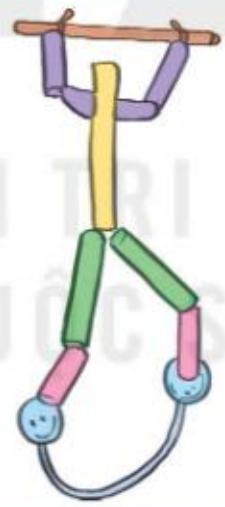
5 000 đồng/cái



30 000 đồng/cái



95 000 đồng/quyển



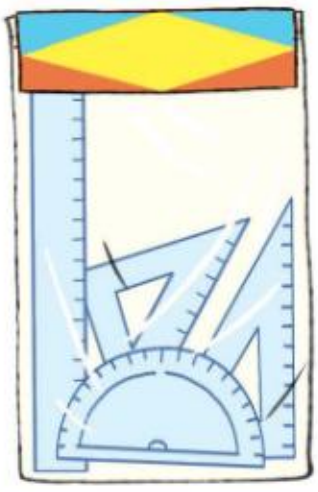
30 000 đồng/cái



10 000 đồng/cái



9 000 đồng/cái



15 000 đồng/bộ



8 000 đồng/cái

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

Em cùng gia đình đi chơi công viên.

1 Giá vé vào chơi một số trò chơi như sau:

Tên trò chơi	Giá vé/lượt
Phi tiêu	15 000 đồng
Đu quay đám mây	20 000 đồng
Câu cá	10 000 đồng
Nhà gương	12 000 đồng
Tàu lượn	20 000 đồng

Em thích trò chơi nào nhất? Nếu cả gia đình em cùng chơi trò đó thì sẽ trả hết tất cả bao nhiêu tiền?

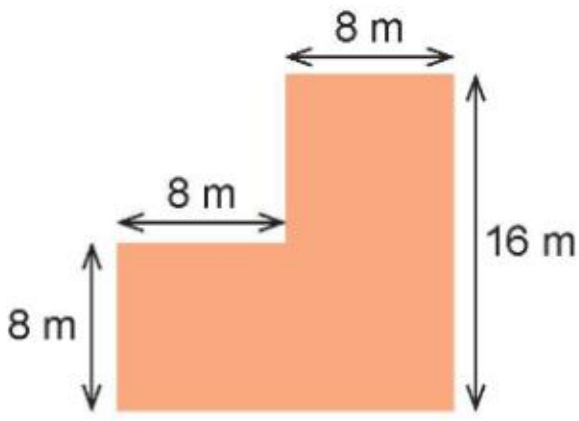
2 Đến khu vườn thú, có một số con vật với cân nặng như sau:



Em thích con vật nào nhất? Con vật đó nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

3 Chọn câu trả lời đúng.

Đến vườn hoa, em thấy khu vườn trồng hoa hồng có kích thước như hình bên.



Khu vườn trồng hoa hồng đó có diện tích là:

A. 64 m^2 B. 32 m^2

C. 128 m^2 D. 192 m^2

4 Trong công viên có một cây cổ thụ được trồng vào năm 1864. Hỏi năm đó thuộc thế kỉ nào?

Bài 21

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Số ?

a) 8 m^2 = ? dm^2 800 dm^2 = ? m^2

b) 2 dm^2 = ? cm^2 200 cm^2 = ? dm^2

c) 3 cm^2 = ? mm^2 300 mm^2 = ? cm^2

2 Số ?

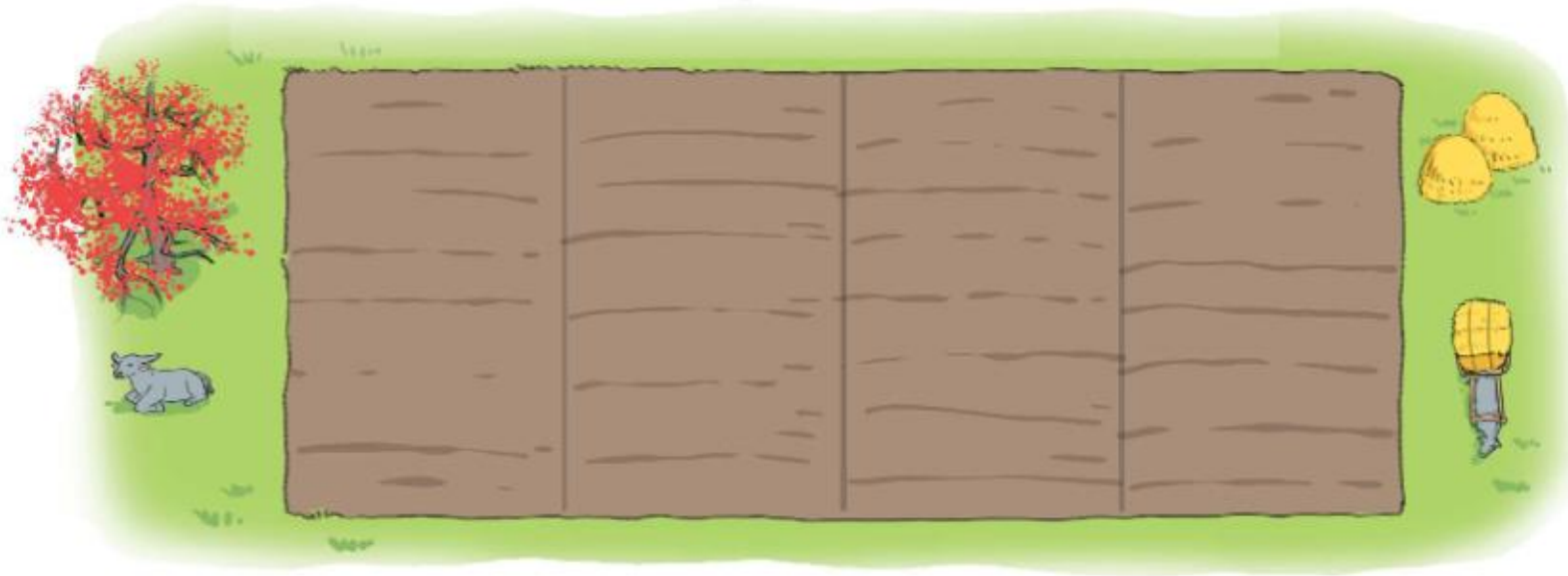
a) 7 yến 3 kg = ? kg 2 yến 5 kg = ? kg

b) 4 tạ 15 kg = ? kg 3 tạ 3 yến = ? yến

c) 5 tấn = ? yến 1 tấn 89 kg = ? kg

3 Số ?

Thửa ruộng của chú Năm có dạng hình chữ nhật với diện tích 4 000 m^2. Chú Năm chia thành bốn phần đều nhau như hình vẽ.



a) Diện tích mỗi phần là ? m^2.

b) Cứ mỗi 1 000 m^2, chú Năm thu được khoảng 7 tạ thóc. Như vậy, chú Năm thu hoạch được tất cả ? tạ thóc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Nam chạy một vòng quanh sân hết 2 phút 30 giây. Hỏi nếu cứ chạy như thế đúng hai vòng thì Nam chạy hết bao nhiêu giây?

5 Chọn số cân nặng thích hợp với mỗi đồ vật.









50 tạ	500 g	5 000 tấn	5 yến



1 Số ?

5 thế kỉ = ? năm

500 năm = ? thế kỉ

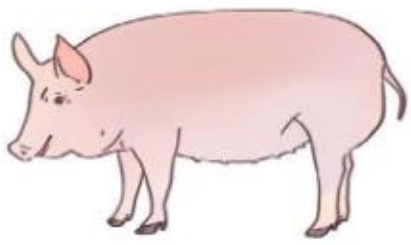
5 phút = ? giây

300 giây = ? phút

2 Chọn số đo phù hợp với cân nặng của mỗi con vật trong thực tế.



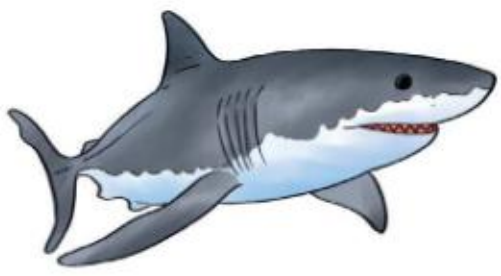
100 g	1 yến



1 tấn	1 tạ



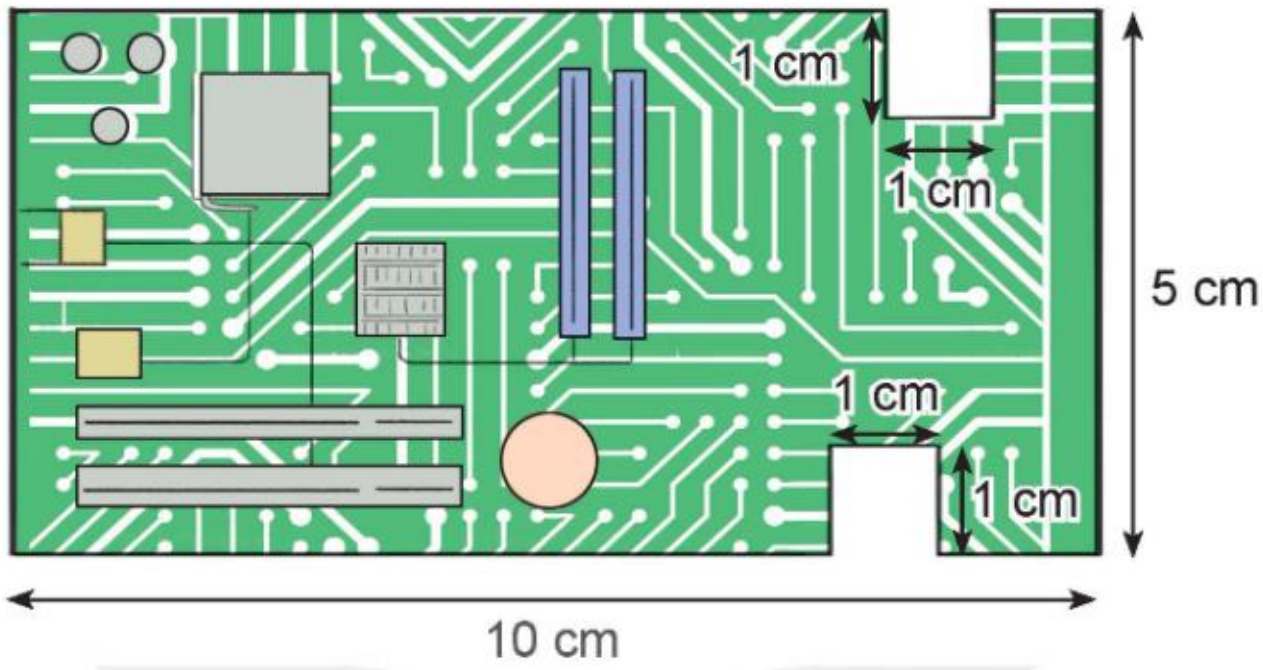
30 g	30 kg



2 g	2 tấn

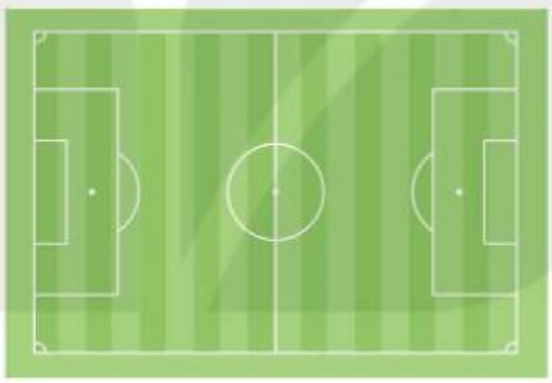
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Tính diện tích của bảng mạch máy tính có kích thước như hình dưới đây.



4 Chọn số đo diện tích phù hợp với mỗi bề mặt trong thực tế.





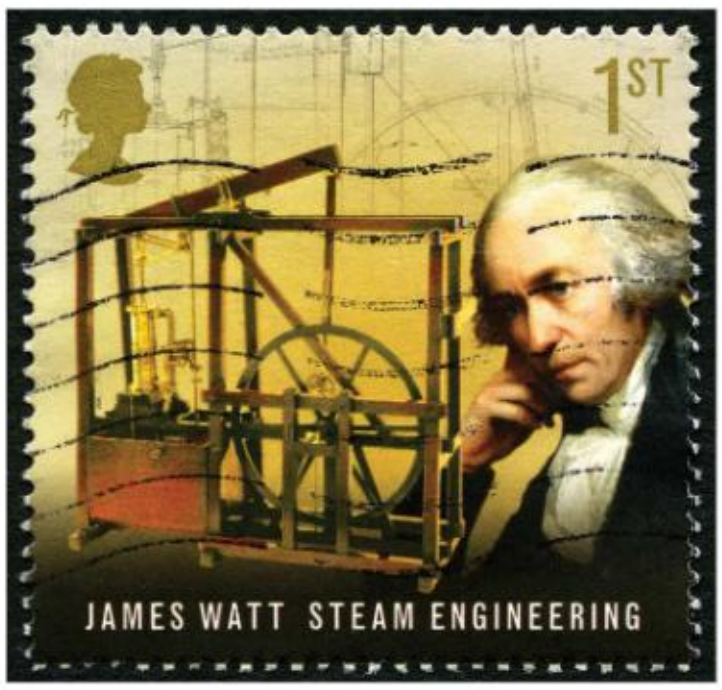


1 137 mm^2

12 dm^2

7 140 m^2

5 James Watt (Giêm Oát) thiết kế kiểu động cơ hơi nước mới vào năm 1782. Dịp kỉ niệm 500 năm thiết kế kiểu động cơ hơi nước này sẽ vào năm nào? Năm đó thuộc thế kỉ nào?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 5

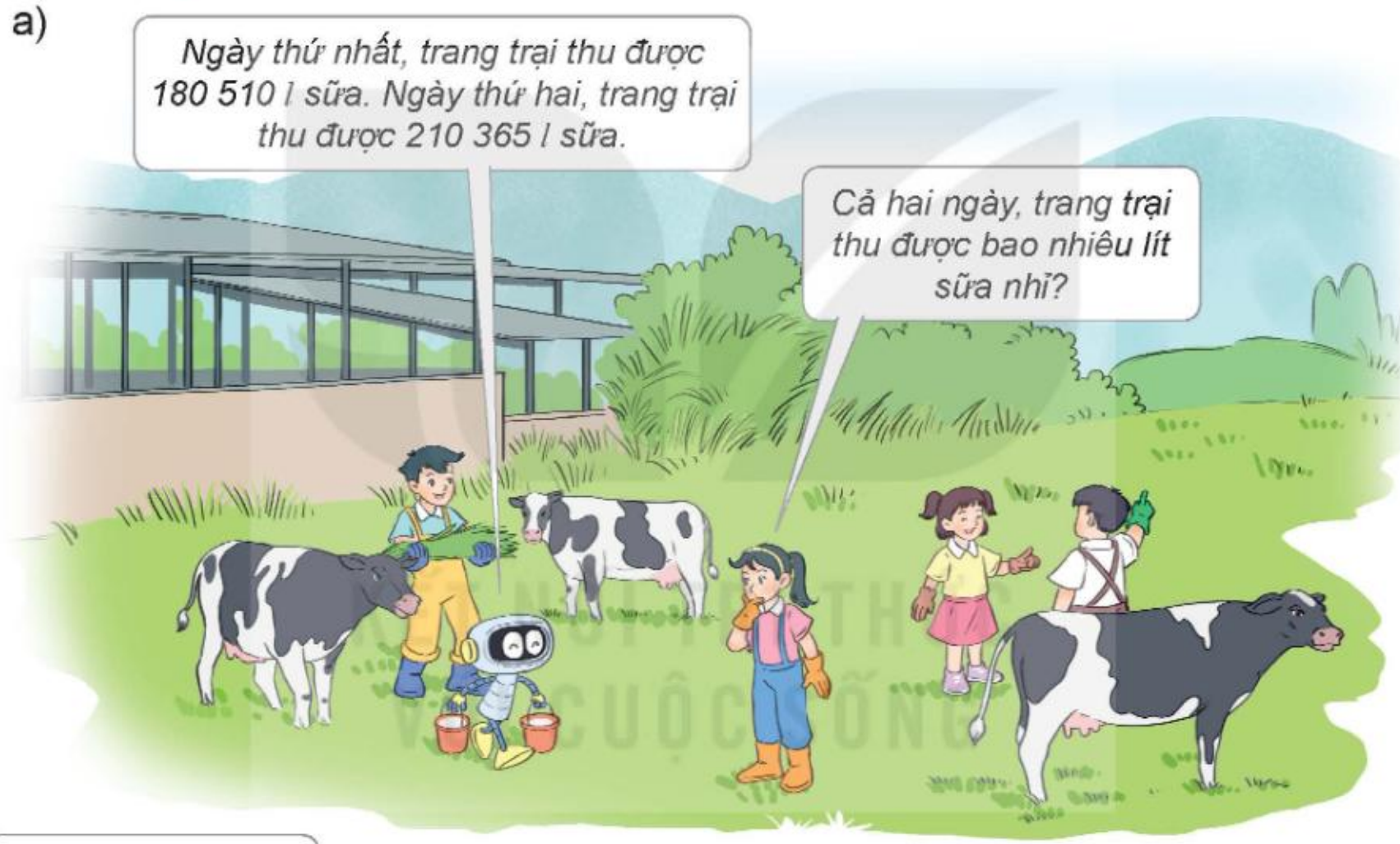
PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

Bài 22

PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Khám phá

a)





180 510 + 210 365 = ?

$$\begin{array}{r} 180\,510 \\ +\ 210\,365 \\ \hline 390\,875 \end{array}$$

- 0 cộng 5 bằng 5, viết 5.
- 1 cộng 6 bằng 7, viết 7.
- 5 cộng 3 bằng 8, viết 8.
- 0 cộng 0 bằng 0, viết 0.
- 8 cộng 1 bằng 9, viết 9.
- 1 cộng 2 bằng 3, viết 3.

180 510 + 210 365 = 390 875

b) 327 456 + 190 835 = ?

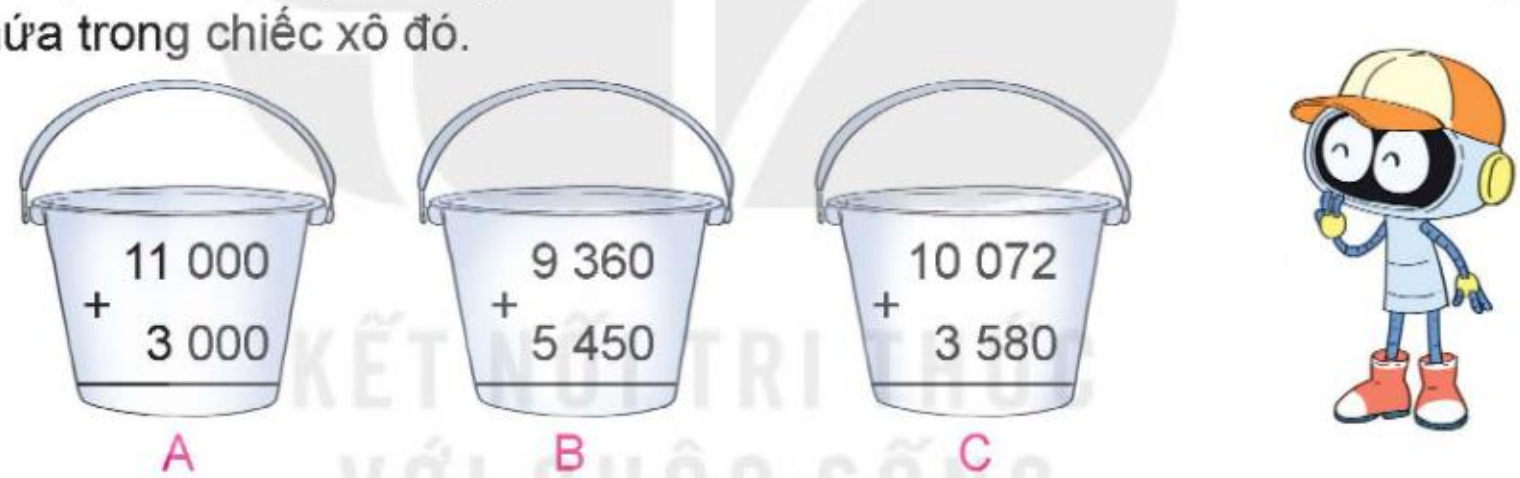
$$\begin{array}{r} 327\,456 \\ +\ 190\,835 \\ \hline 518\,291 \end{array}$$

- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1 nhớ 1.
- 5 thêm 1 bằng 6; 6 cộng 3 bằng 9, viết 9.
- 4 cộng 8 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 7 thêm 1 bằng 8; 8 cộng 0 bằng 8, viết 8.
- 2 cộng 9 bằng 11, viết 1 nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4; 4 cộng 1 bằng 5, viết 5.

327 456 + 190 835 = 518 291

hoạt động

1 Kết quả của phép tính ghi trên mỗi chiếc xô là số mi-li-lít sữa bò được chứa trong chiếc xô đó.



Xô nào chứa nhiều sữa bò nhất? Xô nào chứa ít sữa bò nhất?

2 Đặt tính rồi tính.

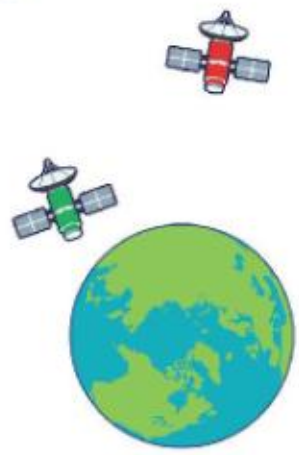
3 246 + 4 721

47 282 + 2 514

139 820 + 240 134

482 824 + 420 546

3 Trong 1 phút, vệ tinh màu xanh bay được quãng đường dài 474 000 m, vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường dài hơn vệ tinh màu xanh là 201 km. Hỏi trong 1 phút, vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường dài bao nhiêu mét?



luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

5 839 + 712 | 548 393 + 28 110 | 319 256 + 378 028

2 Chọn câu trả lời đúng.

Giá tiền của một số đồ dùng học tập được cho như sau:

STT	Tên đồ dùng	Giá tiền (đồng)
1	Bút máy	24 600
2	Vở học sinh	9 500
3	Cặp sách	90 000
4	Bộ thước kẻ	15 000

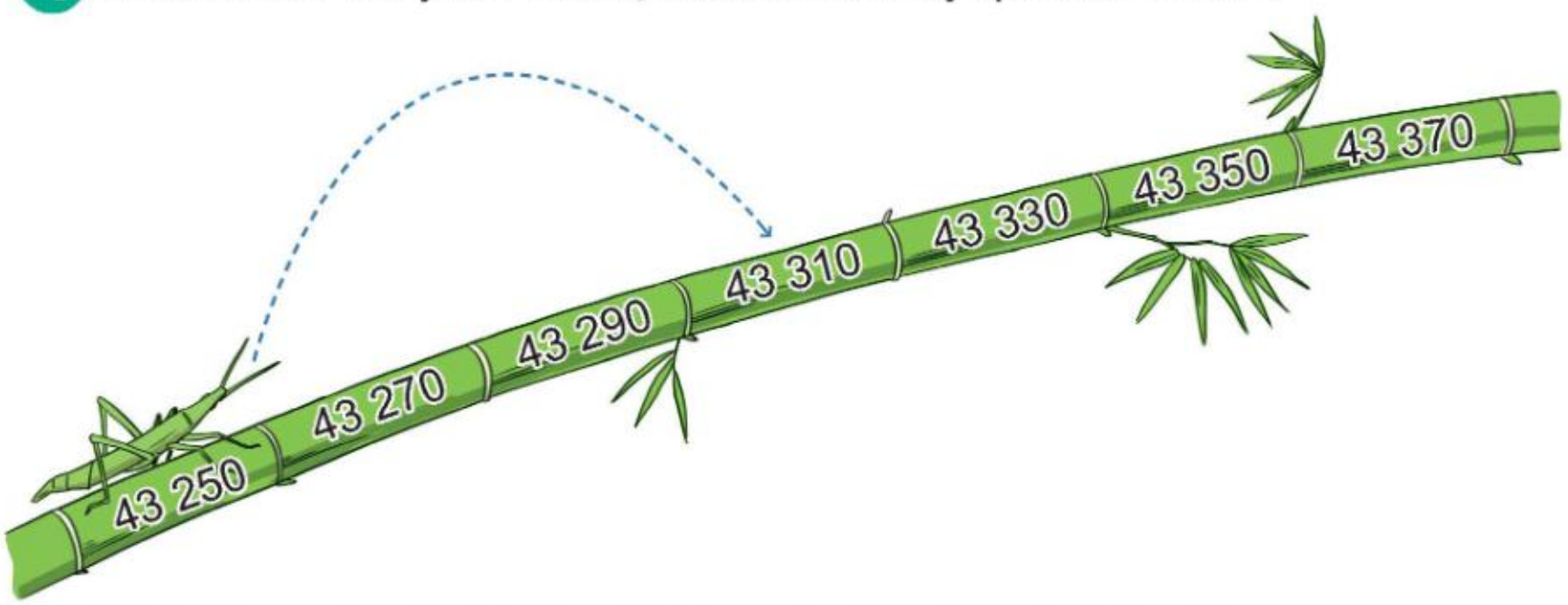
Hỏi với 100 000 đồng, có thể mua được cặp sách và đồ dùng nào?

A. Bút máy B. Vở học sinh C. Bộ thước kẻ

3 Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 1\,2\,\square\,3\,\square \\ +\quad \square\,4\,\square\,5 \\ \hline 1\,7\,8\,1\,9 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 2\,\square\,3\,\square\,5 \\ +\quad 4\,5\,\square\,2\,4 \\ \hline 7\,2\,5\,0\,\square \end{array}$$

4 Cào cào sẽ nhảy hai bước, mỗi bước nhảy qua hai đốt tre.



Tính tổng các số ghi trên đốt tre mà cào cào sẽ nhảy đến.

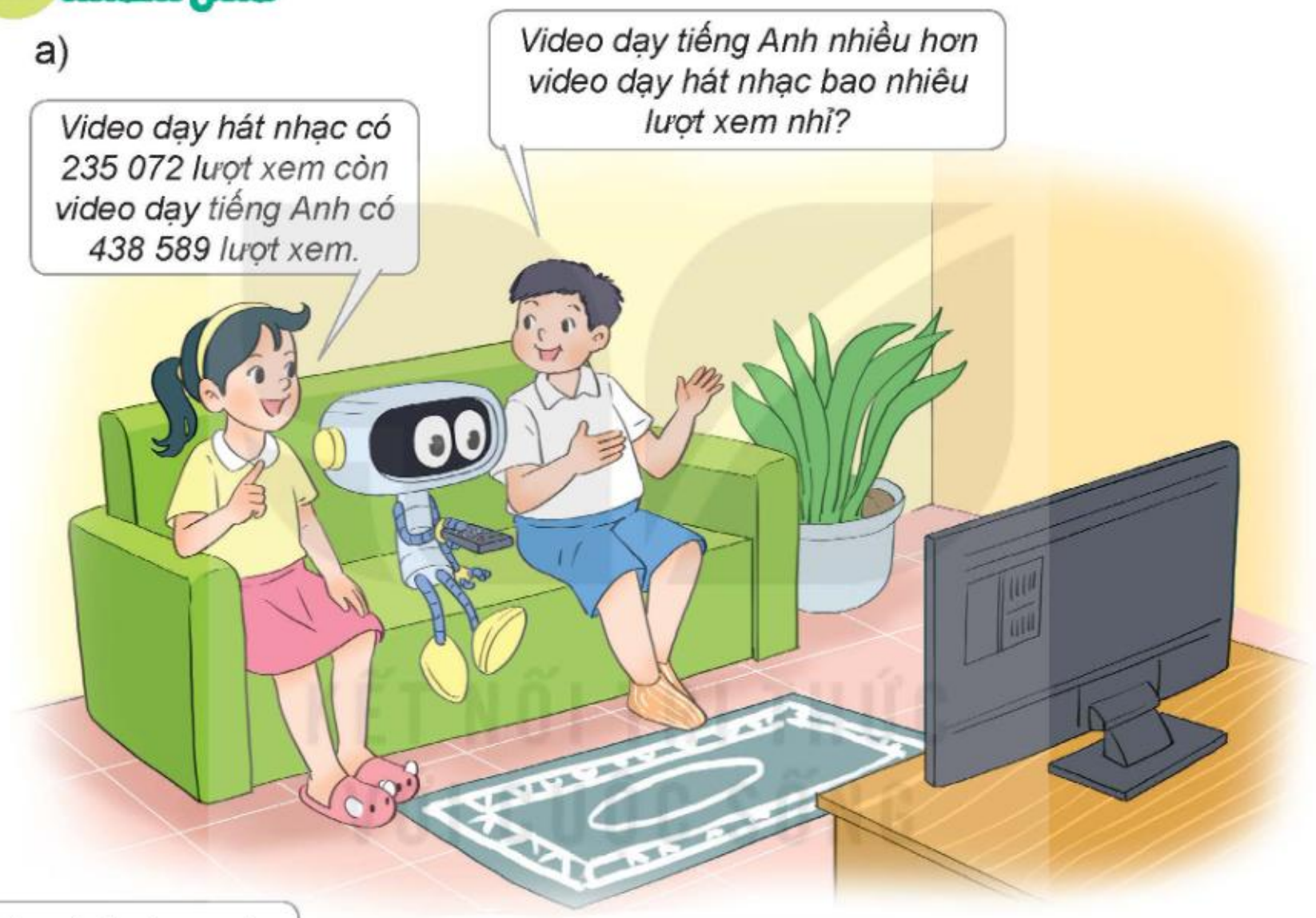
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 23

PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Khám phá

a)





438 589 – 235 072 = ?

$$\begin{array}{r} 438\,589 \\ -\ 235\,072 \\ \hline 203\,517 \end{array}$$

- 9 trừ 2 bằng 7, viết 7.
- 8 trừ 7 bằng 1, viết 1.
- 5 trừ 0 bằng 5, viết 5.
- 8 trừ 5 bằng 3, viết 3.
- 3 trừ 3 bằng 0, viết 0.
- 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.

438 589 – 235 072 = 203 517

b)

648 390 – 382 547 = ?

$$\begin{array}{r} 648\,390 \\ -\ 382\,547 \\ \hline 265\,843 \end{array}$$

- 0 không trừ được 7, lấy 10 trừ 7 bằng 3, viết 3 nhớ 1.
- 9 trừ 1 bằng 8; 8 trừ 4 bằng 4, viết 4.
- 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8 nhớ 1.
- 8 trừ 1 bằng 7; 7 trừ 2 bằng 5, viết 5.
- 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6 nhớ 1.
- 6 trừ 1 bằng 5; 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

648 390 – 382 547 = 265 843



1 Đặt tính rồi tính.

36 724 – 3 291 | 637 891 – 412 520 | 895 332 – 282 429

2

Khi bay, tớ đập cánh khoảng 180 000 lần trong 5 phút.

Còn tớ đập cánh khoảng 60 000 lần trong 5 phút khi bay.



Khi bay trong 5 phút, muỗi đập cánh nhiều hơn ong bao nhiêu lần?

3 Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu xanh có 240 373 *l*. Khoang chứa nhiên liệu của máy bay màu hồng có 25 350 *l*. Hỏi khoang chứa nhiên liệu của máy bay nào có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít?



Luyện tập

1 Số ?

Số bị trừ	538 239	347 287	432 000	?
Số trừ	27 018	20 026	?	227 000
Hiệu	?	?	231 000	452 000

2 Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 6\,?\,2\,9\,1\,4 \\ -\quad 1\,2\,3\,7\,?\,6 \\ \hline 5\,1\,?\,2\,0\,? \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5\,0\,7\,5\,1\,? \\ -\quad ?\,2\,7\,?\,3\,0 \\ \hline 1\,8\,?\,0\,8\,8 \end{array}$$

3 Rô-bốt mời Việt, Nam, Mai và Mi đi xem phim. Biết tiền vé của cả bốn bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt là 320 000 đồng, tiền vé của Mi là 50 000 đồng. Rô-bốt đưa tờ tiền 500 000 đồng cho người bán vé. Hỏi người bán vé phải trả lại Rô-bốt bao nhiêu tiền?

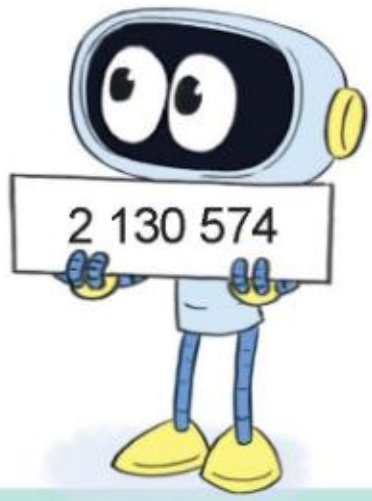


4 Rô-bốt viết số 2 130 574 lên bảng.

Xoá đi một chữ số bất kì để thu được số có sáu chữ số.

a) Tìm số lớn nhất, số bé nhất có thể nhận được sau khi xoá.

b) Tính hiệu của số lớn nhất và số bé nhất tìm được ở câu a.



Bài 24

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

Khám phá

a)



b) Tính giá trị của hai biểu thức a + b và b + a

a	b	a + b	b + a
4	3	4 + 3 = 7	3 + 4 = 7
6	9	6 + 9 = 15	9 + 6 = 15
8	5	8 + 5 = 13	5 + 8 = 13

Nhận thấy giá trị của a + b và b + a luôn bằng nhau, ta viết:

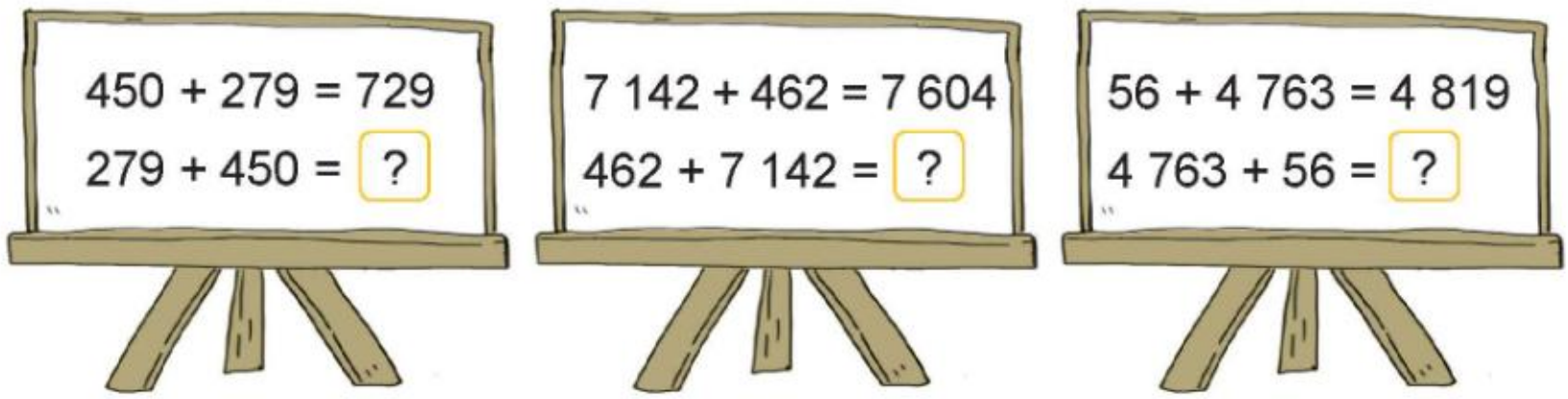
$$a + b = b + a$$

Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

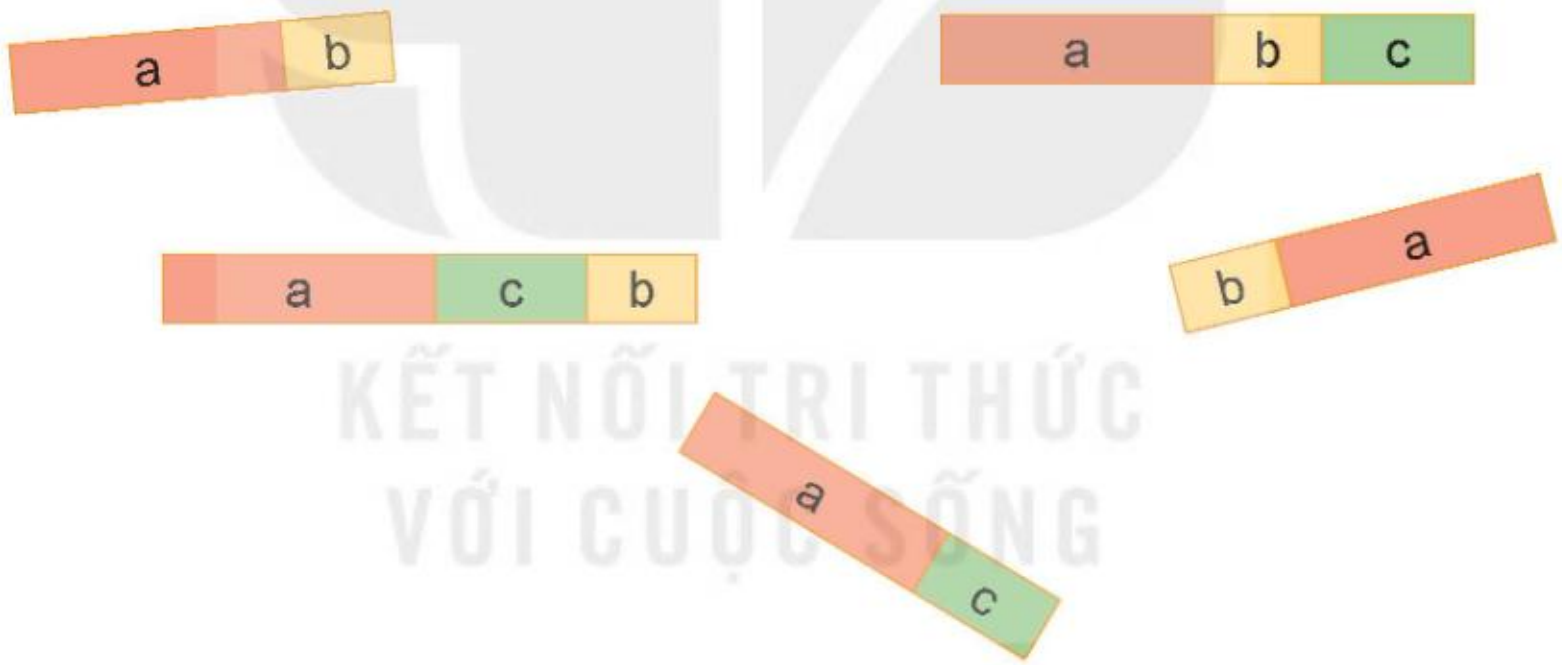
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Số ?



2 Rô-bốt dùng những đoạn có độ dài a, b, c để ghép được những thanh như hình dưới đây. Hỏi những thanh nào có độ dài bằng nhau?



3 Tính bằng cách thuận tiện (theo mẫu).

Mẫu: 30 + 89 + 70 = 30 + 70 + 89
= 100 + 89 = 189.

a) 30 + 192 + 70

b) 50 + 794 + 50

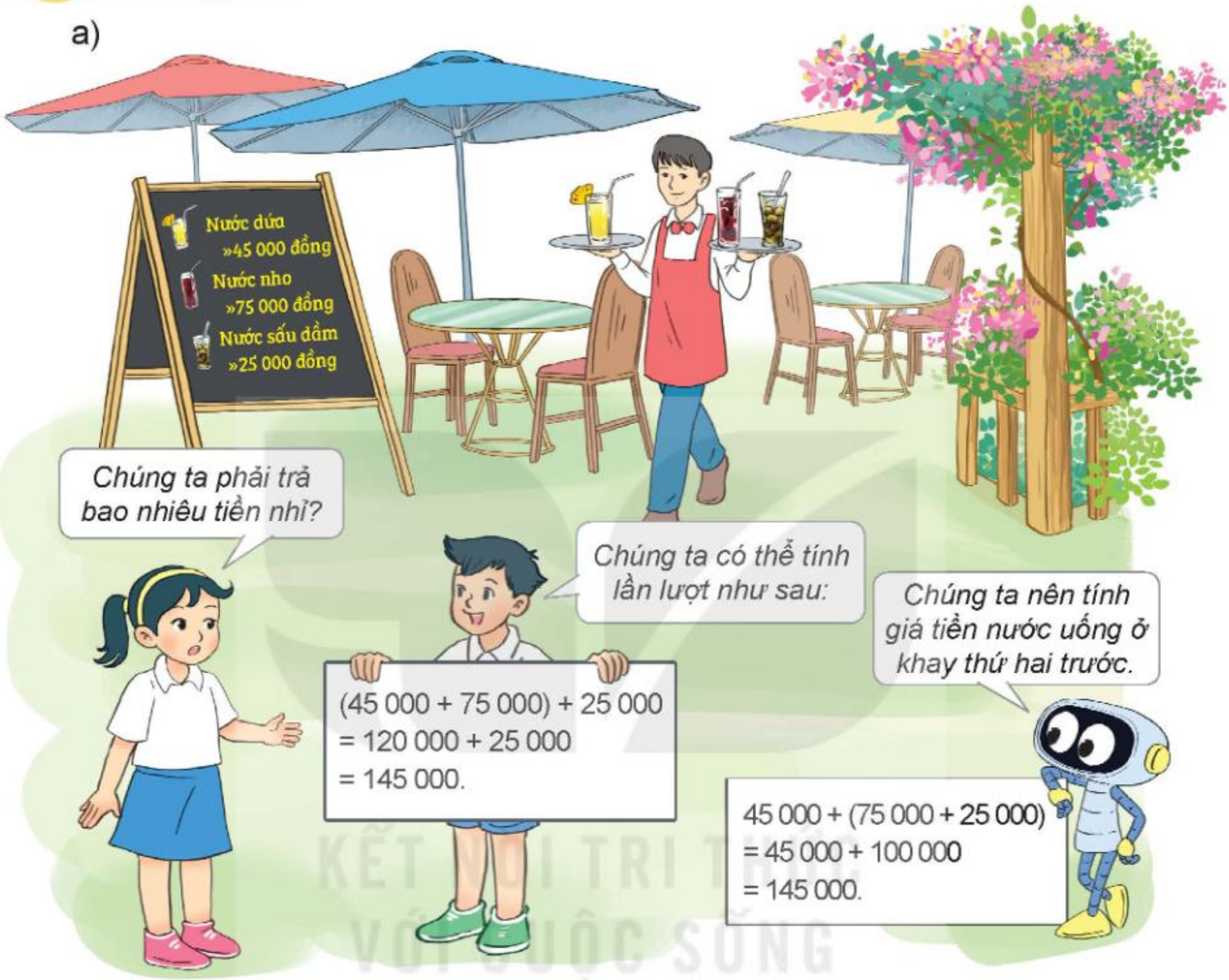
c) 75 + 219 + 25

d) 425 + 199 + 175

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Khám phá

a)



b) Tính giá trị của hai biểu thức (a + b) + c và a + (b + c)

a	b	c	(a + b) + c	a + (b + c)
6	4	8	(6 + 4) + 8 = 10 + 8 = 18	6 + (4 + 8) = 6 + 12 = 18
39	18	82	(39 + 18) + 82 = 57 + 82 = 139	39 + (18 + 82) = 39 + 100 = 139

Nhận thấy giá trị của (a + b) + c và a + (b + c) luôn bằng nhau, ta viết:

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 68 + 207 + 3

b) 25 + 159 + 75

c) 1 + 99 + 340

d) 372 + 290 + 10 + 28

2 Tính giá trị của biểu thức (a + b) + c với a = 1 975, b = 1 991 và c = 2 025.

luyện tập

1 Tìm số hoặc chữ thích hợp với ?.

a) 746 + ? = 487 + 746

b) ? + 304 = 304 + 1 975

c) a + b + 23 = a + (? + 23)

d) 26 + c + 74 = (26 + ?) + c

2 Tính bằng cách thuận tiện.

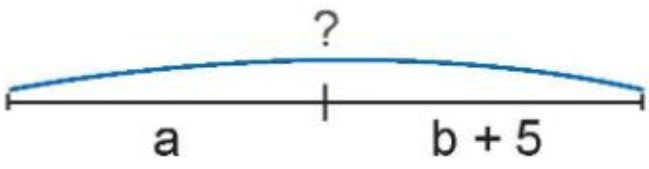
a) 92 + 74 + 26

b) 12 + 14 + 16 + 18

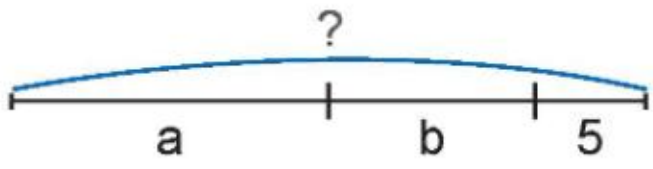
c) 592 + 99 + 208

d) 60 + 187 + 40 + 13

3 Tìm biểu thức phù hợp với mỗi sơ đồ. Tính giá trị của mỗi biểu thức với a = 15 và b = 7.

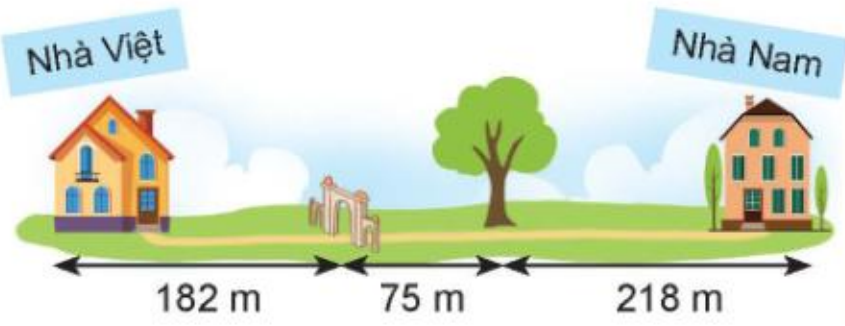


a + b + 5



a + (b + 5)

4 Để đi từ nhà mình đến nhà Nam, Việt cần đi qua một cổng làng và một cây cổ thụ. Khoảng cách từ nhà Việt đến cổng làng là 182 m. Khoảng cách từ cổng làng đến cây cổ thụ là 75 m. Khoảng cách từ cây cổ thụ đến nhà Nam là 218 m. Hỏi quãng đường Việt cần đi dài bao nhiêu mét?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 25

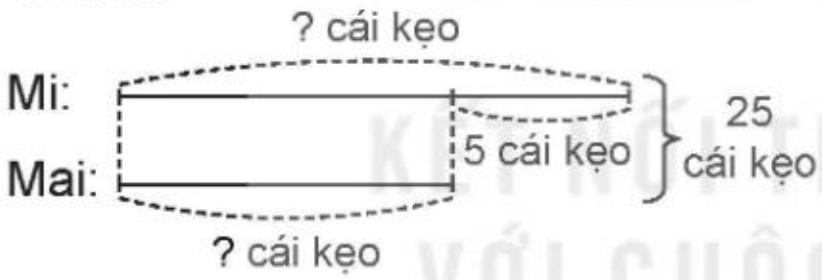
TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

Khám phá



Theo gợi ý của Rô-bốt, ta có thể tóm tắt bài toán theo sơ đồ rồi giải như sau:

Tóm tắt

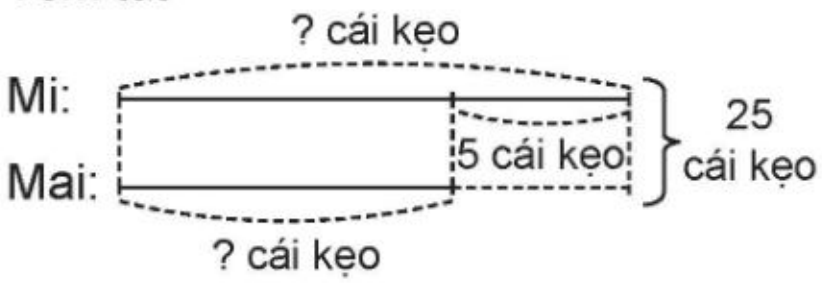


Bài giải

Hai lần số kẹo của Mai là:
25 – 5 = 20 (cái kẹo)
Số kẹo của Mai là:
20 : 2 = 10 (cái kẹo)
Số kẹo của Mi là:
10 + 5 = 15 (cái kẹo)
Đáp số: Mai 10 cái kẹo, Mi 15 cái kẹo.

Tương tự như trên, ta có cách giải khác:

Tóm tắt



Bài giải

Hai lần số kẹo của Mi là:
25 + 5 = 30 (cái kẹo)
Số kẹo của Mi là:
30 : 2 = 15 (cái kẹo)
Số kẹo của Mai là:
25 – 15 = 10 (cái kẹo)
Đáp số: Mi 15 cái kẹo, Mai 10 cái kẹo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Với dạng toán Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó, em có thể chọn một trong hai cách giải:

– Tìm số bé trước: Số bé = (Tổng – Hiệu) : 2.

– Tìm số lớn trước: Số lớn = (Tổng + Hiệu) : 2.

hoạt động

1 Mẹ đem ra chợ bán 80 quả trứng vịt và trứng gà, trong đó trứng gà nhiều hơn trứng vịt 10 quả. Hỏi mẹ đem ra chợ bán bao nhiêu quả trứng gà, bao nhiêu quả trứng vịt?

2 Mai hơn em Mi 3 tuổi. Năm nay tổng số tuổi của hai chị em là 15 tuổi. Hỏi năm nay Mai mấy tuổi, em Mi mấy tuổi?



luyện tập

1 Một lớp học võ dân tộc có 40 bạn tham gia, trong đó số bạn nữ ít hơn số bạn nam là 10 bạn. Hỏi lớp học võ đó có bao nhiêu bạn nữ, bao nhiêu bạn nam?



2 Khối lớp Bốn tổ chức hai đợt cho 175 học sinh đi tham quan các làng nghề truyền thống, đợt thứ nhất nhiều hơn đợt thứ hai 15 bạn. Hỏi mỗi đợt có bao nhiêu học sinh đi tham quan làng nghề truyền thống?

3 Một hình chữ nhật có chu vi là 40 cm và chiều dài hơn chiều rộng 4 cm. Tìm chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đó.

4 Hai số lẻ liên tiếp có tổng là 20. Tìm hai số lẻ liên tiếp đó.

Bài 26

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Tính nhẩm.

a) 1 000 000 + 600 000 – 200 000

200 000 + 400 000 – 30 000

b) 20 000 000 + (4 000 + 400 000)

1 000 000 + (90 000 – 70 000)

2 Đ, S ?

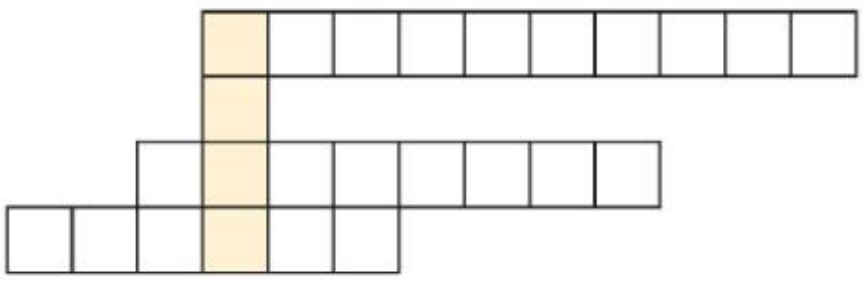
a) $\begin{array}{r} 298\,391\,220 \\ +\ 200\,000 \\ \hline 498\,391\,220 \end{array}$?

b) $\begin{array}{r} 8\,685\,920 \\ -\ 685\,920 \\ \hline 8\,000\,000 \end{array}$?

c) $\begin{array}{r} 3\,123\,000 \\ -\ 209\,000 \\ \hline 3\,126\,000 \end{array}$?

d) $\begin{array}{r} 83\,881\,329 \\ +\ 109\,452 \\ \hline 83\,990\,781 \end{array}$?

3 Nhà toán học Lê Văn Thiêm là tiến sĩ toán học đầu tiên của Việt Nam. Em hãy giải ô số bằng cách tính giá trị của các biểu thức sau đây để biết được năm sinh của ông.



999 999 999 + 1

82 831 – 82 822

36 000 000 + 1 000 000 – 6 000 000

24 837 + (739 000 – 39 000)

4 Mai và em Mi tiết kiệm được 80 000 đồng. Số tiền mà Mai tiết kiệm nhiều hơn số tiền mà em Mi tiết kiệm là 10 000 đồng. Hỏi mỗi người tiết kiệm được bao nhiêu tiền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

83 738 + 12 533

137 736 + 902 138

96 271 – 83 738

1 039 874 – 902 138

2 Tính bằng cách thuận tiện.

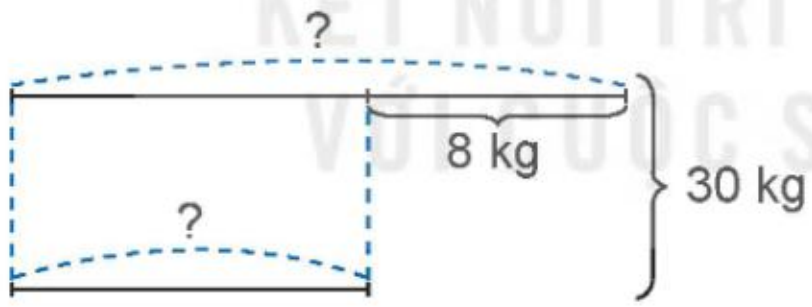
a) 73 833 + 3 992 – 3 833

b) 85 600 + 2 500 – 5 600

c) 30 254 + 10 698 + 1 646

3 Một quỹ nhân ái, ngày thứ nhất nhận được 28 500 000 đồng, ngày thứ hai nhận được 47 250 000 đồng, ngày thứ ba nhận được 80 250 000 đồng. Hỏi cả ba ngày quỹ nhân ái nhận được bao nhiêu tiền?

4 Lập một đề toán dựa vào sơ đồ sau rồi giải bài toán đó.



5 Đố em!

Số 178 265 được ghép từ 6 thẻ số như hình dưới đây.

1	7	8	2	6	5

Mỗi lượt di chuyển, Nam chỉ có thể đổi chỗ hai tấm thẻ cho nhau. Hỏi Nam cần ít nhất mấy lượt di chuyển để được số 268 157?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Tính giá trị của mỗi hoá đơn dưới đây.

HOÁ ĐƠN
Siêu thị Tương lai
Ngày: .../.../...

Củ cải	12 000
Sữa tươi	39 000
Ngũ cốc	124 000
Tổng	? đồng

Cảm ơn quý khách!

HOÁ ĐƠN
Siêu thị Tương lai
Ngày: .../.../...

Cà phê	72 500
Kẹo	43 000
Bộ ấm chén	452 500
Tổng	? đồng

Cảm ơn quý khách!



2 Mai và Mi cùng nhau gấp được 154 con hạc giấy. Mai gấp nhiều hơn Mi 12 con hạc giấy. Hỏi mỗi bạn gấp được bao nhiêu con hạc giấy?

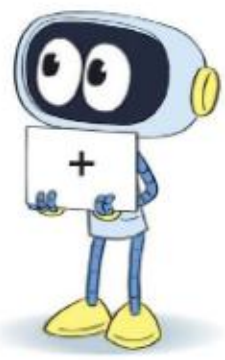
3 Trong lễ hội trồng cây, Trường Tiểu học Lê Lợi và Trường Tiểu học Kim Đồng trồng được tất cả 450 cây. Trường Tiểu học Lê Lợi trồng ít hơn Trường Tiểu học Kim Đồng là 28 cây. Hỏi mỗi trường trồng được bao nhiêu cây?



4 Đố em!

Đặt một dấu cộng vào giữa các chữ số để được phép tính đúng.

9 2 6 8 1 1 2 9 = 1 0 3 9 7



Chủ đề 6

ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

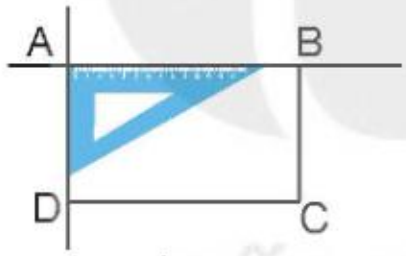
Bài 27

HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

Khám phá

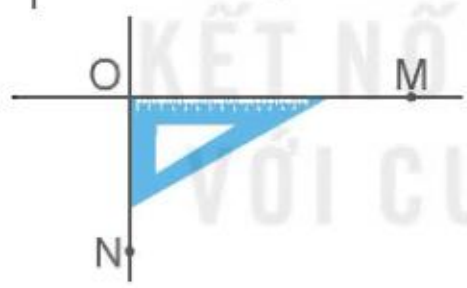


a)



Kéo dài hai cạnh AB và AD của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng vuông góc với nhau.

b)



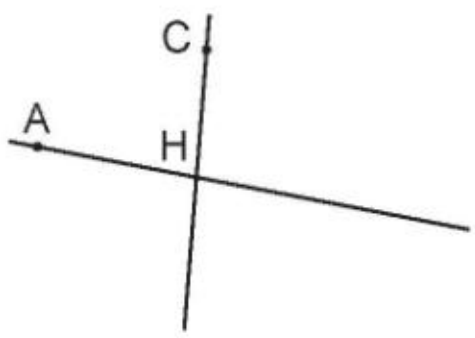
Hai đường thẳng OM và ON vuông góc với nhau tạo thành bốn góc vuông có chung đỉnh O.

c) Ta thường dùng ê ke để kiểm tra hoặc vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau.

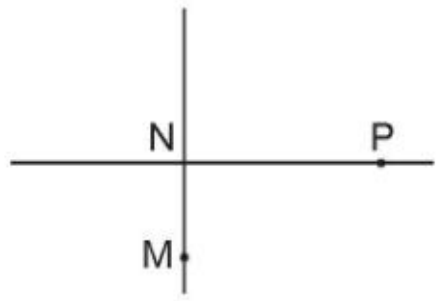
Hoạt động

1 Dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng có vuông góc với nhau hay không.

a)

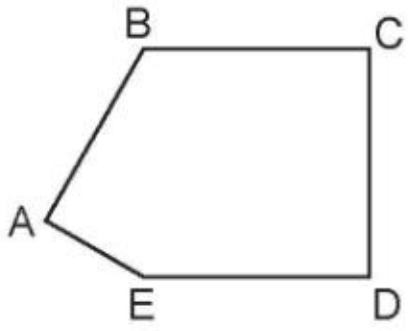


b)



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông rồi nêu tên từng cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau.





3 Mai vừa vẽ bức tranh dưới đây. Hãy quan sát và tìm hình ảnh về hai đường thẳng vuông góc có trong bức tranh đó.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

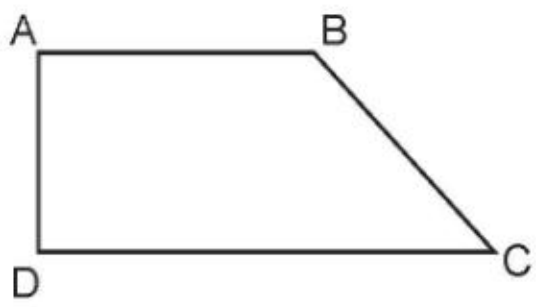
luyện tập

1 Tìm một số hình ảnh về hai đường thẳng vuông góc ở xung quanh em.

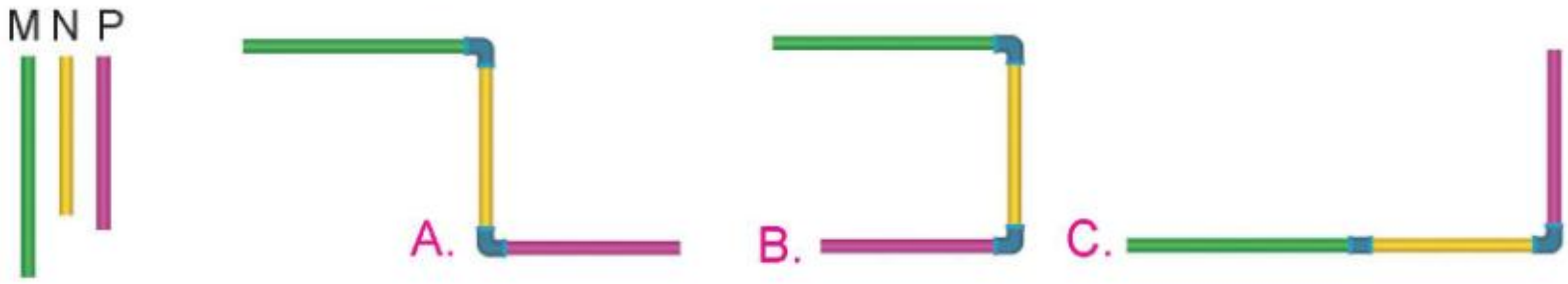
2 Cho hình tứ giác ABCD có góc đỉnh A và góc đỉnh D là các góc vuông.

a) Nêu tên từng cặp cạnh vuông góc với nhau.

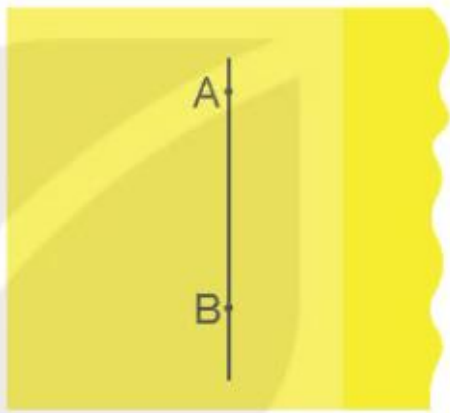
b) Nêu tên từng cặp cạnh cắt nhau mà không vuông góc với nhau.



3 Có ba ống nước M, N, P. Việt cần nối ba ống nước này với nhau: ống M vuông góc với ống N, ống N vuông góc với ống P. Trong các phương án A, B, C, em hãy giúp Việt chọn những phương án nối phù hợp.



4 Không dùng ê ke, ta làm như thế nào để tìm được đường thẳng vuông góc với đường thẳng AB trên một tờ giấy?



5 Nam làm một chiếc đu quay bằng giấy để đựng đồ dùng học tập. Nam đặt cục tẩy vào ca-bin màu vàng. Biết thanh nan hoa nối với ca-bin đựng tẩy vuông góc với thanh nan hoa nối với ca-bin đựng gọt bút chì. Hỏi Nam có thể đặt gọt bút chì ở ca-bin nào?



Bài 28

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC



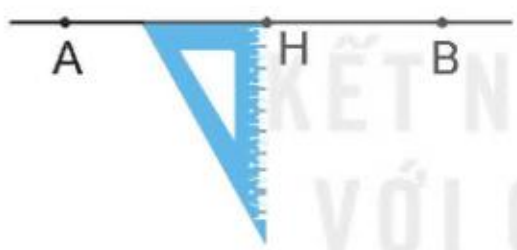
Lớp 4A muốn sử dụng các que gỗ để trang trí lớp học. Sau một buổi thảo luận, dự án "Khung tranh kỉ niệm" chính thức bắt đầu.

1 Trước tiên, để đặt được 2 que gỗ vuông góc với nhau, Rô-bốt hướng dẫn các bạn cách vẽ hai đường thẳng vuông góc.

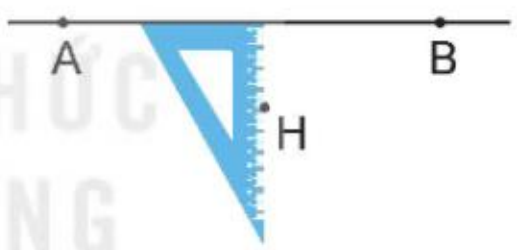
a) Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB cho trước.

Ta có thể vẽ như sau:

Bước 1: Đặt một cạnh góc vuông của ê ke trùng với đường thẳng AB và cạnh góc vuông thứ hai gặp điểm H.

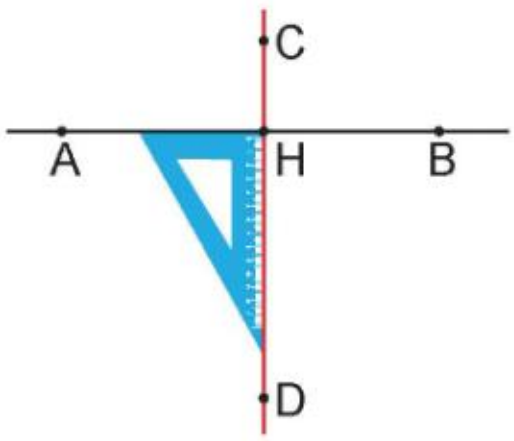


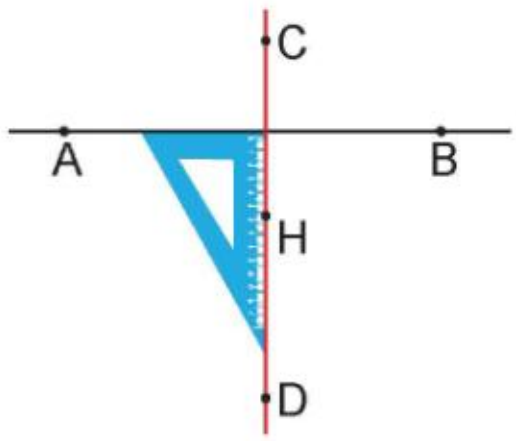
Điểm H ở trên đường thẳng AB



Điểm H ở ngoài đường thẳng AB

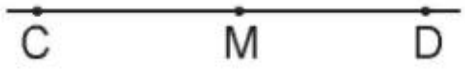
Bước 2: Vạch một đường thẳng theo cạnh góc vuông thứ hai của ê ke, ta được đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB.

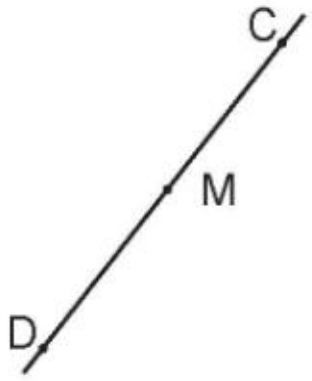


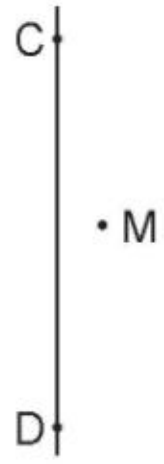


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Vẽ đường thẳng HK đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng CD cho trước trong từng trường hợp sau.

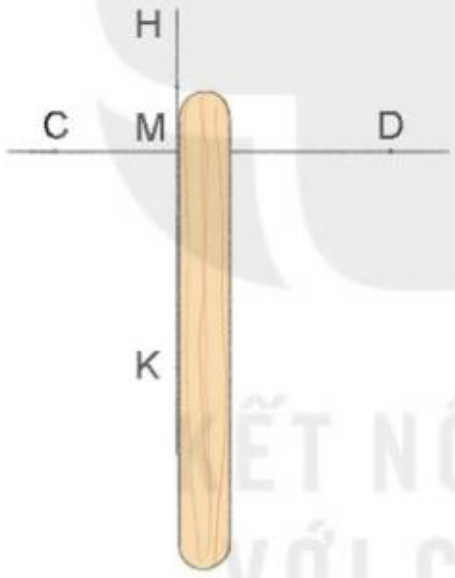




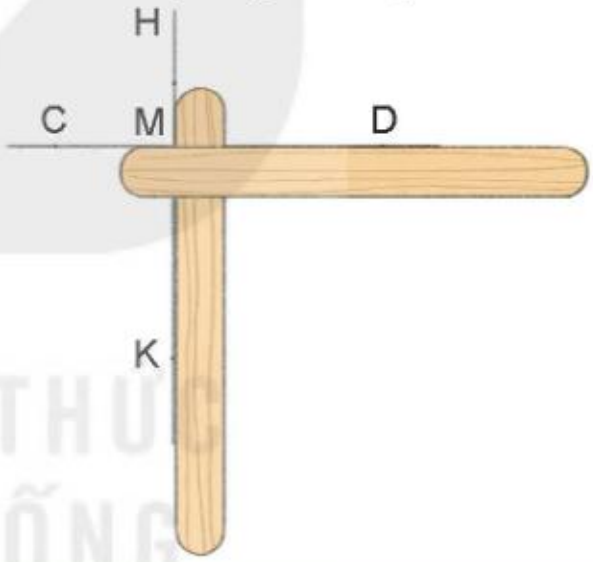


2 a) Sử dụng hình ảnh vừa vẽ và một số dụng cụ (que gỗ, keo dán, dây) để tạo khung tranh đơn giản.

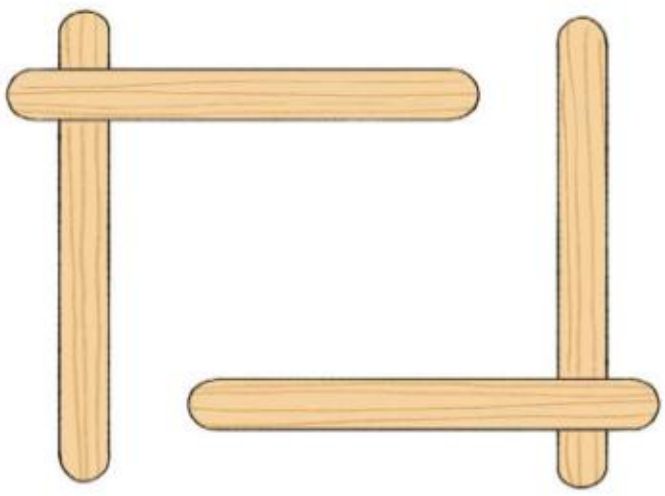
Bước 1: Đặt 1 que gỗ dọc theo đường thẳng HK.



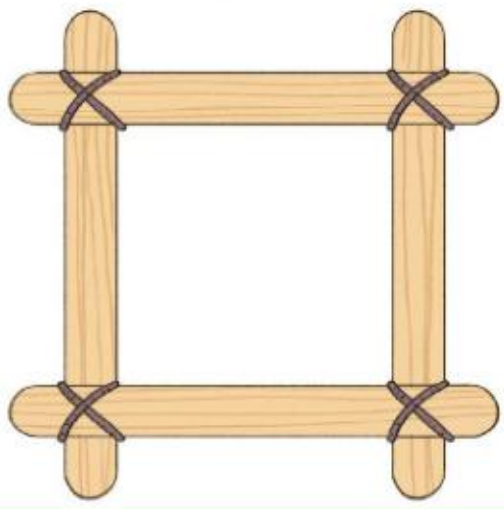
Bước 2: Đặt 1 que gỗ khác dọc theo đường thẳng CD và dùng keo dán 2 que gỗ đó lại với nhau.



Bước 3: Tạo thêm 2 que gỗ vuông góc với nhau theo cách tương tự.

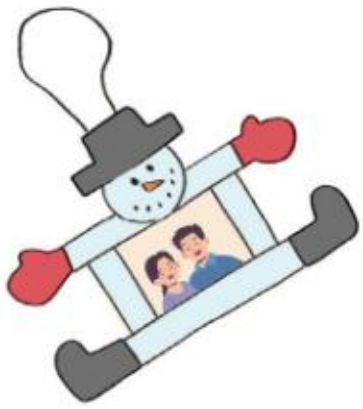


Bước 4: Đặt rồi dán các que gỗ để nhận được khung tranh như hình dưới đây. Dùng dây để buộc thêm cho chắc chắn.

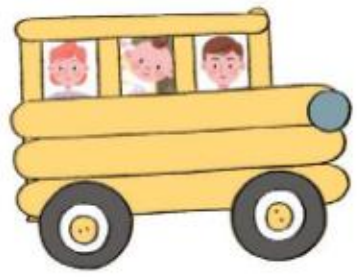


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Hãy cùng sáng tạo và trang trí cho những khung tranh của chúng mình nhé!







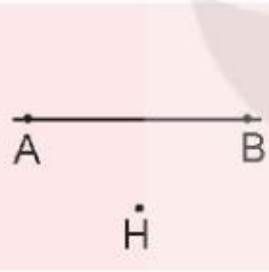


Tiếp nối dự án "Khung tranh kỉ niệm", cả lớp cùng nhau lên ý tưởng cho một dự án khác có tên "Xưởng làm diều".

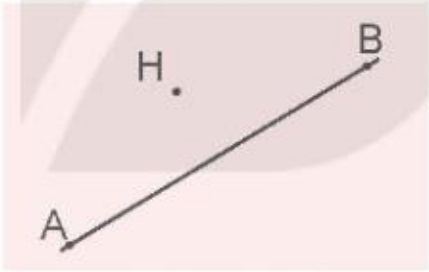
1 Trước tiên, Rô-bốt cùng các bạn vẽ một số cặp đường thẳng vuông góc để ôn tập kiến thức đã học.

Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB.

a)

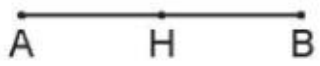


b)

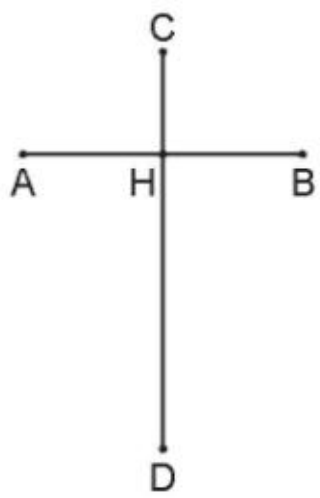


2 Sau đó, Rô-bốt hướng dẫn các bạn vẽ bản thiết kế con diều trên giấy báo. Trước khi vẽ, Rô-bốt lưu ý rằng mỗi bạn có thể tự điều chỉnh kích thước tuỳ theo kích thước của tờ giấy.

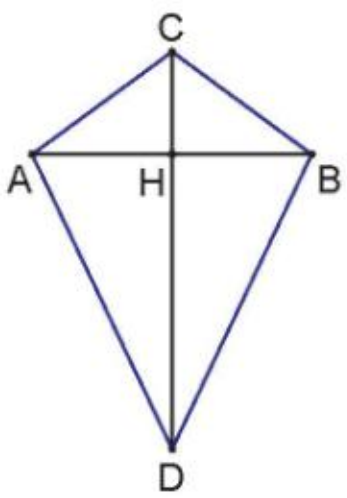
Bước 1: Vẽ đoạn thẳng AB dài 20 cm. Vẽ trung điểm H của đoạn thẳng AB.



Bước 2: Vẽ đoạn thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đoạn thẳng AB: HC = 6 cm, HD = 18 cm.



Bước 3: Nối A với C, C với B, B với D, D với A, ta có các đoạn thẳng AC, CB, BD và DA.



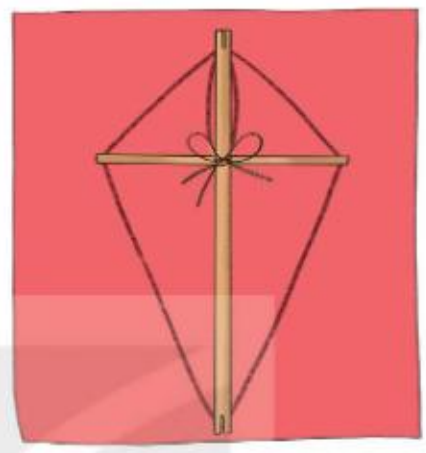
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Và phần hấp dẫn nhất của dự án, Rô-bốt hướng dẫn các bạn làm diều từ những vật liệu đã chuẩn bị sẵn: 2 thanh tre (dài, ngắn khác nhau), 1 tờ giấy báo, cuộn dây, keo dán, kéo.

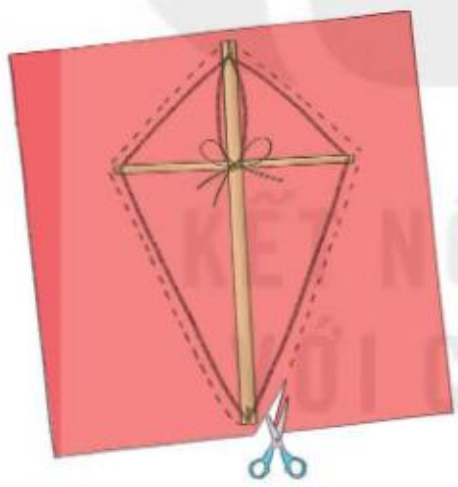
Bước 1: Đặt 2 thanh tre vuông góc và buộc 2 thanh tre với nhau.



Bước 2: Đặt 2 thanh tre đó lên giấy báo, vẽ đường nối các đầu của thanh tre trên giấy.



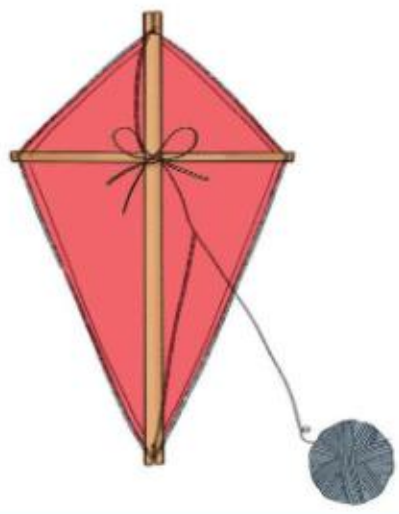
Bước 3: Vẽ thêm đường nét đứt (như hình vẽ) và cắt theo đường nét đứt.



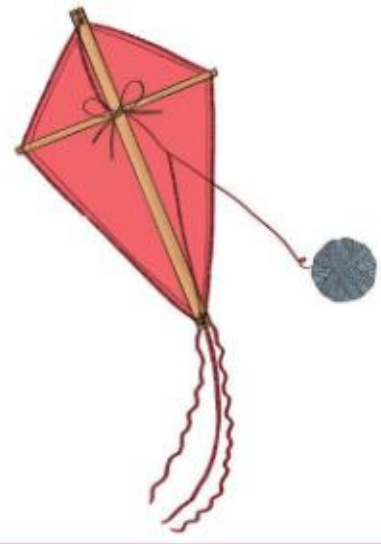
Bước 4: Gập viền tờ giấy theo các đoạn thẳng ở bước 2 rồi dán mép tờ giấy.



Bước 5: Buộc một đầu của cuộn dây với con diều.



Bước 6: Làm thêm đuôi diều và trang trí cho con diều.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 29

HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Khám phá



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

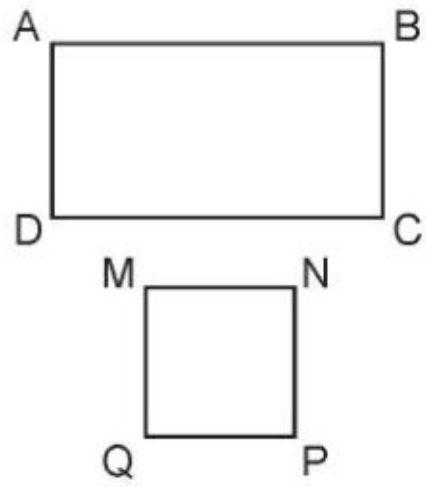


- Kéo dài hai cạnh AB và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng song song với nhau.
- Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau.

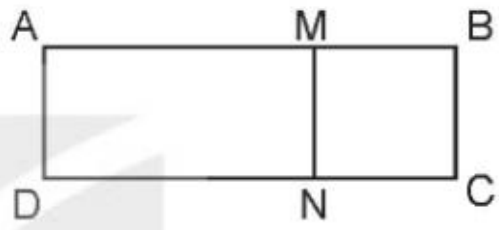
hoạt động

1 a) Cho hình chữ nhật ABCD, AB và DC là một cặp cạnh song song với nhau. Hãy nêu tên các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật đó.

b) Nêu tên các cặp cạnh song song với nhau có trong hình vuông MNPQ.



2 Trong hình bên, các hình tứ giác AMND, MBCN, ABCD đều là hình chữ nhật. Hỏi cạnh MN song song với những cạnh nào?



3 Tìm hình ảnh một cặp đường thẳng song song có trong bức tranh.



luyện tập

1 Tìm một số hình ảnh về hai đường thẳng song song ở xung quanh em.

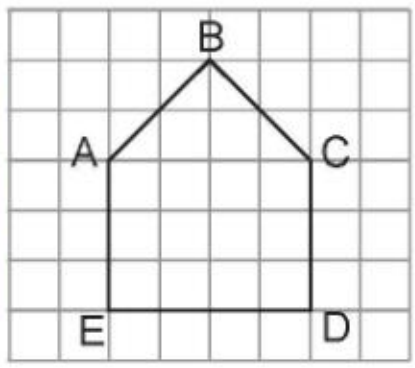
2 Đ, S ?

Trong hình bên:

a) Hai đoạn thẳng CD và AE song song với nhau. ?

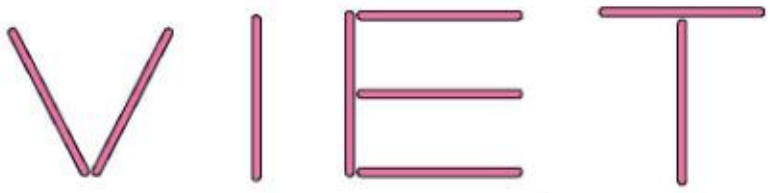
b) Hai đoạn thẳng AB và CD song song với nhau. ?

c) Hai đoạn thẳng AE và ED vuông góc với nhau. ?



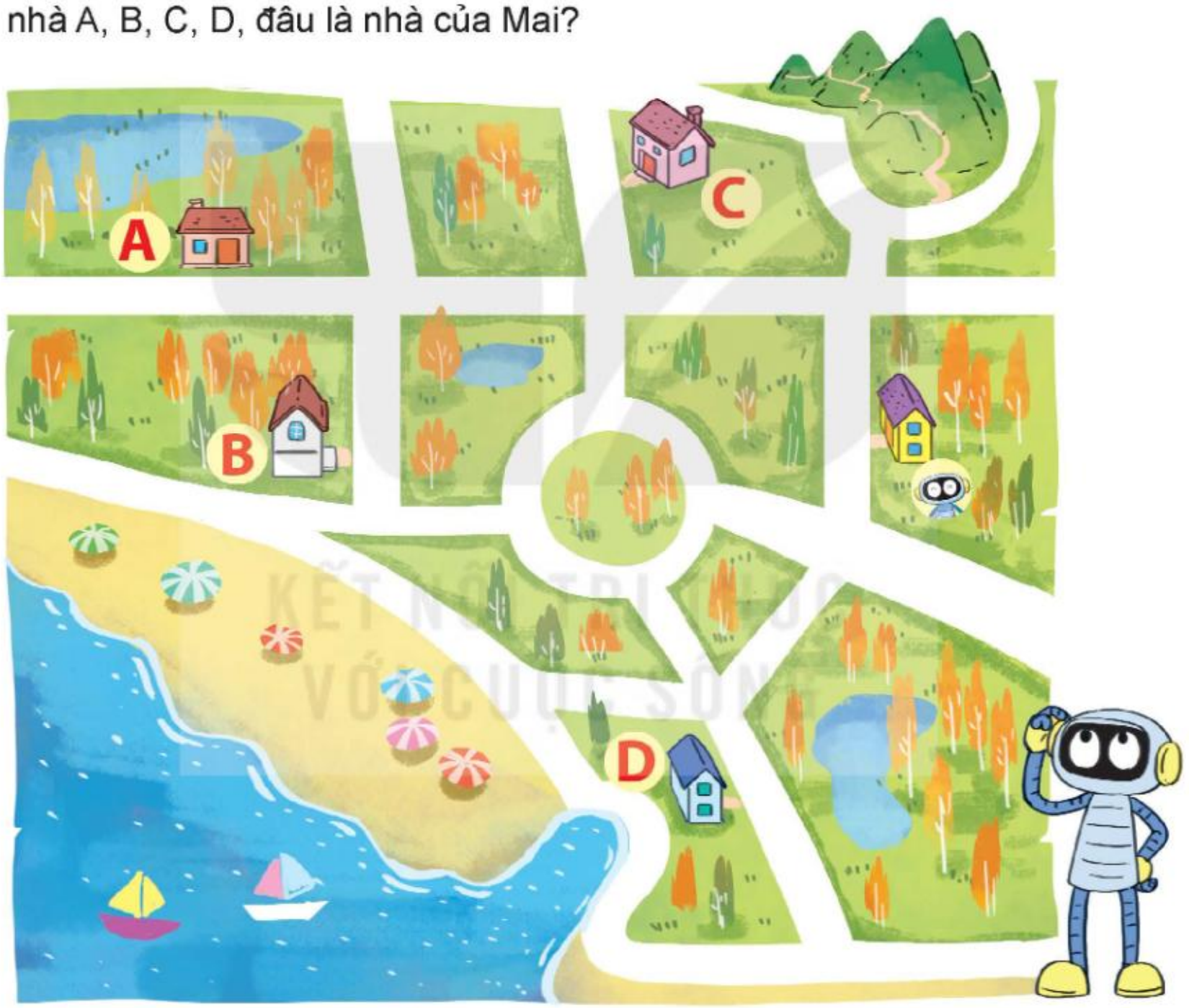
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Việt dùng que tính xếp thành 4 chữ cái như sau:



Hỏi chữ cái nào vừa có các que tính được xếp song song vừa có các que tính được xếp vuông góc?

4 Cho hình vẽ dưới đây. Biết Rô-bốt ở ngôi nhà màu vàng. Nhà của Mai và nhà của Rô-bốt ở hai đường song song với nhau. Hỏi trong các ngôi nhà A, B, C, D, đâu là nhà của Mai?



5 Cho các hình vẽ sau:



a) Những hình nào có cặp cạnh song song với nhau?

b) Những hình nào có cặp cạnh vuông góc với nhau?

Bài 30

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

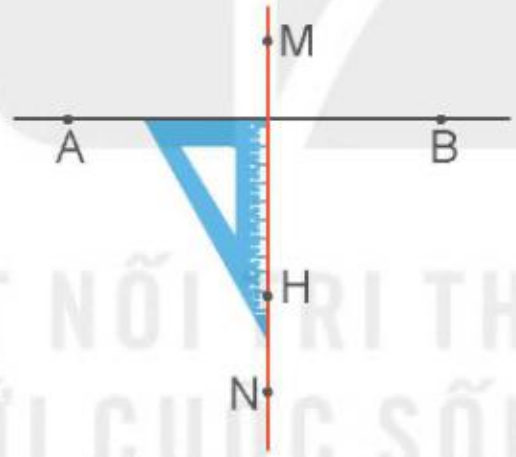


Hôm nay, Rô-bốt và các bạn sẽ tự làm bộ đồ chơi ghép hình từ giấy bìa.

1 a) Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và song song với đường thẳng AB cho trước.

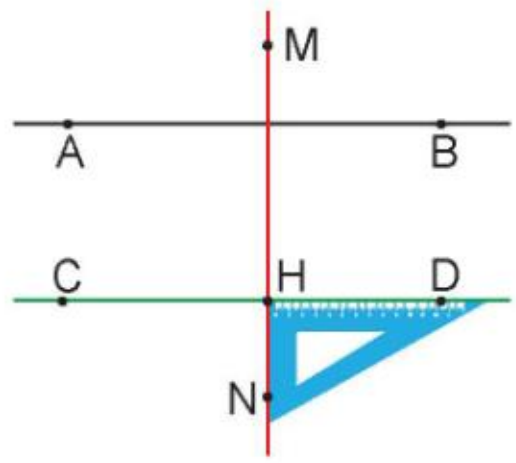
Ta có thể vẽ như sau:

Bước 1: Vẽ đường thẳng MN đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB.

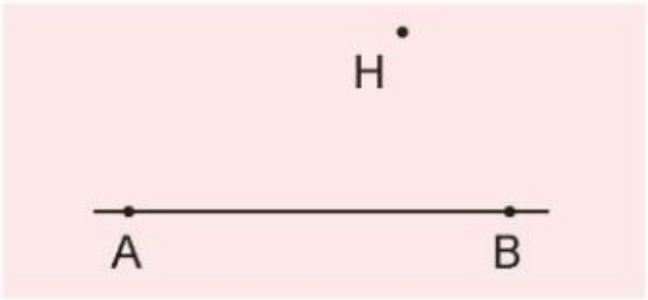


KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bước 2: Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng MN ta được đường thẳng CD song song với đường thẳng AB.

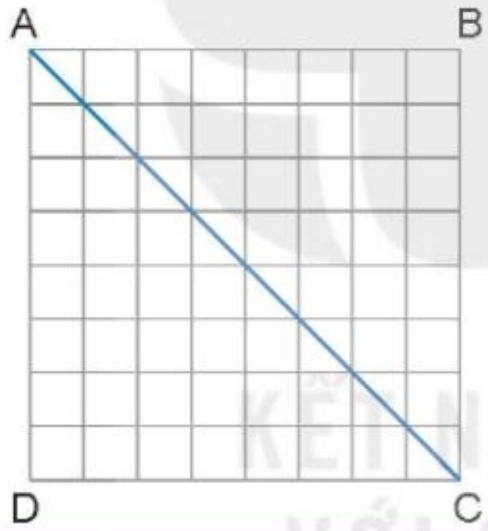


b) Hãy vẽ đường thẳng AB và điểm H ở ngoài đường thẳng AB (theo mẫu), rồi vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và song song với đường thẳng AB.

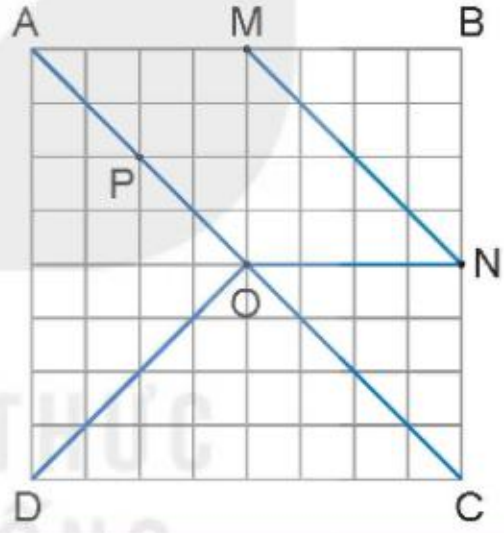


2 Sau đó, Rô-bốt cùng các bạn vẽ theo hướng dẫn để tạo ra bộ đồ chơi ghép hình.

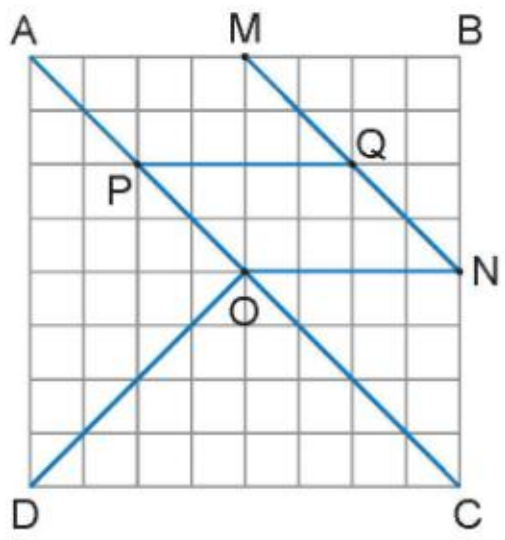
Bước 1: Vẽ hình vuông ABCD trên giấy kẻ ô vuông. Vẽ đường chéo AC.



Bước 2: Xác định điểm M, N, O, P lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng AB, BC, AC, AO. Vẽ các đoạn thẳng DO, ON, MN.



Bước 3: Vẽ đoạn thẳng PQ song song với đoạn thẳng AM, điểm Q ở trên đoạn thẳng MN.



Bước 4: Cắt hình vuông đó thành 6 phần theo các đoạn thẳng AC, DO, MN, ON, PQ và tô mỗi phần một màu (tô cả hai mặt).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Và bây giờ, chúng mình hãy cùng nhau tạo ra các đồ vật, con vật bằng cách sử dụng bộ đồ chơi đó nhé.



Mèo
của Rô-bốt



Máy bay
của Việt



Lạc đà
của Mai



Cá
của Nam

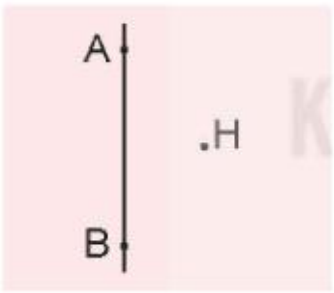


Trong buổi học về hai đường thẳng song song, Việt có ý tưởng vẽ đường thi chạy trên sân thể dục của trường và cả lớp đều cảm thấy hứng thú với thử thách "cỡ lớn" này. Hãy cùng chinh phục thử thách này nhé!

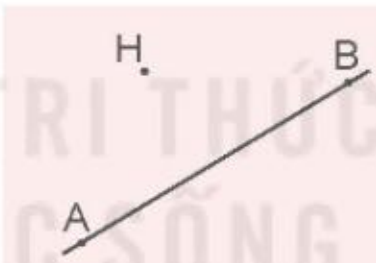
1 Trước tiên, Việt cùng các bạn nhắc lại cách sử dụng ê ke và thước thẳng để vẽ hai đường thẳng song song với nhau.

Vẽ đường thẳng CD qua H và song song với đường thẳng AB.

a)



b)



2 Sau đó, Việt cùng các bạn vẽ đường chạy trên giấy. Việt gọi đó là bản thiết kế đường chạy. Bản thiết kế giúp các bạn biết được những việc phải làm và những công cụ cần sử dụng khi vẽ đường chạy ở sân thể dục.

Mỗi bạn hãy tự làm bản thiết kế của riêng mình nhé!

Bước 1: Vẽ vạch xuất phát là đoạn thẳng MN dài 2 cm. Vẽ trung điểm H của đoạn thẳng MN.

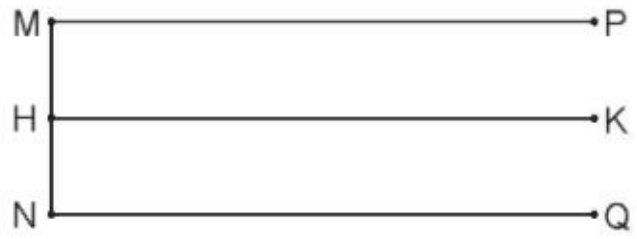


Bước 2: Vẽ đoạn thẳng MP vuông góc với đoạn thẳng MN: MP = 10 cm.

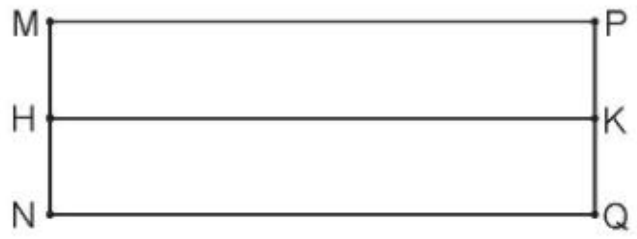


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bước 3: Vẽ các đoạn thẳng HK, NQ song song với đoạn thẳng MP: HK = NQ = 10 cm.



Bước 4: Nối điểm P với điểm Q ta được vạch đích.



Bước 5: Chú thích khu vực XUẤT PHÁT, khu vực ĐÍCH và đánh số đường chạy, Việt đã hoàn thành đường chạy dành cho 2 người.

Các em có thể vẽ nhiều đường chạy hơn nhé!



3 Còn bây giờ, chúng mình hãy cùng di chuyển ra sân thể dục của trường và chuyển ý tưởng từ giấy ra mặt sân nhé.



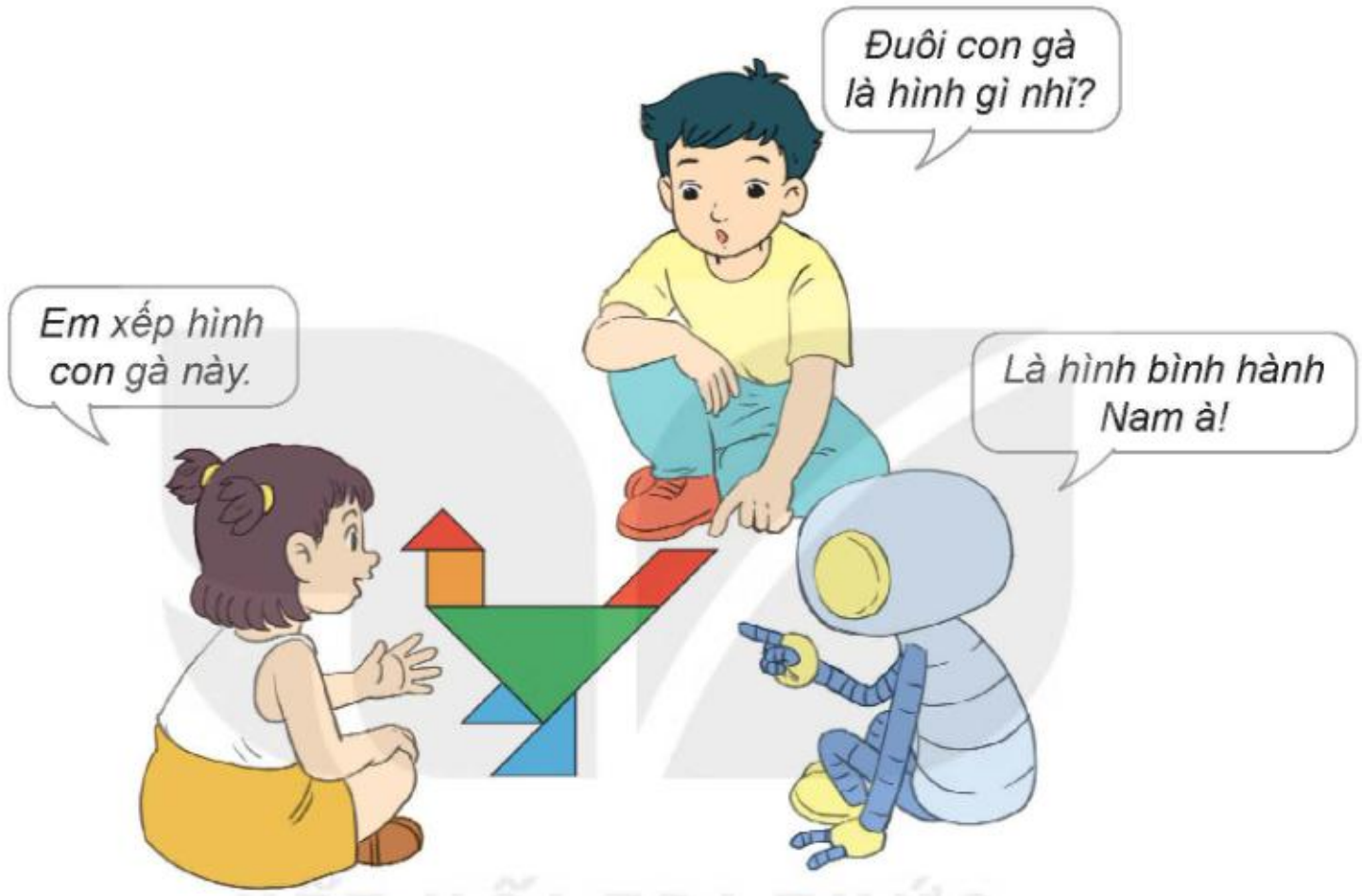
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

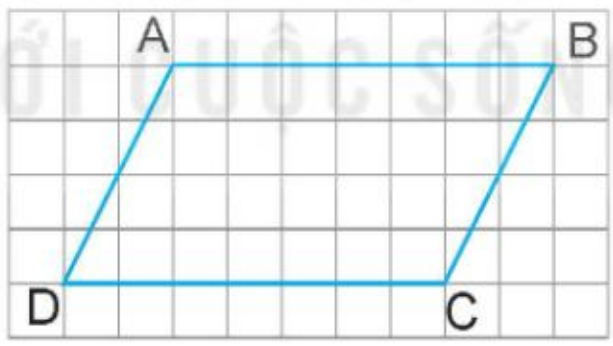
Bài 31

HÌNH BÌNH HÀNH, HÌNH THOI

Khám phá

Hình bình hành





Hình bình hành ABCD

Hình bình hành ABCD có:

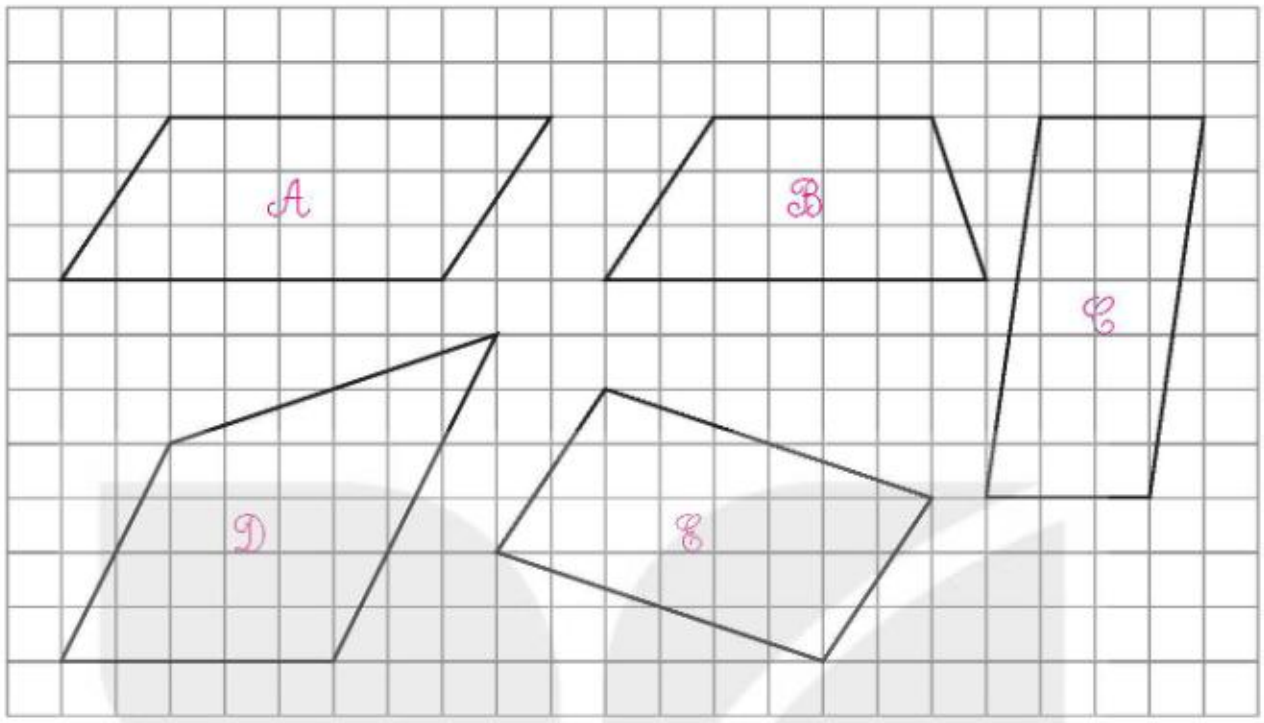
- AB và DC là hai cạnh đối diện, AD và BC là hai cạnh đối diện;
- Cạnh AB song song với cạnh DC, cạnh AD song song với cạnh BC;
- AB = DC và AD = BC.

Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

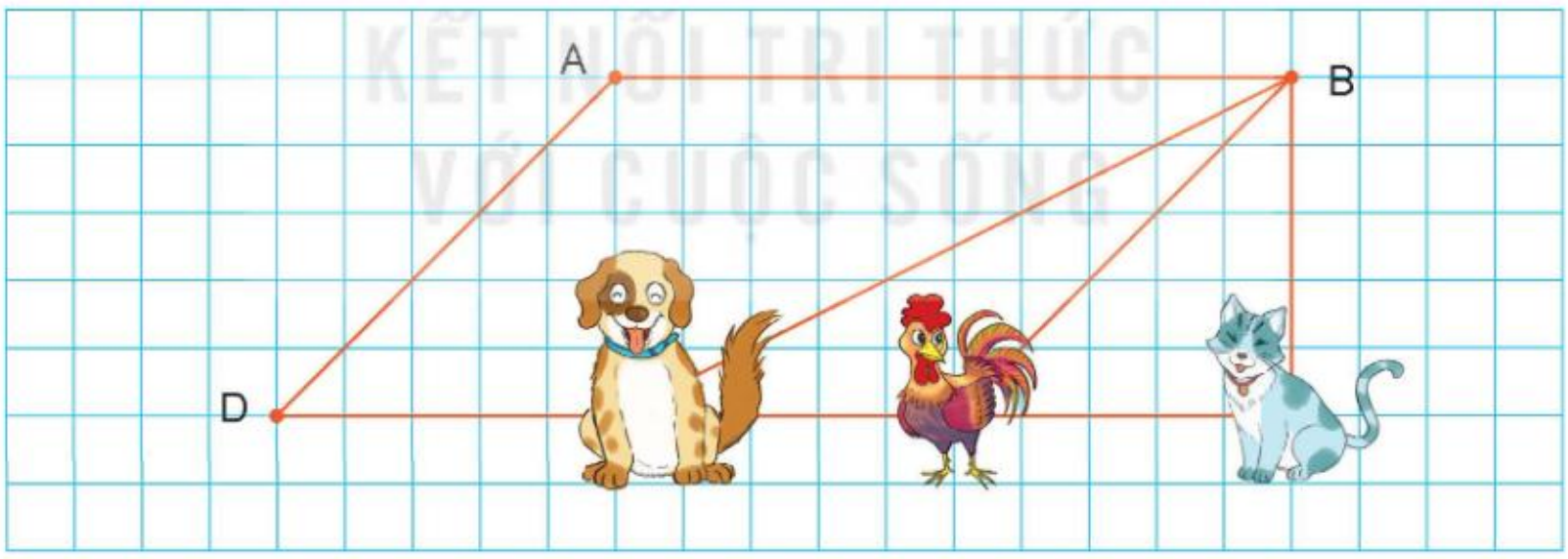
hoạt động

1 Những hình nào dưới đây là hình bình hành?



2 Quan sát hình vẽ rồi trả lời câu hỏi.

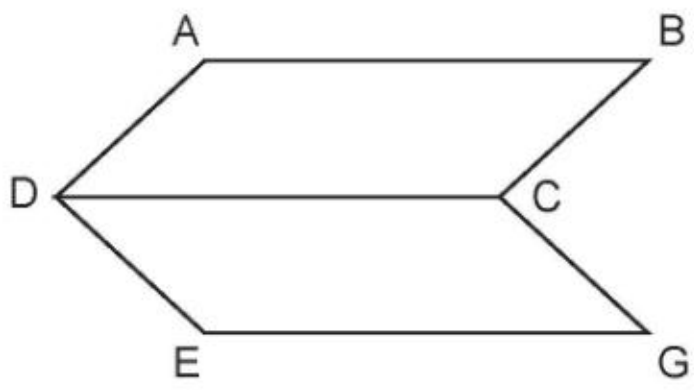
Biết A, B, C, D là bốn đỉnh của một hình bình hành. Hỏi đỉnh C đã bị con vật nào che mất?



3 Cho ABCD và CDEG là các hình bình hành. Biết độ dài cạnh AB bằng 3 dm.

a) Độ dài cạnh EG bằng bao nhiêu đề-xi-mét?

b) Kể tên những cạnh song song với cạnh CD.



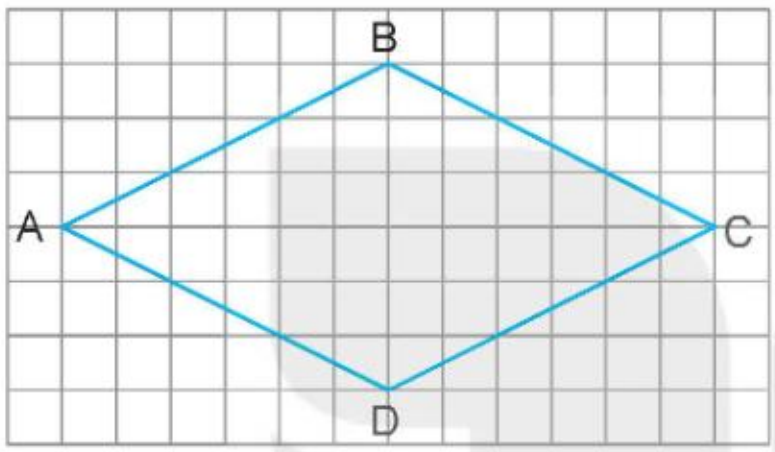
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Khám phá

Hình thoi







Hình thoi ABCD

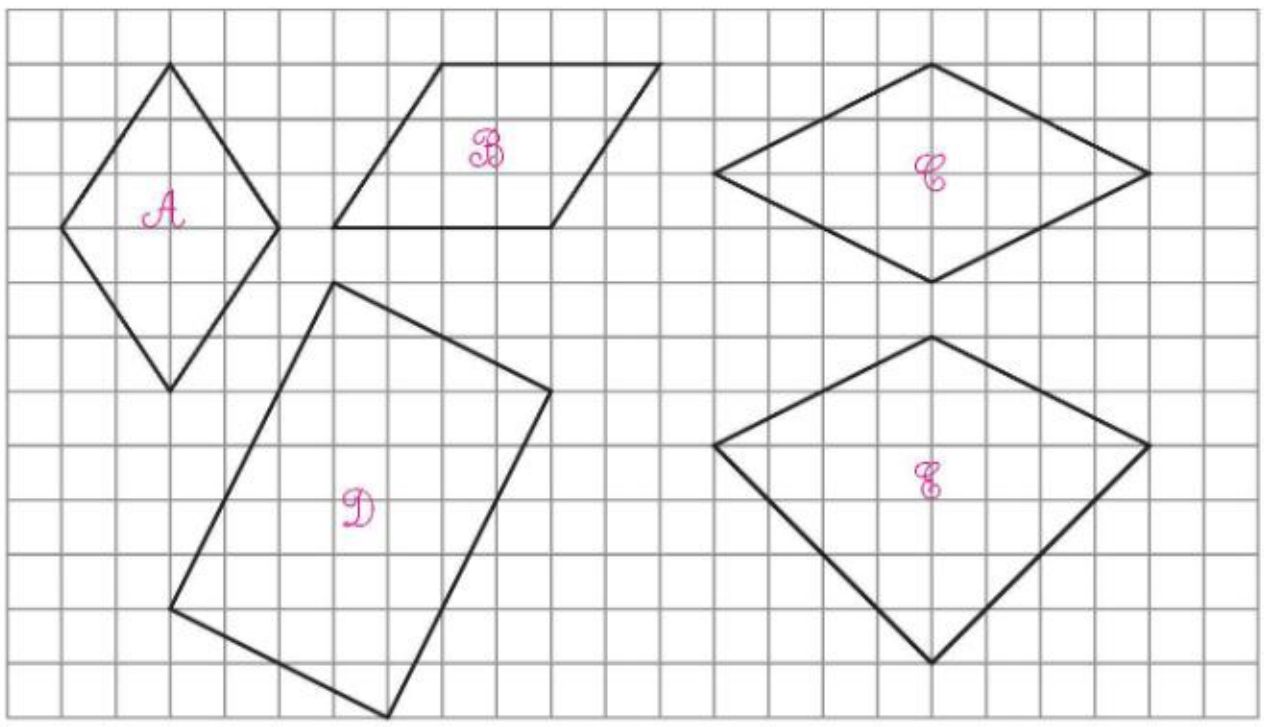
Hình thoi ABCD có:

- Cạnh AB song song với cạnh DC, cạnh AD song song với cạnh BC;
- AB = BC = CD = DA.

Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau.

Hoạt động

1 Những hình nào dưới đây là hình thoi?



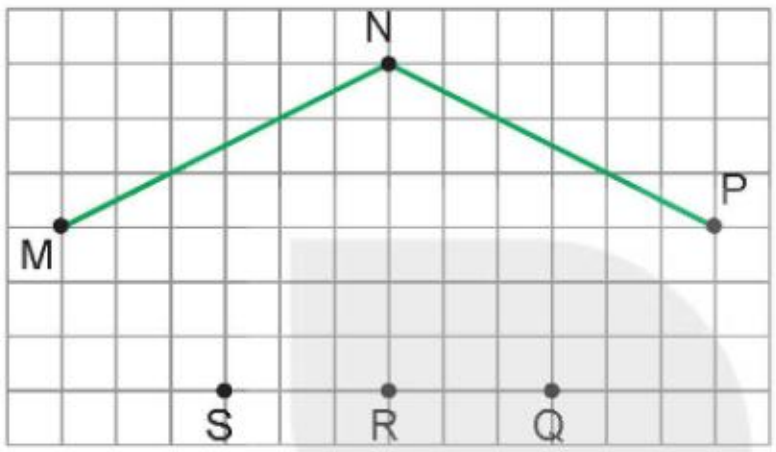
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Cho dãy hình theo quy luật như sau:



Hình thích hợp với vị trí dấu "?" là hình thoi hay hình bình hành?

3 Quan sát hình vẽ rồi chọn câu trả lời đúng.



Nối bốn điểm nào trong hình vẽ để được một hình thoi?

A. Bốn điểm M, N, P, Q.

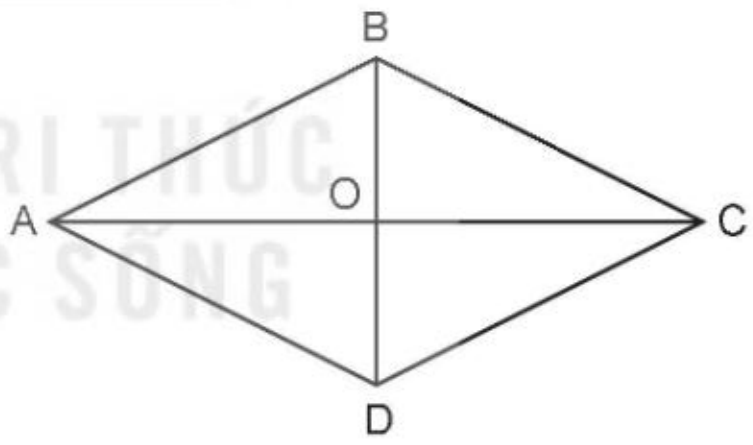
B. Bốn điểm M, N, P, R.

C. Bốn điểm M, N, P, S.

luyện tập

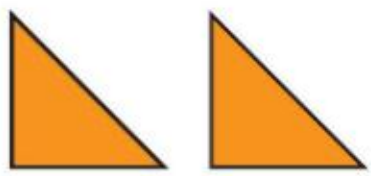
1 Cho hình thoi ABCD. Hai đường chéo AC và BD của hình thoi cắt nhau tại điểm O.

Dùng ê ke để kiểm tra xem hai đường chéo có vuông góc với nhau hay không.



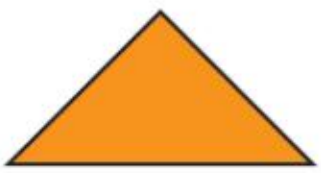
2 Chọn câu trả lời đúng.

a) Cho 2 miếng ghép giống nhau như hình bên:



Với 2 miếng ghép đó, **không thể** ghép được hình nào dưới đây?

A. 

B. 

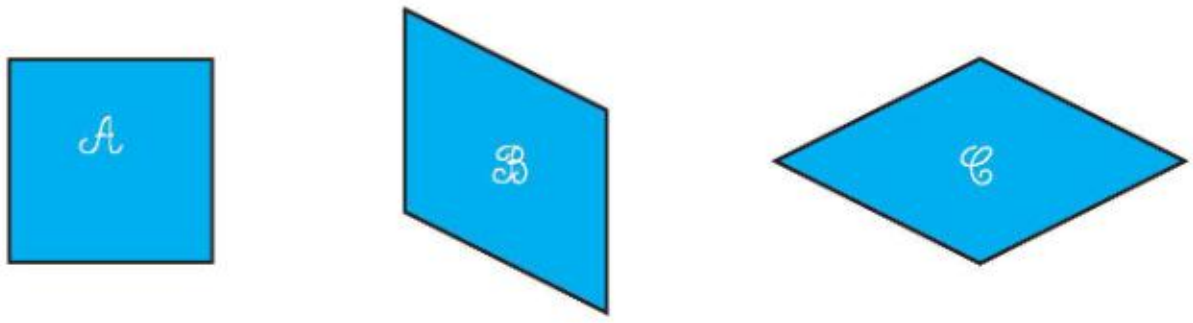
C. 

D. 

b) Cho 4 miếng ghép giống nhau như hình bên:



Với 4 miếng ghép đó, hãy ghép thành mỗi hình dưới đây.



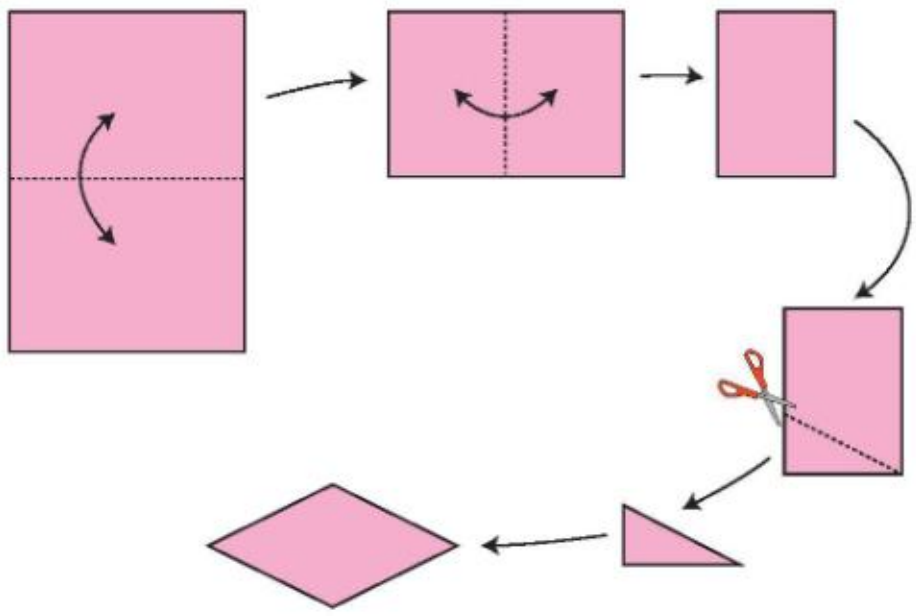
3 Dưới đây là một số hình ảnh thực tế có dạng hình thoi. Em hãy tìm thêm một số hình ảnh thực tế có dạng hình thoi nhé!



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Thực hành gấp giấy và cắt tạo hình thoi.

Em hãy gấp giấy theo các đường nét đứt như hình dưới đây rồi cắt được một hình thoi nhé!





Bài 32

LUYỆN TẬP CHUNG



1 Chọn câu trả lời đúng.

Việt có 4 miếng dán như sau:



Biết Việt dán hình bình hành sau khi dán hình vuông và trước khi dán hình tam giác. Hỏi hình nào dưới đây là sản phẩm của Việt?

A.



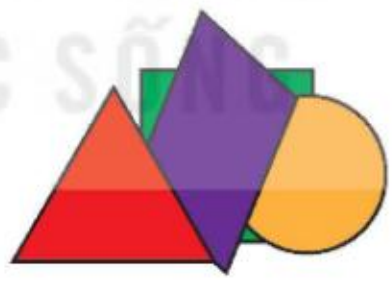
B.



C.



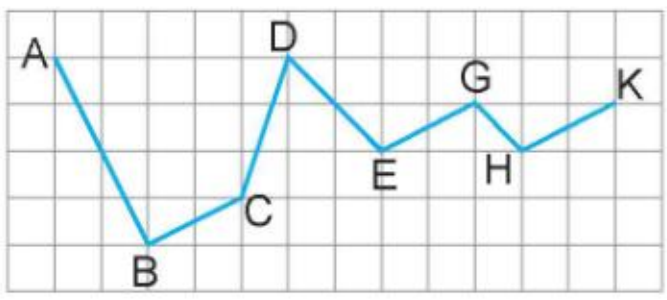
D.



2 Quan sát hình sau, hãy chỉ ra:

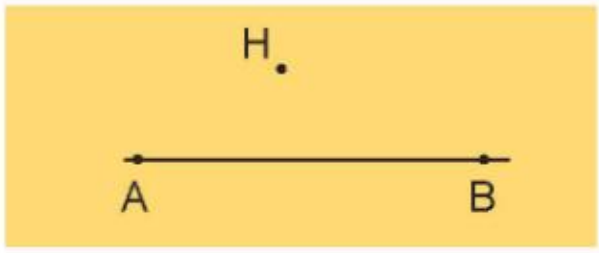
a) Hai đoạn thẳng song song với nhau.

b) Hai đoạn thẳng vuông góc với nhau.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 a) Vẽ đường thẳng AB và điểm H không nằm trên đường thẳng AB (theo mẫu).



b) Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng AB.

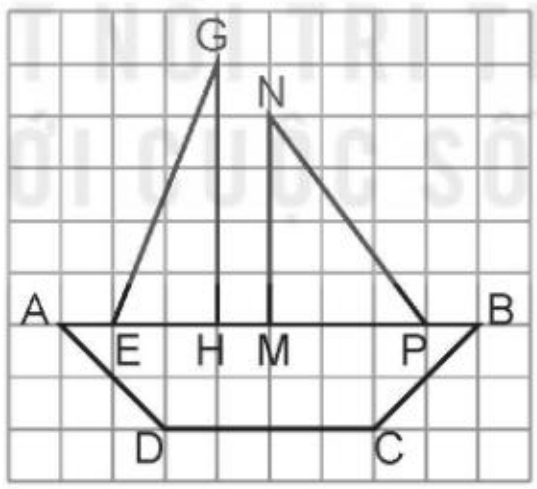
c) Vẽ đường thẳng EG đi qua điểm H và song song với đường thẳng AB.

4 Lấy các que tính xếp thành hình bên. Di chuyển 2 que tính để được 2 hình thoi.



luyện tập

1 Đ, S ?



Trong hình trên có:

a) Đoạn thẳng MP song song với đoạn thẳng DC. ?

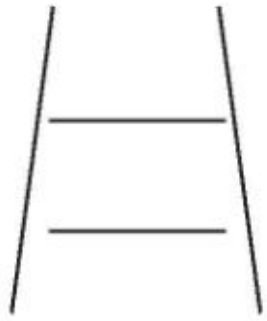
b) Đoạn thẳng AP song song với đoạn thẳng DC. ?

c) Đoạn thẳng MN vuông góc với đoạn thẳng NP. ?

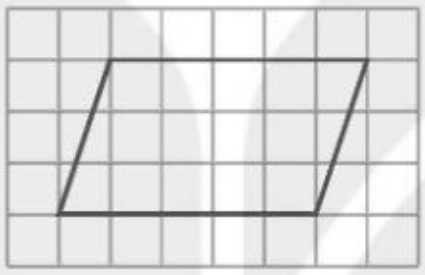
d) Đoạn thẳng GH vuông góc với đoạn thẳng AB. ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Hãy dự đoán xem hai đoạn thẳng song song trong hình dưới đây có cùng độ dài hay không. Kiểm tra lại bằng cách sử dụng thước kẻ.



3 Vẽ một hình bình hành trên giấy kẻ ô vuông như hình dưới đây. Sau đó, vẽ một đường thẳng chia hình bình hành đó thành hai phần để cắt và ghép thành một hình chữ nhật.



4 Lấy các que tính xếp thành hình dưới đây. Di chuyển 3 que tính để được 3 hình thoi.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

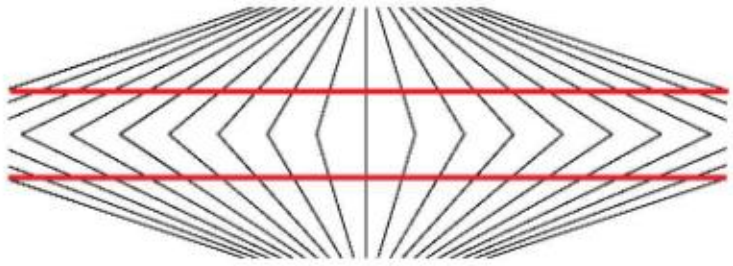
luyện tập

1 Đồng hồ bên chỉ thời gian là 3 giờ. Lúc này, kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau. Hãy tìm một giờ khác mà kim giờ và kim phút của đồng hồ cũng vuông góc với nhau.

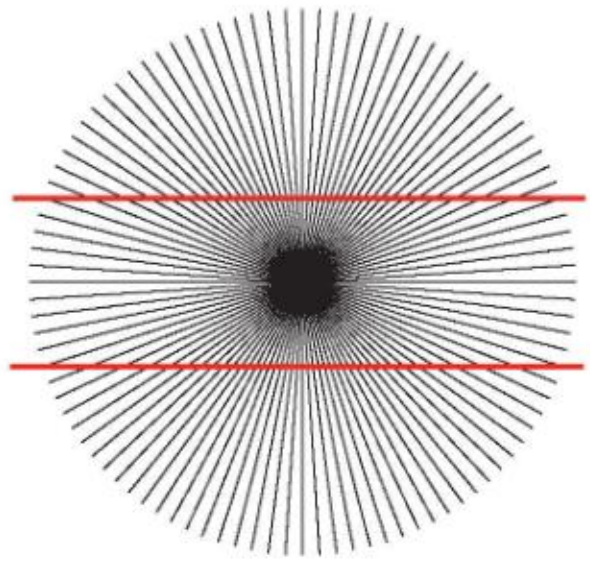


2 Hai đường màu đỏ trong mỗi hình dưới đây có phải là hai đường thẳng song song hay không?

a)

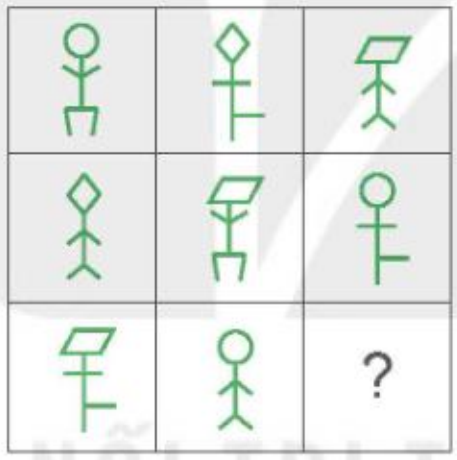


b)



3 Chọn câu trả lời đúng.

Tìm hình thích hợp để đặt vào ô có dấu "?".



A. 

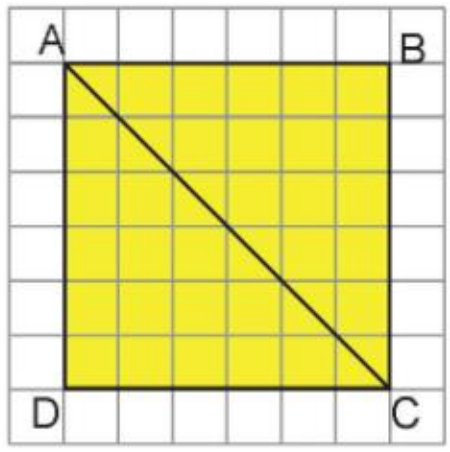
B. 

C. 

D. 

4 a) Vẽ hình vuông ABCD trên giấy kẻ ô vuông và vẽ đoạn thẳng AC (theo mẫu).

b) Cắt hình vuông ABCD thành hai phần theo đoạn thẳng AC và ghép hai phần đó thành hình bình hành hoặc hình tam giác.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 7

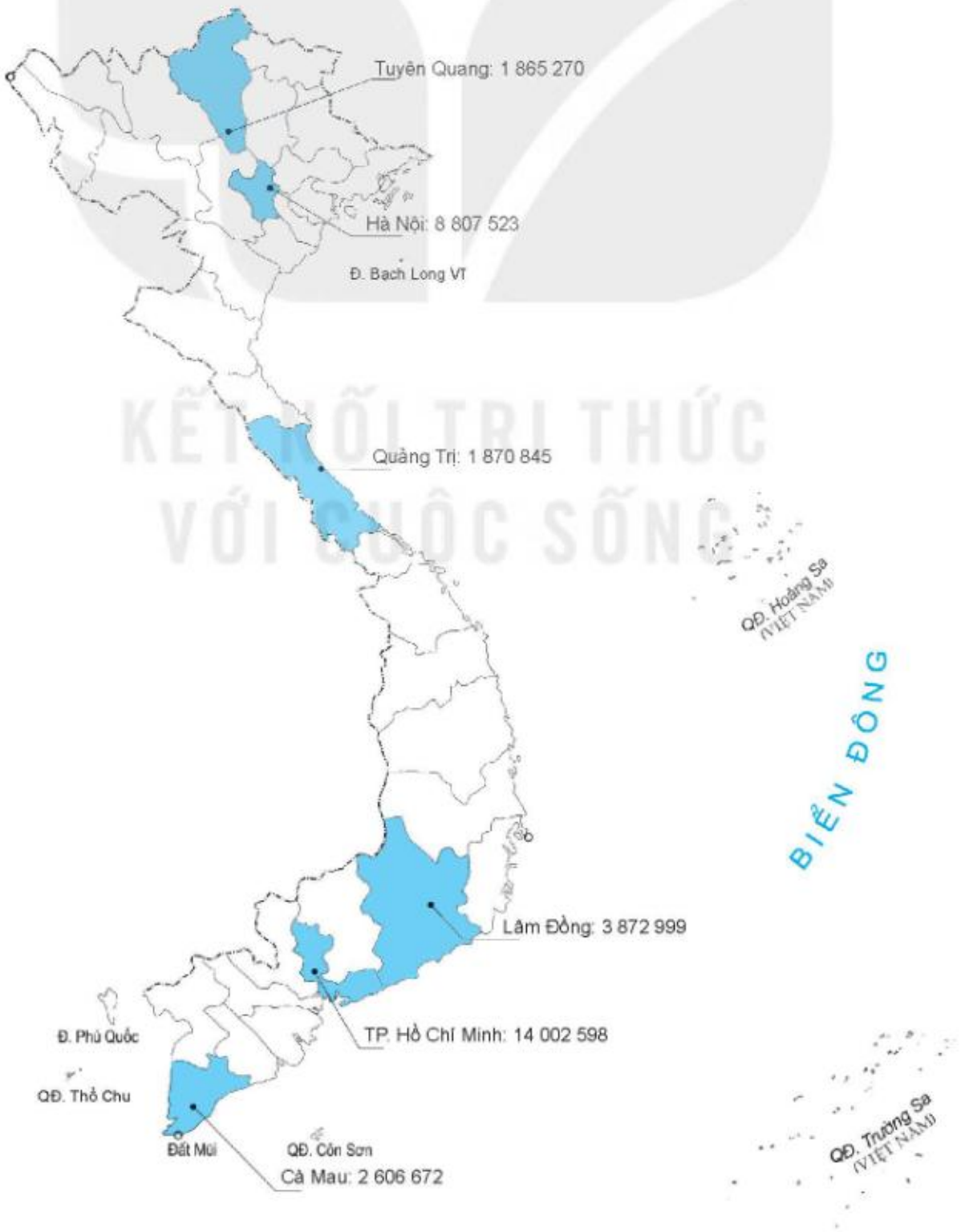
ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Bài 33

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU

Luyện tập

1 Trong hình dưới đây có ghi số dân của một số tỉnh, thành phố năm 2025 (theo https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/). Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Cho số 517 906 384.

a) Nêu các chữ số thuộc lớp triệu của số đó.

b) Nêu các chữ số thuộc lớp nghìn của số đó.

c) Nêu các chữ số thuộc lớp đơn vị của số đó.

d) Đọc số đó.

3 a) Viết mỗi số 45 703, 608 292, 815 036, 5 240 601 thành tổng (theo mẫu).

Mẫu : 45 703 = 40 000 + 5 000 + 700 + 3.

b) Số ?

50 000 + 6 000 + 300 + 20 + ? = 56 327

800 000 + 2 000 + ? + 40 + 5 = 802 145

3 000 000 + 700 000 + 5 000 + ? = 3 705 090

4 Số ?

Số	9 724	46 875	703 410	4 297 603
Giá trị của chữ số 4	4			
Giá trị của chữ số 7	700			

5 Đố em!

Cho một số có ba chữ số. Khi viết thêm chữ số 2 vào trước số đó thì được số mới có bốn chữ số lớn hơn số đã cho bao nhiêu đơn vị?

Luyện tập

1 >; <; = ?

a) 98 979 ? 701 352

651 410 ? 639 837

4 785 696 ? 5 460 315

b) 37 020 ? 30 000 + 7 000 + 20

200 895 ? 200 000 + 900 + 5

8 100 300 ? 7 000 000 + 900 000

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Bảng thống kê dưới đây cho biết số lượt khách du lịch của một số nước Đông Nam Á đến Việt Nam năm 2019 (theo Niên giám thống kê năm 2019).

Tên nước	Số lượt khách du lịch đến Việt Nam
Cam-pu-chia 	227 900
Lào 	98 500
Thái Lan 	509 800
Ma-lai-xi-a 	606 200

a) Nước nào có số lượt khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất?

Nước nào có số lượt khách du lịch đến Việt Nam ít nhất?

b) Số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam-pu-chia ít hơn số lượt khách du lịch của những nước nào trong các nước trên?

3 Số học sinh cấp Tiểu học trên cả nước tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8 891 344 học sinh (theo Niên giám thống kê năm 2020).

a) Khi làm tròn số học sinh đến hàng trăm:

Nam nói: "Số học sinh có khoảng 8 891 400".

Việt nói: "Số học sinh có khoảng 8 891 300".

Theo em, bạn nào nói đúng?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Mỗi bạn dưới đây đã làm tròn số học sinh đến hàng nào?



4 Trong siêu thị điện máy, cô bán hàng đã đặt nhầm biển giá tiền của bốn loại máy tính như sau:



A

21 900 000 đồng



B

17 800 000 đồng



C

22 300 000 đồng



D

18 700 000 đồng

Biết rằng máy tính C có giá thấp nhất, máy tính B có giá thấp hơn máy tính D nhưng cao hơn máy tính A. Em hãy giúp cô bán hàng xác định đúng giá tiền của mỗi máy tính.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 34

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ



1 Tính nhẩm.

a) 70 000 + 60 000

160 000 – 90 000

500 000 + 700 000

b) 90 000 + 50 000 – 80 000

150 000 – 70 000 + 40 000

800 000 + 700 000 – 900 000

2 Đặt tính rồi tính.

9 658 + 6 290

14 709 – 5 234

56 204 + 74 539

159 570 – 81 625

3 Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất, biểu thức nào dưới đây có giá trị bé nhất?

A

90 000 + 30 000 + 5 473

B

387 568 – (200 000 – 40 000)

C

456 250 + 200 000 – 500 000

D

210 000 – 90 000 + 4 975

4 Bố mua cho Nam một bộ quần áo đồng phục, đôi giày và đôi tất hết tất cả 314 000 đồng. Trong đó, tổng số tiền của bộ quần áo đồng phục và đôi giày là 306 000 đồng. Tính giá tiền của mỗi loại, biết rằng giá tiền của đôi giày nhiều hơn giá tiền của đôi tất là 107 000 đồng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Tính nhẩm.

a) 8 000 000 + 4 000 000 | 15 000 000 – 9 000 000

60 000 000 + 50 000 000 | 140 000 000 – 80 000 000

b) 6 000 000 + 9 000 000 – 7 000 000

130 000 000 – 60 000 000 + 50 000 000

2 Đặt tính rồi tính.

370 528 + 85 706	435 290 + 208 651
251 749 – 6 052	694 851 – 365 470

3 Hình dưới đây cho biết giá tiền của một số món đồ.



50 000 đồng



70 000 đồng



125 000 đồng



65 000 đồng

a) Mai mua một đôi dép và một hộp đồ chơi xếp hình, Mai đưa cho cô bán hàng tờ tiền 200 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Mai bao nhiêu tiền?

b) Chọn câu trả lời đúng.

Với tờ tiền 200 000 đồng, Mai đủ tiền mua được ba món đồ nào dưới đây?

A. Cái mũ, đôi dép, hộp đồ chơi xếp hình
B. Cái mũ, đôi dép, gấu bông
C. Cái mũ, hộp đồ chơi xếp hình, gấu bông
D. Đôi dép, hộp đồ chơi xếp hình, gấu bông

4 Tính bằng cách thuận tiện.

16 370 + 6 090 + 2 530 + 4 010

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

245 489 + 32 601

760 802 + 239 059

566 345 – 7 123

800 693 – 750 148

2 Đ, S ?

a) 80 000 + 40 000 = 100 000 ?

b) 175 000 – 25 000 = 50 000 ?

c) 9 000 000 + 3 000 000 – 2 000 000 = 10 000 000 ?

3 Tuyến đường sắt từ ga Hà Nội đến ga Đà Nẵng (qua ga Đồng Hới) dài 791 km. Tuyến đường sắt từ ga Hà Nội đến ga Đồng Hới dài hơn tuyến đường sắt từ ga Đồng Hới đến ga Đà Nẵng là 253 km. Tính độ dài tuyến đường sắt từ ga Hà Nội đến ga Đồng Hới và từ ga Đồng Hới đến ga Đà Nẵng.



(Theo http://www.vietnam-tourism.com)

4 >; <; = ?

a) 135 900 – (200 900 – 80 050) ? 6 000 – 4 500 + 14 000

b) 34 785 + 20 300 – 2 785 ? 20 350 + 18 127 + 8 450

Bài 35

ÔN TẬP HÌNH HỌC



1 Chọn câu trả lời đúng.

Hai kim của đồng hồ nào dưới đây tạo thành góc tù?

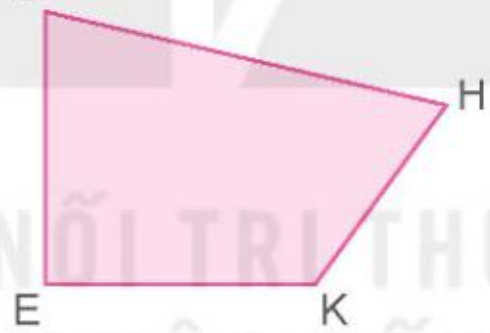
A. 

B. 

C. 

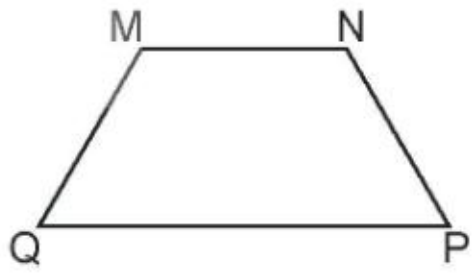
D. 

2 Nêu tên các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình dưới đây.



3 a) Dùng thước đo góc để đo các góc của hình tứ giác MNPQ.

b) Nêu tên các cặp góc có số đo bằng nhau của hình tứ giác MNPQ.



4 Số ?

Hình bên có:

a) ? góc nhọn.

b) ? góc vuông.

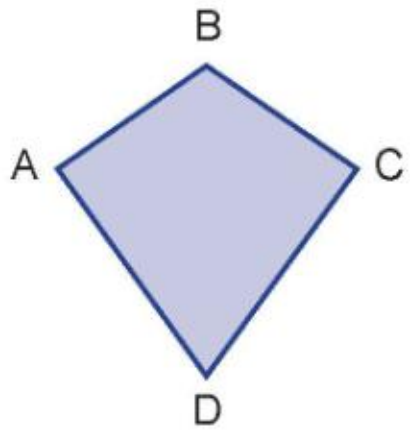
c) ? góc tù.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

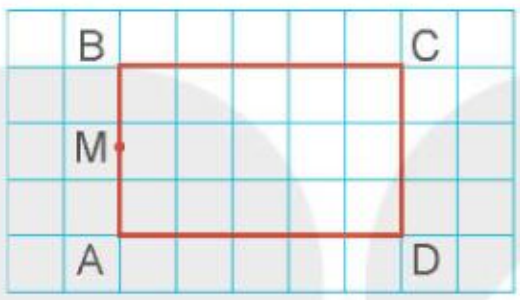
1 Cho hình tứ giác ABCD có góc đỉnh A và góc đỉnh C là góc vuông.



a) Hãy nêu từng cặp cạnh vuông góc với nhau.

b) Hãy nêu từng cặp cạnh cắt nhau và không vuông góc với nhau.

2 a) Vẽ hình chữ nhật ABCD và điểm M trên giấy kẻ ô vuông như hình dưới đây.



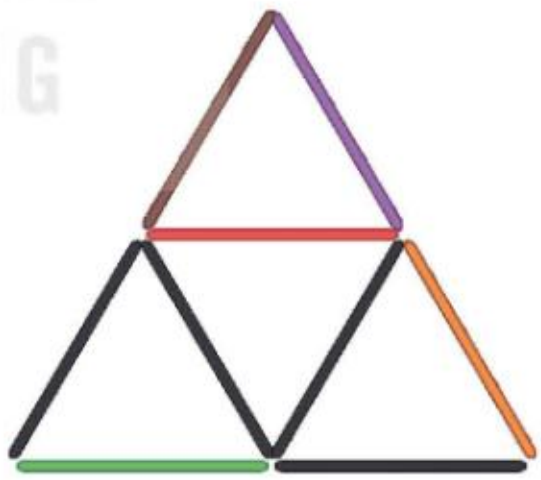


b) Hãy vẽ đường thẳng đi qua điểm M và song song với cạnh AD, cắt cạnh CD tại điểm N.

c) Dùng ê ke để kiểm tra xem đoạn thẳng MN có vuông góc với cạnh CD không.

3 Chọn câu trả lời đúng.

Hình bên được xếp bởi các que tính.



a) Trong hình bên có bao nhiêu hình thoi?

A. 1 B. 2

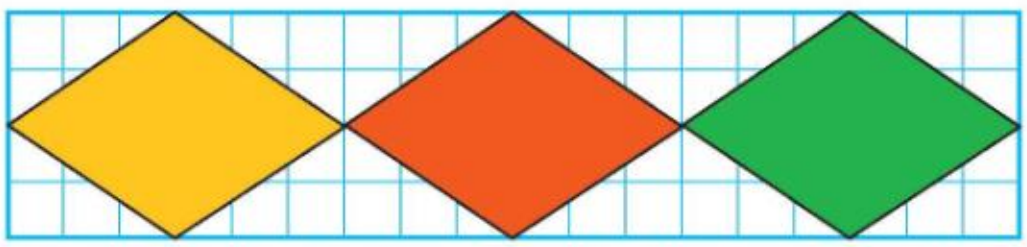
C. 3 D. 4

b) Que tính màu đỏ được xếp song song với que tính màu nào dưới đây?

A. Màu nâu B. Màu xanh

C. Màu tím D. Màu da cam

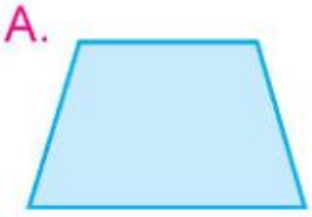
4 Vẽ hình rồi tô màu (theo mẫu).



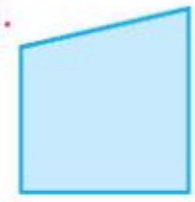
luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a) Hình nào dưới đây là hình bình hành?

A. 

B. 

C. 

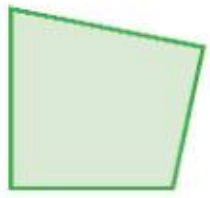
D. 

b) Hình nào dưới đây vừa có cặp cạnh song song, vừa có cặp cạnh vuông góc?

A. 

B. 

C. 

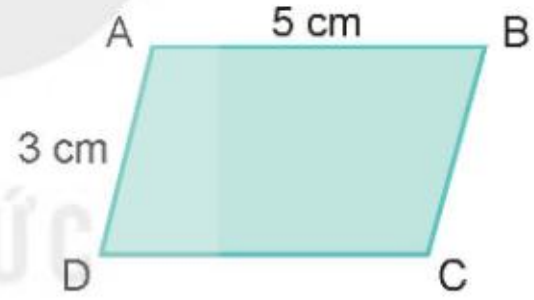
D. 

2 Số ?

a) Cho hình bình hành ABCD như hình bên.

BC = ? cm

DC = ? cm

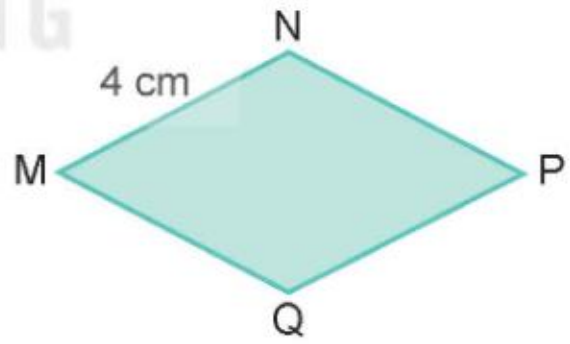


b) Cho hình thoi MNPQ như hình bên.

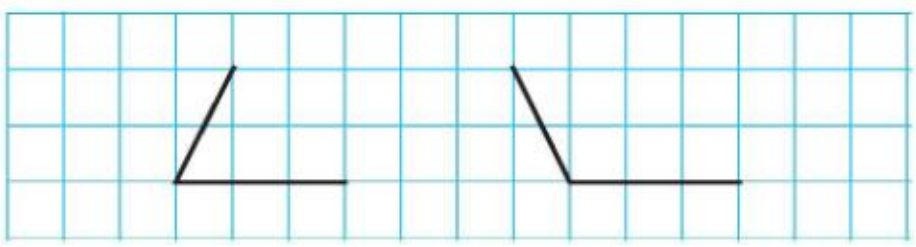
NP = ? cm

PQ = ? cm

QM = ? cm



3 Vẽ góc nhọn, góc tù (theo mẫu).

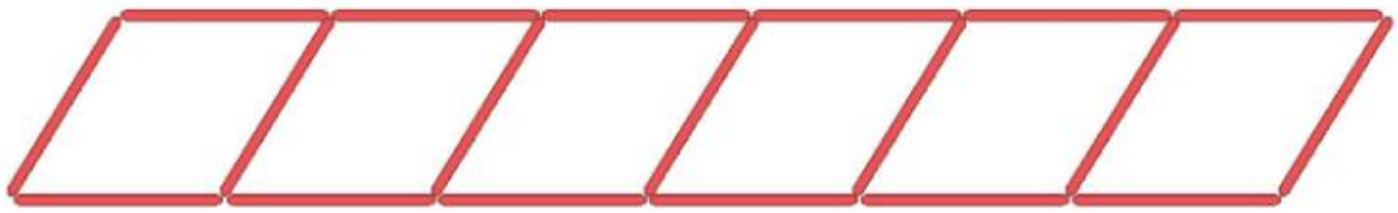


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

trò chơi

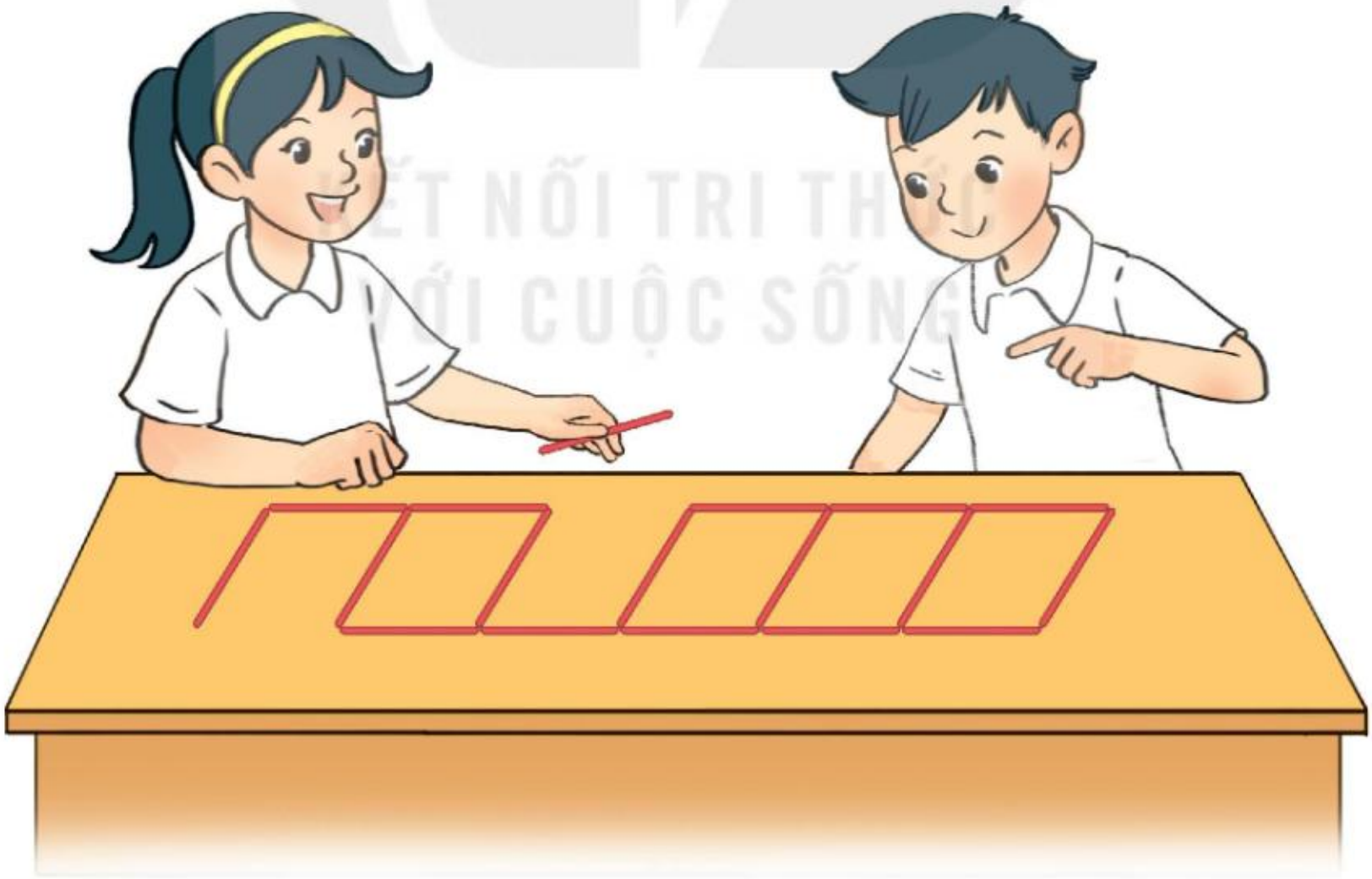
LẤY QUE TÍNH

Xếp 19 que tính thành hình sau:



Cách chơi:

- Chơi theo cặp.
- Khi đến lượt, người chơi lấy ra một que tính.
- Trò chơi kết thúc khi các que tính còn lại không tạo thành hình thoi hoặc hình bình hành.



Bài 36

ÔN TẬP ĐO LƯỜNG



1 Số ?

a) 1 yến = ? kg

1 tạ = ? yến = ? kg

1 tấn = ? tạ = ? kg

10 kg = ? yến

100 kg = ? tạ

1 000 kg = ? tấn

b) 2 tạ = ? kg

4 tấn = ? tạ = ? kg

3 tạ 60 kg = ? kg

1 tấn 7 tạ = ? tạ

2 Số ?

a) 5 yến + 7 yến = ? yến

43 tấn – 25 tấn = ? tấn

b) 3 tạ × 5 = ? tạ

15 tạ : 3 = ? tạ

15 tạ : 5 = ? tạ

3 >; <; = ?

a) 3 kg 250 g ? 3 250 g

b) 5 tạ 4 yến ? 538 kg

c) 2 tấn 2 tạ ? 2 220 kg

4 a) Con bê cân nặng 1 tạ 40 kg. Con bò nặng hơn con bê là 220 kg. Hỏi con bò và con bê nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

b) Một con voi nặng gấp đôi tổng số cân nặng của con bò và con bê (ở câu a). Hỏi con voi cân nặng mấy tấn?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Số ?

a) 1 cm^2 = ? mm^2

1 dm^2 = ? cm^2

1 m^2 = ? dm^2

b) 2 cm^2 = ? mm^2

4 dm^2 = ? cm^2

3 m^2 = ? dm^2 = ? cm^2

c) 1 phút = ? giây

1 phút 30 giây = ? giây

100 mm^2 = ? cm^2

100 cm^2 = ? dm^2

1 m^2 = ? cm^2

5 m^2 = ? cm^2

1 dm^2 6 cm^2 = ? cm^2

1 m^2 5 dm^2 = ? dm^2

1 thế kỉ = ? năm

100 năm = ? thế kỉ

2 Số ?

a) 20 mm^2 + 30 mm^2 = ? mm^2

b) 6 m^2 × 4 = ? m^2

36 cm^2 – 17 cm^2 = ? cm^2

30 dm^2 : 5 = ? dm^2

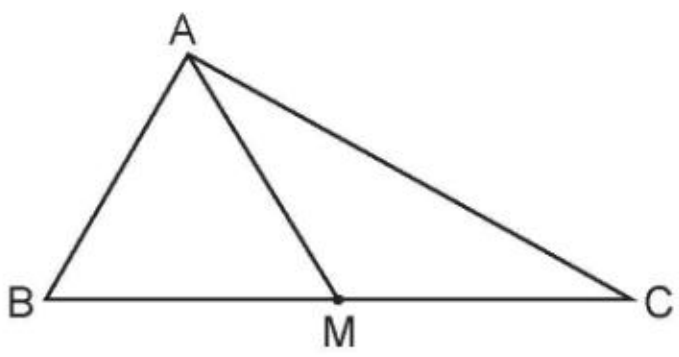
3 >; <; = ?

a) 2 cm^2 50 mm^2 ? 250 mm^2

b) 3 dm^2 90 cm^2 ? 4 dm^2

c) 2 m^2 5 dm^2 ? 250 dm^2

4 Em hãy dùng thước đo góc để đo rồi viết số đo các góc đỉnh B; cạnh BA, BM và góc đỉnh M; cạnh MA, MC.



5 Mảnh đất trồng rau hình chữ nhật có chiều dài 15 m, chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Tính diện tích của mảnh đất đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 37

ÔN TẬP CHUNG



1 Nêu số và cách đọc số (theo mẫu).

Hàng							Viết số	Đọc số
Triệu	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị		
3	2	7	4	6	8	5	3 274 685	ba triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi lăm
1	6	2	1	4	9	4	?	?
2	7	6	0	0	5	3	?	?
	3	8	1	0	0	5	?	?

2 a) Đọc các số sau và cho biết chữ số 7 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.

5 343 627; 1 571 210; 2 180 764; 7 042 500

b) Nêu giá trị của chữ số 6 trong mỗi số sau.

12 631; 1 263 015; 41 263; 6 314 508; 276 310

3 a) Sắp xếp các số 5 612; 6 521; 6 251; 5 216 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Sắp xếp các số 12 509; 21 025; 9 999; 20 152 theo thứ tự từ lớn đến bé.

4 Đặt tính rồi tính.

3 675 + 2 918

40 613 + 47 519

7 641 – 2 815

62 748 – 35 261

5 Một khu vườn ươm cây giống dạng hình chữ nhật có chiều rộng 45 m, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Người ta làm hàng rào xung quanh khu vườn đó và để cửa vào rộng 4 m. Hỏi hàng rào khu vườn đó dài bao nhiêu mét?

Luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

23 152 × 4	6 071 × 3
24 185 : 5	5 208 : 4

2 Chọn câu trả lời đúng.

a) Số đo diện tích mỗi hình được ghi như hình vẽ sau. Hỏi hình nào có diện tích lớn nhất?

A. 

B. 

C. 

b) Mỗi ô tô chở số cân nặng hàng hoá được ghi như hình vẽ sau. Hỏi ô tô nào chở nhẹ nhất?

A. 

B. 

C. 

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Trong kì nghỉ hè, trường của Mai có 120 học sinh tham gia học bơi và 60 học sinh tham gia học bóng đá. Cô giáo chia đều số học sinh của mỗi môn vào 5 lớp. Hỏi một lớp học bơi như vậy nhiều hơn một lớp học bóng đá bao nhiêu học sinh?

4 Bảng sau thống kê số huy chương vàng (HCV), huy chương bạc (HCB), huy chương đồng (HCĐ) mà đoàn thể thao người khuyết tật Việt Nam giành được tại ASEAN Para Games 11 (theo báo Quân đội nhân dân, ngày 06/08/2022).

STT	Môn	HCV	HCB	HCĐ
1	Bơi	27	20	12
2	Điền kinh	15	25	16
3	Cử tạ	10	8	3
4	Cầu lông			3
5	Bóng bàn		1	10
6	Cờ vua	13	6	11
7	Judo		2	1
8	Bắn cung			
	Tổng	65	62	56

Dựa vào bảng thống kê, hãy cho biết:

– Tổng số mỗi loại huy chương vàng, bạc, đồng là bao nhiêu chiếc.

– Trong các môn thi đấu, môn nào có số huy chương vàng nhiều nhất.

5 Một cánh đồng muối thu hoạch được 5 tấn muối. Người ta dùng hai ô tô để chở hết số muối đó về kho. Biết ô tô thứ nhất chở nhiều hơn ô tô thứ hai 4 tạ muối. Hỏi mỗi ô tô chở bao nhiêu tạ muối?



1 Chọn câu trả lời đúng.

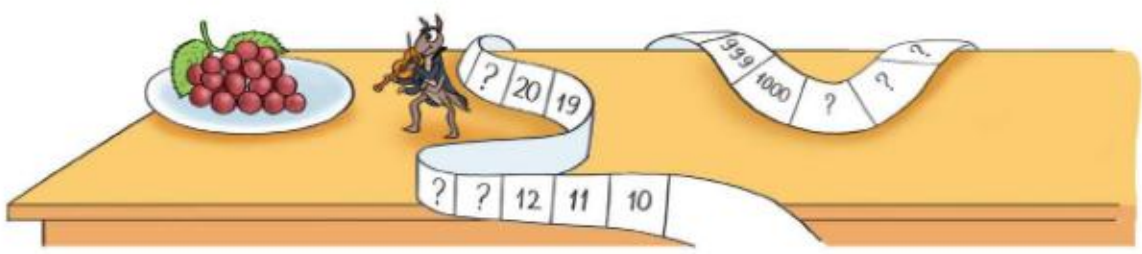
Trên băng giấy có 6 ô có dấu "?". Trong các ô đó có:

A. 1 số chẵn

B. 2 số chẵn

C. 3 số chẵn

D. 4 số chẵn



2 >; <; = ?



1 m^2 56 dm^2 ? 27 dm^2 + 89 dm^2

150 mm^2 × 2 ? 3 cm^2

6 tạ + 2 tạ ? 75 yến

4 tấn 500 kg ? 9 000 kg : 2

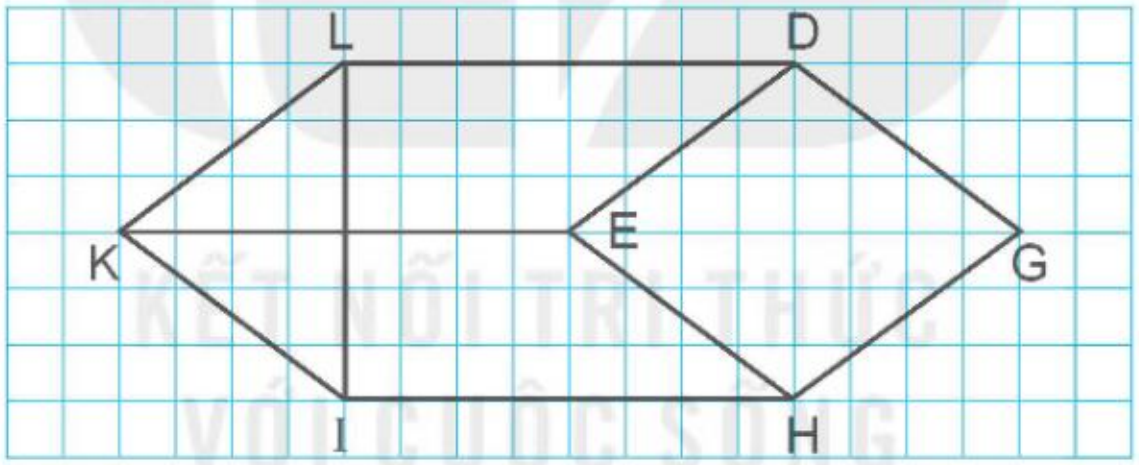
3 Tính giá trị của biểu thức.

a) 78 060 : (10 – 7) + 300 045

b) 26 000 + 9 015 × 6

4 a) Đ, S ?

Trong hình vẽ sau:



- EDGH là hình thoi. ?
- LDEK là hình bình hành. ?
- KEHI là hình thoi. ?
- Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng DE. ?

b) Tìm những đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng LI.

5 Ở bãi đất ven sông, người ta trồng tổng cộng 760 cây ổi và cây chuối. Biết số cây ổi nhiều hơn số cây chuối 40 cây. Hỏi có bao nhiêu cây chuối và bao nhiêu cây ổi?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Trang
B	
biểu thức chứa chữ	14
D	
dãy số tự nhiên	50
Đ	
đề-xi-mét vuông	60
đo góc	23
G	
giây	66
góc bẹt	26
góc nhọn	26
góc tù	26
H	
hai đường thẳng song song	98
hai đường thẳng vuông góc	91
hàng	37
hình bình hành	105
hình thoi	107
L	
lớp	37
M	
mét vuông	61
mi-li-mét vuông	63
S	
số chẵn	12
số có sáu chữ số	33
số lẻ	12
T	
tạ	56
tấn	56
thế kỉ	66
tính chất giao hoán	82
tính chất kết hợp	84
Y	
yến	56

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: VŨ MINH HẢI – LƯU THẾ SƠN
Biên tập tái bản: VŨ MINH HẢI
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: TRẦN LINH CHI
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN HỒNG QUÂN
Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH – PHAN THỊ THANH BÌNH
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 4 - TẬP MỘT
Mã số: G1HH4T001h26

In ..... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/33-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35031-2
Tập hai: 978-604-0-35032-9



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 4, tập một
2. Tiếng Việt 4, tập hai
3. Toán 4, tập một
4. Toán 4, tập hai
5. Khoa học 4
6. Đạo đức 4
7. Âm nhạc 4
8. Mĩ thuật 4
9. Công nghệ 4
10. Lịch sử và Địa lí 4
11. Tin học 4
12. Hoạt động trải nghiệm 4
13. Giáo dục thể chất 4
14. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập một
15. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35031-2

9 786040 350312

Giá: 15.000 đ